

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Nam Cao (I)

#### Tiểu sử

Tên thật là Trần Hữu Tri. Bút hiệu khác là Thúy Rư, Xuân Du.

#### Tác phẩm

(Xin xem *Vài hàng về tác giả*)



### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Một lớp người – Tô Hoài - 3

Lão Hạc – 12

Chân dung Nam Cao – Nguyễn Đăng Mạnh – 18

Cái chết của con mực – 23

Những biến hóa của...truyện ngắn Nam Cao – Vương Trí Nhàn – 24

#### Phụ đính :

Đời thừa - Điều văn - Đôi mắt – Một đám cưới

Bài học quét nhà - Những cánh hoa tàn – Nghèo – Một bữa no

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Vài hàng về tác giả



Khi phê bình truyện ngắn *Đôi Mắt*, một nhà phê bình xem Nam Cao là người mang tính hiện thực sâu đậm vì đối tượng ông miêu tả: “*Thiên cận, lịch lạc về những người nông dân...*”.

Cao hứng, nhà phê bình trên còn bảo đó là Nam Cao viết về Vũ Bằng. Nhân một lần Nam Cao đi công tác ghé thăm bạn, trước khi Vũ Bằng: “*Không chịu đựng được gian khổ của kháng chiến, dinh tề về thành với Pháp*” Truyện ngắn *Đôi Mắt* đọc rất thú vị, tiếc thay ông qua đời sớm, vì bị Pháp phục kích bắn chết năm 1951 ở Ninh Bình.

Truyện *Chí Phèo*, ông dàn dựng hai nhân vật Chí Phèo – Thị Nở rất thành công. Đến nỗi ngày nay, Chí Phèo – Thị Nở đã là biểu tượng nhân cách hóa của “*Thị Nở thời mở cửa*”, tất bật, tằn tảo sớm khuya mà vẫn không kiếm đủ chút rượu cho “Chí Phèo” của mình...say.

\*\*\*

Xuân Sách đã cảnh báo thật....kịp thời

Anh còn *Đôi Mắt* ngây thơ  
Sống Mòn mà vẫn đợi chờ tương lai  
Thương cho *Thị Nở* ngày nay  
Kiếm không đủ rượu làm say *Chí Phèo*

Lý Hồng Nhân  
(trích trong *Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn* với Xuân Sách)

\*\*\*

Khi còn nhỏ Nam Cao học ở làng và thành phố Nam Định. Từ 1936, bắt đầu viết văn in trên các báo: Tiểu thuyết thứ bảy, Ích hữu... Năm 1938, dạy học tư ở Hà Nội và viết báo. Năm 1941, ông dạy học tư ở Thái Bình. Năm 1942, ông trở về quê, tiếp tục viết văn. Năm 1943, Nam Cao gia nhập Hội Văn hóa Cứu quốc. Cách mạng Tháng Tám (1945), ông tham gia cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, và được cử làm Chủ tịch xã. Năm 1946, ông ra Hà Nội, hoạt động trong Hội Văn hóa Cứu quốc và là thư ký tòa soạn tạp chí Tiên Phong của Hội. Cùng năm đó, ông tham gia đoàn quân Nam Tiến với tư cách phóng viên, hoạt động ở Nam Bộ. Sau đó lại trở về nhận công tác ở Ty Văn hóa Hà Nam. Mùa thu 1947, Nam Cao lên Việt Bắc, làm phóng viên báo Cứu quốc, cùng phụ trách báo Cứu quốc và là thư ký tòa soạn báo Cứu quốc Việt Bắc. Năm 1950, ông nhận công tác ở tạp chí Văn nghệ (thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam) và là ủy viên Tiểu ban Văn nghệ Trung ương. Năm 1951, ông tham gia đoàn công tác thuế nông nghiệp ở khu III. Bị địch phục kích và hy sinh.

\* Tác phẩm đã xuất bản: Đôi lứa xứng đôi (truyện ngắn, 1941); Nửa đêm (truyện ngắn, 1944); Cười (truyện ngắn, 1946); Ở rừng (nhật ký, 1948); Truyện biên giới (1951); Đôi mắt (truyện ngắn, 1954); Sống mòn (truyện dài, 1956, 1970); Chí Phèo (truyện ngắn, 1957); Truyện ngắn Nam Cao (truyện ngắn, 1960); Một đám cưới (truyện ngắn, 1963); Tác phẩm Nam Cao (tuyển, 1964); Nam Cao tác phẩm (tập I: 1976, tập II: 1977); Tuyển tập Nam Cao (tập I: 1987, tập II: 1993); Những cánh hoa tàn (truyện ngắn, 1988); Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn (1995); Nam Cao truyện ngắn (chọn lọc, 1996).

Ngoài ra ông còn làm thơ, viết kịch (Đóng góp, 1951) và biên soạn sách địa lý cùng với Văn Tân Địa dư các nước châu Âu (1948); Địa dư các nước châu Á, châu Phi (1949); Địa dư Việt Nam (1951).

- Ông được tặng giải thưởng về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1, 1996).

\*\*\*

## Một lớp người

### Tô Hoài

(trích *Chân Dung Văn Học*)

Những điều ấy khác nhau như mưa với nắng hoàn cảnh người cầm bút hôm nay với người cầm bút chúng tôi ở lứa tuổi thanh niên. Chúng tôi những cánh bèo vật vờ. Có thể phôi phôi ra biển khơi mệnh mông. Có thể giạt lên khô héo trên bờ cát.

Ngày nay, lớp lớp các bạn lớn lên, phát triển giữa cuộc sống không phải chỉ bằng vào mong ước, mà ở ngay trong tổ chức, trong đội ngũ.

Ví dụ đơn giản, một nét lớn nét chung về cuộc đời một cây bút ở lớp người cầm bút trẻ. Bạn ấy tốt nghiệp nhà trường phổ thông, trường trung cấp hay trường đại học. Rồi vào thực tế đời sống: đi bộ đội. Vừa qua chiến đấu chiến trường B, chiến trường C, bây giờ trên biên giới hải đảo, hoặc đi làm nhiệm vụ quốc tế bên Lào, bên Căm-pu-chia. Hoặc bạn ấy làm công nhân ở nhà máy, ở xưởng, ở cơ quan, ở công tác nào mà xã hội đòi hỏi và bạn có chuyên môn. Trong khi ấy, bạn thích viết văn, làm thơ, tự rèn luyện rồi viết thử, rồi ham mê dần và viết ngày một khá hơn. Đã lác đác có bài in trên báo, đã có lúc phẩm xuất bản. Rồi thì vẫn cảm thấy chưa đủ tri thức cho người viết, bạn đi học lớp báo chí, lớp chính trị, lớp viết văn, những việc cần để hỗ trợ cho nghề mà bạn say mê.

Nét chung ấy đang thấy ở những người cầm bút có triển vọng hôm nay. Chế độ tạo ra điều kiện, không phải chỉ cho một ai, mà cho cả một lớp người, một thế hệ. Thật khác chúng tôi ở tuổi ấy trước kia. Không biết có phải người có tuổi thường hay vui buồn nặng về kỷ niệm, nhưng nhìn lại đời văn của một lớp người không bao giờ tôi quên được những hiu hắt, những chua xót, những nỗi niềm những mong chờ dường như vu vơ.

Tôi có biết ít nhiều về nhà văn Nam Cao, từ quãng 1940 cho tới 1951: ngay trước ngày anh hy sinh năm 33 tuổi trên đồng bằng sông Hồng, thì khi đó Nghĩa Đô làng tôi, khi ở Đại Hoàng quê anh khi Hà Nội hay trên Việt Bắc, chúng tôi thường ở cùng nhau.

Chúng tôi cũng mang khá đủ tính nét và tâm tư thường thấy trong lớp người túng bản mà có chút chữ nghĩa ở xã hội ấy. Dân nghèo ở chợ không coi chúng tôi là những người khó rách áo ôm như họ. Mà cũng không muốn bị khinh rẻ thế, chúng tôi cũng không có tính nét của những người khốn cùng ấy. Những nghĩ ngợi trong đầu óc chúng tôi khó đọng lại một cái gì là khẳng định. Tầng lớp trên nhìn chúng tôi là những kẻ mà họ xĩa tiền ra, có thể gọi dạ bảo vâng được. Mặc dầu, có khi âm thầm vất tay lên trán mà nghĩ nước đời đến nông nỗi ấy chúng xấu hổ, tủi nhục. Đối với xã hội cứ vừa nhìn ra cái bất công lại vừa loạng quạng mơ hồ. Lẫn lộn thấy và không thấy. Rồi thì tâm trạng vẫn vờ, quần quanh và cúi mặt. Rồi thì vừa bực bội, vừa buồn thương. Ở những người nào đó có được đôi chút niềm tin và mong ước, có thể anh ta đã biết bực bội và chán chường không phải chỉ đối với thời thế, mà cả với chính mình.

Nam Cao lớn lên trong một gia đình khá giả bị sa sút. Nhà anh gốc quê, nhưng ra làm ăn ngoài tỉnh khá khá nên dọn cả ra tỉnh. Bố anh buôn gỗ và có cửa hàng đồ gỗ tiện ở thành phố Nam Định. Nhưng rồi ông rệu rã, cờ bạc. Tiền kiếm được không lại với ăn tiêu, cơ nghiệp cứ xuống dần. Rồi qua một vài chuyến buôn bán thua lỗ, bị mối lái lừa đảo, đâm khánh kiệt.

Bố anh phải bán cả cửa hiệu, trở về làng, nghèo khó hơn trước và tất nhiên trong nhà lục đục hơn trước. Cứ trông cuộc đời mấy anh em nhà Nam Cao cũng có thể thấy vẽ ra quang cảnh nhà anh và xã hội đổi thay thế nào. Nam Cao, anh lớn nhất, được học đến tốt nghiệp tiểu học lên bậc thành chung, mười một năm. Các em trai anh không biết cửa trường học ở đâu. Người thì gồng thuê gánh mướn, sống đời cố nông. Người đến tuổi, đi sở mộ vào Nam Kỳ làm phu cao su. Riêng có người em trai út, năm 1945 mới là thiếu nhi, đến 1954. khi hoà bình lập lại, được đi học thành kỹ sư.

Nam Cao kể với tôi khi anh đã lớn, biết rõ việc nhà, anh rất ghét bố anh. Tất nhiên ghét theo cách lặng lẽ của Nam Cao. Bây giờ ông cụ mất đã lâu.

Nhưng tôi tưởng ngay cá lúc sinh thời, cũng không bao giờ cụ biết được có lúc người con cả của cụ lại nghĩ về mình như thế. Ghét bố, bởi chỉ vì bố mà gia đình phải tay không về làng. Vì bố mà các em anh không đứa nào biết mặt chữ. Vì bố mà... bao nhiêu tội lỗi ở cái nhà này đều vì ông ấy cả. Có lúc anh đang cười to, chợt nhận thấy hình như mình có cái dáng vừa cười vừa giơ tay, bố anh cũng hay cười và giơ tay thế. Nam Cao cố chữa cho không cười và giơ tay giống vậy. Nam Cao cực ghét người đánh bạc và không biết cờ bạc là gì. Nam Cao kiếm lại những cử chỉ, các sinh sống, cái gì có thể giống bố, nhất định làm khác. Nhưng ngẫm nghĩ, rồi lại thương. Ông ấy phá, ông ấy làm ra, rồi ông ấy phá, công của ông ấy chứ nhà này ai để được đồng tiền nào mà căm ghét gì ông ấy. Thế là lại

thương, thương bố, thương mẹ, thương bà nội, cụ ngoại sống lâu quá, thương vợ, thương thân, thương những người đã cùng túng lại cứ cần nhằn cấu xé làm khổ nhau trong cái bể khổ đầy voi khắp thế gian này.

Cứ giận dỗi lại xót xa, lại hối hận như thế.

Nam Cao lấy vợ được chưa đầy một năm thì anh đi Sài Gòn. Cũng chẳng có mục đích gì mà đi. Duyên do vì ông Lễ, một người cậu họ có cửa hàng may đo Tây ở trong ấy. Ông cậu muốn có một người nhà vừa sổ sách, vừa tay hòm chia khoá, thế là ông về mang cháu đi.

Cũng không phải chàng thanh niên này thất tình, thất chí gì đâu. Vợ chồng lấy nhau do cha mẹ gả bán từ khi còn ít tuổi, theo phong tục thông thường thời ấy. Cũng khó khăn đôi chút, vì chị ấy người bên lương, nhà anh đi đạo, nhưng họ đạo xôi đỗ mà anh thì tự nhiên đã nhạt đạo nên rồi cũng nên vợ chồng. Năm ấy, anh ốm, không thi hết bậc học thành chung ngoài Nam Định được đến năm ở Sài Gòn về, anh thi mới đỗ. Vợ anh thì chỉ như đứa con gái được mua bán đem về nhà để cha mẹ anh sai bảo. Với anh, mọi ràng buộc riêng tư chẳng thành vấn đề cản bước anh đi. Làm đời trai thử bay nhảy xem sao. Thế là đi.

Hơn hai năm trời ở Sài Gòn anh làm việc chí thú như mong muốn của người cậu: sổ sách, xuống tàu Tây cảng Nhà Rồng đo quần áo cho khách hàng và trông nhà. Nhưng cũng không phải anh chỉ bằng lòng và yên ổn sống như thế, anh cũng chút ít tìm ra ngoài xã hội.

Anh vào tráng đoàn hướng đạo. Một hôm, đoàn anh đi cắm trại ở Lái Thiêu. Mỗi tốp chia nhau ra chơi trò thỏ rùa, bịt mắt bắt dê... Sau đó về, từ đấy, anh không đến với đoàn nữa. Bao nhiêu năm rồi kể lại mà anh vẫn không nín được cười: thằng con trai to đầu đến độ có vợ rồi mà lại còn đi chơi trò trẻ trâu ấy làm gì! Anh cũng đến báo *Kịch Bóng*, xin được cái thẻ làm phóng viên. Rồi có lần phóng viên *Kịch Bóng* chưa viết được bài nào, cũng đi Nha Trang bằng tiền túi của mình dành dụm được.

Những hoạt động của phong trào Bình dân hồi 1935, 37 sôi nổi khắp thành phố và ngay cả quanh mình anh ở hiệu may Tây trong ngõ hẻm Chợ Cũ. Đêm đêm và buổi trưa anh nằm ngủ trên mảnh ván ghép kê dưới gầm chiếc bàn sắt to đặt giữa nhà. Quanh bàn và cả trên mặt bàn, những câu chuyện hào hứng về đình công, về biểu tình, về hội ái hữu, về nghiệp đoàn Đông Dương miên man đêm ngày không lúc nào ngắt. Ông Ngôn, cậu ruột anh khác ông Lễ cũng là tay hoạt động hăng hái trong ái hữu thợ may.

Nam Cao ngủ dưới gầm bàn, anh không để ý và cũng không ai để ý anh. Có thể có bạn nào nghiên cứu về Nam Cao sẽ nghĩ ra đại loại những câu hỏi: thế thì vì động cơ gì mà Nam Cao lại không tham gia phong trào chính trị lúc ấy rầm rộ đến thế. Tôi thì tôi chịu không cất nghĩa được. Bởi tôi không thể nào tìm được vì cái gì cả. Nhưng, nếu thế, tôi xin hỏi ngược lại: vậy sao anh lại dừng dừng trước tài hùng biện của tờ-rốt-kít Tạ Thu Thâu, hầu như chủ nhật nào cũng diễn thuyết ở "bùng binh" chợ Bến Thành náo nức Sài Gòn.

Vâng, chỉ có điều dễ hiểu là lúc ấy anh chưa để ý, vậy thôi. Thời cơ chưa đến với tâm tư con người ta.

Mấy năm sau, khi cậu Ngôn bị mật thám Pháp truy lùng và ông ấy phải trục xuất về nguyên quán vì những hoạt động dính líu đến Nam Kỳ khởi nghĩa. Tôi được làm quen với ông Ngôn ở Đại Hoàng. Hồi ấy, những câu chuyện ông kể cho chúng tôi nghe về Tây đốt làng,

Tây khâu dây thép vào tay người ném xuống biển, Tây bắt ông ấy... Hình ảnh ông Ngôn tham gia "cuộc phiến loạn ở Nam Kỳ" rồi bị xích tay giải về làng, lại đi làm thuê làm mướn như những ngày nghèo khó năm xưa, hình ảnh ấy đã xúc động Nam Cao nhiều. Nam Cao rất phục ông Ngôn. Trong cuộc đời và trong sáng tác của Nam Cao, tôi nhận thấy qua trò chuyện và ao ước của anh, cậu Ngôn là một hình ảnh sâu sắc mà chưa khi nào anh viết tới, tôi tin có những ảnh hưởng quyết định tới công việc tham gia hoạt động sau này của Nam Cao. Nhưng Nam Cao đã mất sớm, không biết, kháng chiến ở vùng giải phóng khu du kích Đại Hoàng, ông Ngôn bị bắt trong chính đồn tổ chức và bị chết oan.

Hoàn cảnh và tâm sự con người ta thường éo le, khúc khuỷu, nổi chìm như thế.

Rồi cái hào hứng đi cho biết đó biết đây của Nam Cao bỗng biến thành một ân hận suốt đời. Ở Sài Gòn, anh ốm đến phù nề chân tay và phải trở về Bắc.

Một hôm, ngồi ăn cơm ở nhà, anh chợt để ý thấy bàn tay vợ rám nắng. Tôi nghĩ có khi bàn tay người làm đồng nắng mưa vất vả, dù ở tuổi con gái cũng bị rám nắng như thế từ đời thuở nào rồi, nhưng mà cái bệnh lo nghĩ của anh, anh rất cả lo, lan man lo, đã khiến lúc ấy anh thương vợ và anh giận anh đến thế.

Anh ân hận làm sao anh lại ngu dại đến bỏ đi Sài Gòn để đến nỗi bây giờ hai bàn tay người vợ yêu thương của anh đã nhăn nheo cả rồi anh mới về - tuổi thanh xuân và tình yêu đã qua đi, đã mất rồi, không bao giờ trở lại, không bao giờ vợ anh lại có được bàn tay của người đương xuân.

Bàn tay đẹp không bao giờ anh được thấy đã từ ám ảnh trở thành ước mơ. Cái đầu đề truyện ngắn *Bàn tay đẹp* ấy của Nam Cao in báo *Quân du kích* ở Việt Bắc viết về một cô du kích ở hậu địch đồng bằng sông Hồng có hai bàn tay đẹp cầm súng không có gì khác là ở nơi xa xôi nói được một câu về nỗi ao ước ngày trước của mình.

Trong sáng tác, Nam Cao thường viết rất thật - sự thật thông qua sức mạnh sáng tạo của anh. Đọc sáng tác nào của anh, tôi cũng có thể tìm ra và đoán được chuyện này anh thấy ở đâu, anh nghe ai kể, nhân vật ấy là ai. Khi viết xong tiểu thuyết *Chết mòn*(1) Nam Cao hay nói đùa: "Bao giờ những người trong tiểu thuyết này chết đi, mình mới đem in được sách. In bây giờ thì không dám nhìn mặt ai nữa!". Nói huếch thế chứ tiểu thuyết *Chết mòn* dài mấy trăm trang, vào thời buổi khó khăn 1943, 1944, cũng chẳng nhà xuất bản nào hỏi đến.

Chỉ có mỗi nhân vật hay trở đi trở lại trong các tác phẩm của anh, thì hoàn toàn anh tưởng tượng. Mà tưởng tượng cũng đơn giản thôi: chỉ việc làm ngược lại Đó là vai "vợ" của các nhân vật thường xưng "tôi" trong truyện ngắn của Nam Cao. Khi nào người vợ ấy cũng nanh ác, lắm điều, luôn miệng rín rít chửi con, dọa đánh chồng, còn chồng thì sợ vợ một phép. Trong cuộc đời vợ chồng, chị ấy đối với anh, hiền như bóng.

Nhưng sáng tác, anh tưởng tượng nghịch ngợm khác đi, "vợ" tác giá thành dữ, thành ác. Có phải có vợ quá hiền cũng buồn, cũng muốn vợ lắm điều đôi chút, cuộc sống hằng ngày đỡ tẻ hơn chẳng. Nhưng nghĩ cho cùng thì lúc nào con người và tình cảm anh cũng được buồn thương và một tấm lòng chân thành, thực như đếm được Chúng tôi thường tưng chuyện viết. Tháng nào cũng phải có truyện ngắn, truyện dài nộp cho báo và nhà xuất bản thì mới được người ta chi tiền. Khan cái để viết đến nỗi chúng tôi phải đi bói thầy bói Kế

đương có tiếng ở Nam Định rồi về Nam Cao viết lại thành truyện ngắn tả quang cảnh và lời thầy bói đã nói tốt thế nào cho anh và người xem bói, anh chỉ sáng tạo ra có cái đuôi khi viết thành truyện ngắn: thầy bói vừa nói tốt số xong, ra khỏi vỉa hè, người xem bói bị ô tô chẹt chết. Túng đến nỗi có lần anh phải lấy chuyện Kinh Thánh ra viết phỏng theo thành truyện cho trẻ em đọc. Như truyện Bảy bông lá lép(2). Tôi cũng đã tìm báo *Nam Phong* xem bài của người ta nghiên cứu về đình chùa rồi đem viết lại thành truyện cho thiếu nhi.

Cả đến trong những cuộc chơi, anh cũng chỉ biết thương người. Hồi ấy, cuối năm lại cuối tháng rồi mà chẳng có gì để viết, một đêm chúng tôi cố tình đi chơi bơ vơ một chuyến hóng cái viết. Nghe còi tàu hoả trong đêm, tưởng như đã gọi hứng rồi. Nửa đêm, từ Hà Nội xuống Nam Định. Không phải về quê, nhà Nam Cao chỉ cách thành phố khoảng chục cây số. Chúng tôi đương giang hồ vật mà. Tìm chỗ ngủ, sục vào nhà trọ, nhà nào cũng chật khách. Chúng tôi đến nhà sấm(3) Đông Phương gần Bến Củi. Nhà này cũng chẳng còn phòng trống. Đã trở ra cửa, nghe có tiếng người gọi lại: "Các anh ở tạm phòng em vậy. Em đi ngủ nhờ nhà bạn cũng được". Trông mặt cô em và câu mời với cung cách bả là nói cười trong đêm hôm khuya khoắt như thế, ả này ắt gái làm tiền loại thuê tháng nhà trọ rồi đi kiếm khách hoặc có người bao.

Chúng tôi bằng lòng ngay. Rồi thì cô ấy cũng chẳng đi ngủ nhờ nhà ai cả. Cô ấy cứ mở chăn leo vào nằm giữa hai chúng tôi. Đến nửa đêm tôi nghe tiếng khóc rì rỉ bên cạnh đầu rồi tiếng Nam Cao rì rầm khuyên, can gì đó, tôi cũng không thủng được câu chuyện đầu đuôi ra sao. Sáng ra, Nam Cao kể lại.

Giọng anh rất xúc động, anh hỏi chuyện tình cò mà được biết hoá ra trước kia cô ấy là em một người bạn anh ở Sài Gòn. Chẳng may yêu đương lỡ dở rồi cuộc đời chồng con mấy phen đau đớn, rồi giặt đời đen bạc, cô cắt tóc đi tu, rồi sa chân lỡ bước đến đây...

Tôi thì tôi không tin. Bởi vì trong đêm tối có một lúc cô điếm ấy đã quay sang cắn tai tôi. Nhưng trông nét mặt cảm động về sùng đạo của anh, tôi không dám nói. Trở về nhà tôi ở Nghĩa Đô, anh hì hục ngồi viết. Hồi ấy, chúng tôi viết khá khoẻ. Thường một truyện ngắn chỉ lia một mạch từ đầu chí cuối. Một truyện dài trên trăm trang cũng dăm bữa nửa tháng thì xong.

Nam Cao viết được một truyện vừa lấy tên là *Một đời người*, theo câu chuyện cô gái điếm đã kể đêm ấy ở nhà sấm Đông Phương. Chỉ có một việc bịa: anh đặt cho nhân vật chính một cái tên "đằm", là cô Suy-gian.

Rồi đem truyện *Một đời người* bán cho nhà xuất bản *Cộng Lực*, được chủ xuất bản ứng trước cho tám mươi đồng. Cuốn truyện này rồi nhà xuất bản đưa kiểm duyệt, bị bỏ. Lão kiểm duyệt Nguyễn Văn Chính vốn là giáo học, nhắn tôi - như tôi đã có dịp viết trong *Tự truyện*(4): "Ông, bảo hộ tôi là cái ông Nam Cao thâm lắm, ông chửi Tây bằng cách đặt tên Tây cho nhân vật rồi bắt nó đi làm đĩ. Không được đâu!".

Tám mươi đồng bạc hồi ấy không phải nhỏ đối với những người giặt gấu vá vai quanh năm như bọn tôi. Huống chi, Nam Cao còn vợ con nheo nhóc ở quê, tháng tháng đợi chồng gửi tiền về đỡ đần.

Chiều hôm ấy, Nam Cao rủ tôi đáp tàu xuống Nam Định. Nhưng cũng không phải anh về

nhà. Tám mươi đồng bạc tiền bản quyền anh đếm ra năm mươi đồng.

Anh đem năm mươi đồng về biếu cô gái điếm, cái cô mà anh cho là em người bạn cũ của anh ở Sài Gòn - mà tôi nghi ngờ chỉ là câu chuyện làm quà của cô điếm với khách làng chơi, mà anh thì thương xót, và anh nói nếu anh sẵn tiền, anh sẽ đưa cả tám chục cho cô ấy.

Nhưng không gặp lại cô gái điếm. Tìm mấy nhà xăm nữa cũng không thấy. Nam Cao ân hận mãi về lần không gặp lại này.

Còn biết bao nhiêu chuyện tương tự như thế.

Những con người chúng tôi trôi giạt lúc ấy. Chúng tôi cũng mang đủ thói hư tật xấu của kiểu người như chúng tôi trong xã hội, những ích kỷ, ganh ghét nhỏ nhen, mọi thứ. Hỏi chúng tôi thích giàu có không.

Thèm đấy, mà không biết làm thế nào giàu được. Cũng bon chen, bon chen chứ, có khi chỉ vì không ngóc lên được thì đâm ra chán chường, nhưng chúng tôi cũng thấy được xã hội bất công. Những mơ hồ cứ dần dần bị bao nhiêu khủng khiếp của tình hình đất nước và thế giới thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai và những hoạt động quyết liệt của cả nước sửa soạn đứng lên - những sự kiện lớn lao ấy đã xoá đi cho chúng tôi biết bao mật mù. Chúng tôi đến được với cách mạng bởi phán tốt đẹp còn có trong con người.

Những năm trước tháng tám 1945 cách mạng chưa trở thành không khí bao trùm đất nước một cách tất nhiên, như làn khí quyển bao quanh trái đất, như ngàn nay. Những người viết văn ở Hà Nội có thể chia thành từng loại:

- 1) Những người không biết thế nào là cách mạng, hoặc nếu biết cũng ngoảnh mặt đi. Các bạn ấy muốn sống cho đã, chơi cho đã. Các bạn ấy muốn yên thân, bởi làm cách mạng chẳng biết thế nào, dễ bị tội
- 2) Những người cũng muốn thay đổi, nhưng theo đuổi những con đường khác, anh tờ-rốt-kít, anh Đại Việt, anh Phật tử, anh Tin lành...
- 3) Có người được bè bạn thuyết phục, đọc sách báo bí mật giác ngộ đường lối của Đảng cộng sản và gia nhập các đoàn thể Việt Minh.

Nam Cao là một trong những bạn vào loại thứ ba ấy của tôi.

Nhưng đó mới chỉ là bắt đầu. Chúng tôi mới chỉ bước tới, mà trong mình vẫn mang theo vô khối thứ hành lý cũ lôi thôi. Từ đây về sau, trong tinh thần, cuộc đời tư tưởng và ngòi bút của chúng tôi mới bắt đầu và mãi mãi đẩy lên cuộc chiến tranh đưa công cuộc sáng tạo kịp với thời đại, đòi hỏi cao hơn, mạnh hơn trong đời người cầm bút, khác trước kia.

Con đường đi tới của mỗi người không mấy may dễ dàng. Tôi không biết nhiều về Trần Đăng như tôi đã biết Nam Cao trước kia. Tôi chỉ biết Trần Đăng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, anh quê ở Đám (xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm) là sinh viên. Những ngày khởi nghĩa lớp sinh viên các ngành này đã hồn nhiên hăng hái đến với cách mạng và văn học cách mạng.



Các bác sĩ Nguyễn Trinh Cơ (Tri Chơn), Nguyễn Sĩ Quốc (Minh Đạo), Từ Giấy. Hồi ấy hành động biểu lộ tinh thần mạnh mẽ nhất là gia nhập Vệ quốc đoàn. Rồi các anh dần dần đi sâu vào các ngành chuyên môn khác. Riêng có Trần Đăng làm nghề cầm bút. Năm 1950, Trần Đăng hy sinh ở Bản Trại trên biên giới phía Bắc. Đơn vị có phóng viên mặt trận Trần Đăng đi theo đã mắc mưu quân Quốc dân đảng Tường Giới Thạch, trên đường bộ đội ta tiến lên đón Hồng quân Trung Hoa xuống phía nam. Một số đồng chí trong ban chỉ huy tiểu đoàn và Trần Đăng đã hy sinh.

Tôi còn giữ được một tập sổ tay của Trần Đăng gửi. Cuốn sổ bằng bàn tay sổ tay trong ba lô chúng tôi đeo lưng thời kháng chiến không thể nào to hơn thế.

Trần Đăng đã ghi đủ thứ trên đường đi, vào quãng từ tháng 8-1948 tới tháng giêng 1949 - mới chỉ năm tháng, mà rất rõ nét, những đấu tranh trong tư tưởng và phong cách làm việc trong con người Trần Đăng. Cuộc đấu tranh bằng hành động, ý thức rõ ràng dứt khoát của nhà văn chiến sĩ.

Có thể tóm tắt nhật ký ghi chép tài liệu của Trần Đăng thành bốn phần như sau:

1. Trần Đăng luôn đi với các đơn vị chiến đấu- Mùa xuân 1948, theo bộ đội vào hậu địch Đông Bắc - vùng Ba Chẽ - Tiên Yên, anh bị phỉ bắn bị thương một ngón chân. Nhưng khi trở về căn cứ, gặp một đơn vị lên biên giới phía bắc, lại đi luôn.

Trần Đăng có thói quen vừa đi vừa viết trên đường. Trong chiến dịch biên giới thu đông 1950, anh viết bài về chiến dịch Sông Thao 1949 (bút ký *Trận Phố Ràng*), trong những ngày sắp đi hậu địch Đông Bắc, Trần Đăng viết bút ký *Một cuộc chuẩn bị* (cũng về chiến dịch Sông Thao).

Trong quãng năm tháng, Trần Đăng đã đi các mặt trận, tháng tám đến Phủ Thông và Đào Lâm, mặt trận Bắc Cạn. Tháng mười từ Việt Bắc về vùng địch Sơn Tây, qua miền tạm chiếm ở Bến Rau rồi xuống đồng bằng khu Ba - vùng hậu địch Ba Thá rồi vào Gián - Khuất.

Sống cuộc sống chiến đấu mãnh liệt, dững cảm của người chiến sĩ cầm bút.

2. Trần Đăng đọc rất nhiều - Đọc và ghi chép cẩn thận. Mỗi lần Trần Đăng ghé về cơ quan, trước khi đi một chuyến mới, hoặc có lần bị sốt rét phải nghỉ lại, Trần Đăng vẫn mê mải đọc. Trong có 5 tháng, Trần Đăng ở cơ quan báo Vệ quốc quân hơn một tháng, đã đọc và ghi vào sổ tay: Sách báo ở chiến khu: báo Độc Lập, báo Văn Nghệ. Phóng sự Chặt gọn kìm đường số 4. Chép bài thơ Viếng mộ của Hoàng Lộc. Ghi những ca dao về Đồng Tháp Mười của Bảo Định Giang, ghi các phong tục và bài hát của dân tộc Tày trong tập truyện ngắn Núi Cứu quốc của Tô Hoài.

Sách báo Pháp: báo *Ngã tư* tháng 12-47, bài của Barjavel viết về các nhân vật của E. Mauriac. Báo Khoa học và Văn nghệ Xô-viết bài của Benjamin Goriely viết về chủ nghĩa nhân văn mới. Báo Nước Pháp trước đây, nhật ký của A. Gide. Đọc các tiểu thuyết của W Walenska (Ba Lan), Jozep Pot (Đức), Ernest Renau, J, Stinbeck (Mỹ), Curzio Malaparte (Ý), Jean Louis Curtis, Gabrielle Roy, Piene Damino. Ngoài ra, không biết lấy ở sách báo nào, còn thấy ghi nhiều câu của Jean Paul Sartre nói về chủ nghĩa hiện sinh. Một đoạn tin

về giá vàng, tính theo đồng franc, giá ở Paris, Hồng Kông, Sài Gòn.

3. Trần Đăng thường xuyên chép bích báo các đơn vị- Trần Đăng chịu khó chép bích báo. Sổ tay có trên một trăm trang, thì 72 trang ghi các bài bích báo đơn vị có thể lấy ra in hẳn một bài về các bích báo này. phản ánh sinh động được thời kỳ đầu chiến đấu và sinh hoạt của quân đội. Trần Đăng chép tỉ mỉ, kỹ lưỡng, đơn vị nào, ở đâu. Ngoài ra, còn những đoạn tóm tắt tổng kết trận đánh các chiến dịch ở Trị Thiên, ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ năm 1948.

4. Trần Đăng luôn luôn chuẩn bị sáng tác - Trong tập sổ tay nhỏ bé thế mà cũng đủ những ghi chép cho chuẩn bị sáng tác và suy nghĩ của nhà văn. Trần Đăng ghi những chi tiết có đặc điểm quan sát được ở mặt trận, ở chiến sĩ, ở những nơi đã đi qua, anh chép những từ lạ, từ mới đã nghe được hoặc đọc thấy, anh ghi ý những bài dự định viết, có chỗ viết hẳn dàn bài một truyện ngắn.

Đôi chỗ, Trần Đăng ghi suy nghĩ và việc mình làm. Có chỗ rất ngắn, nhưng thật nhiều ý nghĩa và tâm sự. Ngày 15 tháng 10, Trần Đăng ghi một kế hoạch:

Phát động thi đua 300 trang, à commencer (bắt đầu) tháng hai 1949.

Ngày 11 tháng 11, viết chữ to nửa trang, hai dòng giống nhau: Hôm nay 11 tháng 11, 27 tuổi chẵn.

- Có một đoạn không đề ngày tháng, Trần Đăng viết:

Đêm nay đọc một cuốn phóng sự dự thi Việt Bắc kháng chiến. Một đêm nổi gió. Vẫn là tiếng gọi đi. Đi, trông, thấy. Đã bỏ qua những điều rất tầm thường, nhưng rất sống. Không thể được. Không có tình cảm, không có xúc động, không có tư tưởng chủ quan.

*Trong rừng Yên Thế, Lúa mới(5)* là những cái xác chết chủ quan. Chỉ có sống, sống cái khách quan và kể lại. Hãy khoan một tấm sơn mài. Hãy làm nhiều croquis cho thật đúng hệt. Giản dị, thành thực và thật".

(Một câu viết bằng tiếng Pháp): "Những tưởng tượng hoang đường, những ám ảnh ma quái, những mơ tưởng nhân đạo hư không, những xúc cảm cá nhân kiêu ngạo và đạo đức giả, những tro tàn ấy hãy tan biến hết đi".

Tình cờ, lần ấy tôi đã gặp Trần Đăng ở Đông Bắc về, trước khi anh lên biên giới và hy sinh ở Bản Trại trên đường Thất Khê ra. Kế hoạch sáng tác của Trần Đăng mà anh đã phác vào sổ tay thành một công trình của cả một giai đoạn như sau:

- Tập truyện ngắn tên là *Bạn mới*.

- Tập tiểu luận tên là Thư cho Tô Hữu (kinh nghiệm cách mạng tư tưởng và sinh hoạt quần chúng).

Tập bút ký lấy tên chung là Tiền tuyến gồm ba phần:

Phần một: Xuân chiến thắng, có 3 bài:

1 - Tất cả cho tiền tuyến.

2- Nhật ký của Phan Phú.

3- Một trận vui lớn trên đường số 4.

Phần hai: Sông Thao hè 1949, có 6 bài: 1- Đường đi Tây Bắc. 2- Dóm(6) I. 3- Một cuộc chuẩn bị 4- Phố Ràng. 5- Khe Pịa. 6- Trận cuộc, Dóm II.

Phần ba: Đông Bắc với chiến dịch, có 5 bài: 1- Vào sâu Đông Bắc, 2- Vân Ca, 3- An Châu, 4- Đình Lập chờ chiến dịch 5- Đoàn quân tiếp tế.

Trong chương trình trên có những sáng tác Trần Đăng đã viết (Một cuộc chuẩn bị, Phó Ràng). Đọc nhật ký Trần Đăng, biết chương trình sáng tác của Trần Đăng, hiểu được công phu lao động sáng tạo của nhà văn từ gốc tới thành hình một sáng tác đã công phu đến như thế nào. Ở đây, nổi lên tinh thần và tư tưởng của một người cầm bút luôn luôn khắc phục nhược điểm con người của mình bằng cách lao mạnh mẽ vào những nhiệm vụ đang đặt ra cho người cầm bút. Chẳng những chỉ là một phương hướng, một kế hoạch, mà là những hành động cụ thể, chi tiết, chịu thương, chịu khó, từ bài bích báo đơn vị được ghi lại đến một chi tiết hay quan sát được, đến những suy nghĩ thúc giục mình đi sâu nữa, làm việc nhiều nữa, lúc nào cũng cảnh giác và quyết tâm thay đổi nữa, bỏ đi, dìm đi những tàn dư tiểu tư sản thường còn lảng vảng ve vuốt mình.

Cũng như với Trần Đăng, đọc tác phẩm Nam Cao viết trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp - kết quả sau cùng của một lao động sáng tác, thấy được rất rõ bước đường phát triển của con người và nhà văn Nam Cao - từ truyện ngắn *Đôi mắt* cho đến nhật ký *Ở rừng*.

Trong các nhà văn nước ngoài mà Nam Cao đã từng đọc, Nam Cao mê nhất Sê-khốp. Tôi nhớ anh cũng chỉ phục có một mình tài năng Sê-khốp, với một số phận cùng cực và mong manh của những con người những nhân vật còm còm của ông: người công chức già, cô gái ế, cậu bé mồ côi, những luẩn quẩn vụn vặt đến nhức đầu trong gia đình nghèo và những cái rờm đời của những người có máu mặt.

Ấy thế nhưng những lúc cao hứng lên, anh cũng chẳng coi ai ra gì. Nhưng chỉ từng lúc hứng chí mênh mông thế thôi. Rồi lại bần thần nghĩ lại, anh không cải chính và hối hận mình đã lỡ lời, đã bốc tếu, nhưng những việc anh cặm cụi hàng ngày làm đã trả lời rành rõ hộ anh, anh sửa mo-rát, anh viết tin, từng tin vặt trên báo Cứu Quốc - tờ báo hàng ngày mà chúng tôi làm phóng viên. Chủ nhiệm Xuân Thủy bảo anh viết cuốn sách giải thích về nhiệm vụ người công giáo kháng chiến (cuốn sách này chưa được xuất bản), anh cộng tác với Văn Tân soạn in những tập Địa lý thế giới cho học sinh phổ thông, anh viết bích báo cho cơ quan, mỗi tuần một tờ dán ở vách bếp ăn, anh viết ca dao, ký tên Suối Trong, khi chúng tôi làm tờ báo hàng ngày Cứu Quốc Việt Bắc. Nghĩa là việc gì thấy có ích, anh đều làm, không nề hà việc to việc nhỏ. Trong khi ấy anh mơ tưởng và thực sự anh đã bắt tay vào cuốn tiểu thuyết dài về làng Đại Hoàng kháng chiến. Cuối năm 1950, mấy chương đầu anh đã viết lại mấy lần, Nguyễn Huy Tưởng và tôi đã đọc những chương đó, rồi anh bỏ, anh chưa vừa lòng...

Nam Cao vốn không phải là người xông xáo, mạnh dạn. Tính anh trầm lặng, hay nhường nhịn và dường như nhút nhát. Nhưng tất cả những trường hợp không cần phải thế, đều tỏ rõ khí phách ở anh. Chiến dịch thu đông 1950, chúng tôi ghé lại Bắc Sơn rồi về ở Vũ Lăng. Máy bay địch bắn phá Vũ Lăng. Ba lô quần áo chúng tôi cháy hết. Sở tay của anh bị đạn đâm nát.

Nhưng mặc đấy, anh đi cứu thương. Máy bay quay lại ném bom, anh vẫn cùng dân quân dọn dẹp các đám cháy cho tới tối mịt. Khi chiến dịch giải phóng biên giới sắp mở, chúng tôi vượt đường số 4 qua Lạng Sơn sang với cánh quân của ta đóng bên kia huyện Thoát Lãng. Đường số 4 bị địch chiếm đóng, canh gác và tuần tra suốt ngày đêm. Chúng tôi đến trạm liên lạc, chờ giao thông vào báo lúc nào vượt đường được.

Người đợi ở các trạm giao thông không phải người của một tổ chức, một đơn vị, nên rất tạp. Không ai biết ai và hiểu ai như thế nào. Cách thức vượt qua đường: theo giao thông và đi hàng một, ai cũng trù trù, không ai muốn là người thứ nhất đi sau người giao thông vượt qua đường. Bỗng dưng, Nam Cao lưng đeo ba lô, bước xuống đứng xếp hàng vào chỗ người đầu tiên sau người giao thông. Tính anh là vậy.

Tôi được nghe kể lại chuyện anh hy sinh(7) ở vùng đồng chiêm Hoàng Đan dưới khu ba, khi vào vùng địch chiếm, cũng tương tự như chuyện vượt đường số 4 mà tôi đã được chứng kiến. Có bảy chiếc thuyền nan lúc chập tối bơi vào vùng địch. Bảy chiếc đi cách quãng thành một hàng dài. Nam Cao ngồi ngay trong thuyền đầu. Hai thuyền đi đầu đã bị địch vây bắt. Nam Cao như thế đấy. Nó biểu hiện mạnh mẽ con người và cuộc sống của anh. Trước sau như thế, khi cần thì tất cả vì nhiệm vụ.

Tôi vẫn trở lại cất nghĩa con người chúng tôi từng bước biến đổi. Cuối cùng- sự chân thành trở thành niềm tin, đã đưa bước ta đi.

Chúng ta khẳng định sự hình thành những nhà văn thời đại, có nhiều người xưa kia đã góp sức lực thành lớp nhà văn kiểu mới trong lực lượng văn học to lớn hiện giờ. Những người ấy đã dự phần tạo nên thành quả của văn học Việt Nam ba mươi lăm năm qua. Đó là một nét trong đặc điểm văn học ta.

Những chuyện mà tôi vừa kể có thể xa lạ với bạn cầm bút ở các lứa tuổi đang lớn lên hôm nay.

Chú thích:

(1) Tiểu thuyết *Sống mòn*, đầu tiên, Nam Cao đặt tên là *Chết mòn*.

(2) *Bảy bông lúa lép*, truyện của Nam Cao, Nhà xuất bản *Cộng Lực* 1941.

(3) Nhà sãm (do chữ Pháp chambre), nhà chứa trọ, phòng cho thuê, thường có gái điếm

(4) *Tự truyện*, hồi ký của Tô Hoài, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976 (tái bản 1997)

(5) Những đoạn văn ngắn của Trần Đăng, in trên tạp chí *Độc Lập*

(6) Một đồn của Pháp trên một quả đồi tên là Dóm ở bờ sông Thao địa phận tỉnh Yên Bái.

(7) Nam Cao hy sinh ngày 1-10-1951.

## Lão Hạc

Lão Hạc thổi cái môi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc rồi.

Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

- Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

- Tôi xin cụ...

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo :

- Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ!

Lão đặt xe điếu, hút. Tôi vừa thờ khói, vừa gà gà đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng : lão nói là nói để có đấy thôi ; chẳng bao giờ lão bán đâu. Và lại, có bán thật nữa thì đã sao? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế..

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thờ khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi mê mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hường chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. ốm dậy, tôi về quê, hành lý chỉ vền vện có một cái va-ly đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỷ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng : mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần.

Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai, và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. ấy thế mà tôi cũng bán! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lỵ gần kiệt sức... Không! Lão Hạc ơi! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu? Lão quý con chó vàng của lão đã thắm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi... Tôi nghĩ thảm trong bụng thế. Còn Lão Hạc, lão nghĩ gì? Đột nhiên lão bảo tôi :

- Này! Thành cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

À! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-tác. Lão Hạc, đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng thêm hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó, lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy :

- Con chó là của cháu nó mua đấy chứ!... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta đã định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đưa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá : nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? Và lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đảng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xằng. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dần lòng bỏ đám này, để rồi gắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu ; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác ; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?... Lạy trời lạy đất! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đá động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được?... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng ; nó lấy con trai một ông phó lý, nhà có cửa. Thằng con lão sinh phần chí. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phụ, đưa thẻ, ký giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rần rần nước mắt, bảo tôi :

- Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ! Chẳng biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo : “Con biểu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà ; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo ; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn ; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về, không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta.

Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?...

\*\*\*

Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cung như đêm, chỉ thui thui một mình thì ai mà chả phải buồn? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhấm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này :

- Cậu có nhớ bố cậu không? Hả cậu Vàng? Bố cậu lâu lắm không có thư về.

Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy!

Con chó vẫn héch mồm lên nhìn chẳng lộ một vẻ gì ; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa :

- Nó giết mày đấy! Mày có biết không? Ông cho thì bỏ bố!

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng, để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa

- Mừng à? Vẫy đuôi à? Vẫy đuôi thì cũng giết! Cho cậu chết!

Thấy lão sùng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi, vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dí :

- À không! à không! Không giết cậu Vàng đâu nhĩ!... Cậu Vàng của ông ngoan lắm! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thờ dài. Rồi lão lẩm bầm tính. Đấy là lão tính tiền bòn vườn của con...

Sau khi thẳng con đi, lão tự bảo rằng : “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu, thì nó hưởng. Lóp trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu? Nó không có tiền cưới vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...”. Lão tự bảo lão

như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc hẳn thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi :

- Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi.

Một trận đúng hai tháng, mười tám ngày, ông giáo ạ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy?... Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất về sởi, nghề vải đàn phải bỏ. Đàn bà rối rắm nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà gia sự vẫn còn đói deo đói dặt...

- Thì ra cậu Vàng cậu ấy ăn khoẻ hơn cả tôi ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thè, bỏ rẻ cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy già đi, bán hụt tiền, có phải hoài không? Bây giờ cậu ấy béo trũng trục, mua đất, người ta cũng thích...

Lão ngắt lại một phút, rồi tắc lưỡi :

- Thôi thì bán phất đi! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu?

\*\*\*

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão báo ngay :

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

- CỤ bán rồi?

- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc.

Tôi hỏi cho có chuyện :

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

- Khốn nạn... Ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bây giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết! Này!

Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng : “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này?”. Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nở tâm lừa nó!

Tôi an ủi lão :

- Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả biết đâu! Và lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết nó chính là hoá kiếp cho nó đấy, hoá kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo :

- Ông giáo nói phải! Kiếp cho chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn...

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :

- Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc ; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại.

Tôi vui vẻ bảo :

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo cho đi khi khác?...

- Việc gì còn phải chờ khi khác?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...

- Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

- Việc gì thế, cụ?

- Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

- Vâng, cụ nói.

- Nó thế này, ông giáo ạ!



Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẹ và dài dòng thật. Nhưng đại khái có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất : Lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này. Tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão, lão viết văn tự nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng dòm nhó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai : Lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào : con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt : lão còn được hăm hăm đồng bạc với năm đồng vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão :

- Sao cụ lo xa quá thế? Cụ còn khoẻ lắm, chưa chết đâu mà sợ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại?

- Không, ông giáo ạ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

- Đã đành rằng là thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao?...

Tôi cảm rơm, cảm cỏ tôi lạy ông giáo! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi :

- Có đồng nào, cụ nhật nhật đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn?

Lão cười nhạt bảo :

- Được ạ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi :

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói.

\*\*\*

Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận.

Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngầm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ

tôi không ưng giúp lão. Lão cứ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gàn như là hách dịch. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường như thế. Họ dư tử thân nên rất hay chạnh lòng. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một hôm, tôi phân nản về việc ấy với binh Tư.

Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi : Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bủi môi và bảo :

- Lão làm bộ đấy! Thật ra thì lão chỉ tâm ngảm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trở to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thào :

- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng.. Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...

\*\*\*

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xông xọc chạy vào.

Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, giật nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn : cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”

## Chân dung Nam Cao Nguyễn Đăng Mạnh

Năm 1963, tôi có về làng Đại Hoàng, quê Nam Cao, cùng với Nguyễn Hoàn Khung. Lúc ấy ông bà thân sinh Nam Cao hãy còn sống. Tôi đã được uống rượu với ông cụ, được ăn cam Đại Hoàng. Tôi còn được gặp *cô Hồng con Nam Cao* và một ông em của Nam Cao. Một nông dân tên là Đạt. Tôi về Đại Hoàng để tìm hiểu những nguyên mẫu nhân vật của tác phẩm Nam Cao, vì biết ông hay dùng nguyên mẫu. Hồi ấy tôi có hướng dẫn một sinh viên tên là Bạch Văn Hợp làm luận văn sau đại học (tức luận văn thạc sĩ sau này) , đề tài là: “*Từ nguyên mẫu đến nhân vật truyện của Nam Cao*”.

Chí Phèo không phải là người cùng thời với Nam Cao. Đó là một nhân vật truyền thuyết của làng. Ngày xưa có một anh Chí Phèo, làm nghề mổ lợn, giỏi bắt phèo nên người ta gọi là Chí Phèo. Anh ta thường uống rượu say, đi trên đường làng, chửi trời chửi đất lung tung, trẻ con chạy theo hàng đàn. Chí Phèo không đâm chém ai cả. Còn Bá Kiến thì có nguyên mẫu tên là Bá Bính, gần giống như Bá Kiến: bóc lột dân, dâm ô, cướp cả vợ bố, ngủ với con dâu. Cũng có bốn vợ. Tôi có ghi lại mấy câu về về Bá Bính của dân Đại Hoàng (dân Đại Hoàng hay làm về, Nam Cao gọi là trần ngôn):

*Nam Sang nhất tổng Cao Đà  
Có thằng Bá Nghị tên là sọc nắng  
Ông mà lại hoá ra thằng  
Khôn ngoan nhất mực, nói năng ai tà  
Bốn đời lý trưởng trong tay  
Bao chiếm điền thổ xưa nay đã nhiều  
Thuế tháng năm nhà nghèo cùng khổ  
Mày lại còn lạm bổ lạm thu  
Mang về xây dựng cơ đồ  
Lắng tai ta sẽ bảo cho ân cần  
(Theo ông Trần Doãn Chấn)*

Nghe nói vợ ba Bá Bính bị ta thủ tiêu vì hay ra vào đồn giặc, người ta cho là Việt gian. Còn vợ tư Bá Bính thì lúc chúng tôi về Đại Hoàng, vẫn còn sống. Chí Phèo và Bá Bính chẳng liên quan gì đến nhau cả. Bá Bính chẳng bị ai đâm chém, còn sống mãi sau cách mạng tháng Tám, và có chân trong Hội Liên Việt. Như vậy là truyện Chí Phèo hư cấu nhiều, nhất là nhân vật Chí Phèo. Nam Cao đã bịa ra vụ án mạng Chí Phèo giết Bá Kiến và tự sát. Ông đã sáng tạo ra một tính cách độc đáo.

Nhưng truyện Nam Cao đã trở thành sự thật đối với thế hệ trẻ làng Đại Hoàng. Tôi có đến xem bài viết về lịch sử làng Đại Hoàng trình bày trên một tờ giấy lớn đặt ở trụ sở uỷ ban xã, do một học sinh lớp 7 soạn. Anh ta ghi luôn nhân vật truyện của Nam Cao vào lịch sử: “Xưa có một địa chủ cường hào tên là Bá Kiến...”

Trong truyện *Chí Phèo*, Nam Cao nói làng Vũ Đại lắm bè phái do kiểu đất “Quần ngư tranh thực”. Điều này có thật.

Người làng còn nhớ năm cánh:

1. Cánh Bá Bính (Tên thật là Trần Duy Bính)
2. Cánh Nhất Hợp.
3. Cánh Bát Ngọ (tên là Trần Thế Ngọ). Còn có một người thật thuộc cánh này tên là Năm Ngọ.
4. Cánh Lý Bật.
5. Cánh Bát Tụ.

Còn Thị Nở có người nói có, có người nói không. Cô Hồng, con Nam Cao, thì nói dứt khoát: “ông ấy bịa”.

Hôm ấy tôi thử hỏi một ông người làng gặp giữa đường có biết Nam Cao là ai không? Ông nói: “Biết chứ! Nam Cao là một cán bộ trung ương” – Nghĩa là một ông quan cách mạng to. Ông nông dân này nghĩ thế, chắc vì thấy nhiều người về thăm, trong đó có cả ông Tây bà đầm đi xe tu bin. Mới biết

người dân Việt nam chỉ trọng quan lại, chứ nhà văn thì là cái quái gì! Ngay ở nhà Nam Cao, tôi thấy có mấy bức ảnh Nam Cao chụp với gia đình, bị để mốc và hoen ố hết. Những di vật ấy thì có giá trị gì mà giữ!

Xem cảnh làng Đại Hoàng thì thấy hết như cảnh làng Vũ Đại trong truyện Nam Cao: Làng Đại Hoàng nhất thôn nhất xã (xã chỉ có một thôn). Đất vườn nhiều hơn ruộng lúa. Lúa của làng chỉ đủ để nấu cháo hồ vãi. Đàn ông không biết đi cày. Đàn bà không biết đi cấy. Dân làng làm vườn là chính (gọi là “bòn vườn”): trồng bầu, trồng cam, trồng chuối, trồng dâu:

*Cây trồng cau chuối rườm rà  
Cam cam, bưởi bưởi, na na, hồng hồng...  
(...)Đất thơm là đất trồng bầu  
Bãi bồi là đất trồng dâu cứu bản...*

Đại Hoàng có nghề dệt vải. Vào làng cứ nghe ran ran tiếng lách cách dệt cửu. Truyện Nam Cao cũng hay nói đến nghề dệt, thợ dệt (*Di Hảo, Một bữa no...*)

*Người nhiều khôn khéo cũng nhiều  
Dệt thoi thoi múa, thi điều điều lên  
(Về Đại Hoàng)*

Đại Hoàng cũng như làng Vũ Đại, nằm bên bờ một con sông gọi là sông Châu Giang (Gió sông thổi lên vườn chuối nhà Chí Phèo, Thị Nở gọi là “*mát như quạt hầu*”)

Tìm hiểu Nam Cao nhất thiết phải gặp Tô Hoài. Ông là một nhà văn hiếm hoi gần gũi và am hiểu Nam Cao rất sâu. (Tô Hoài có một bà dì tên là Phụng (nguyên mẫu nhân vật Oanh trong *Sống mòn* của Nam Cao) lấy chồng làng Đại Hoàng (ông giáo Bao, nguyên mẫu của nhân vật Đích trong *Sống mòn*). Bà Phụng phụ trách trường Tiểu học tư thục Công Thành ở Bưởi. Nam Cao dạy ở đó. Bà Phụng giới thiệu Nam Cao dạy tiếng Pháp cho Tô Hoài. Nam Cao ở nhà Tô Hoài, cùng ngủ chung một giường, đắp chung một cái chăn. Tô Hoài chưa vợ. Nam Cao có vợ rồi nhưng vợ ở quê. Đêm đêm họ tâm sự với nhau đủ chuyện.

Theo Tô Hoài, Nam Cao cũng có đủ mọi thói xấu trên đời. Nhưng giàu lòng thương người và rất ngây thơ, cả tin. Có một lần hai người đi chơi gái. Họ tìm đến một nhà trọ. Phòng hết. Có một gái điếm nói nhường cho họ phòng ngủ. Nhưng khi họ vào ngủ thì cô gái điếm kia vào nằm chen ngay vào giữa. ả than thở về số phận như thế nào đó, Nam Cao rất xúc động, trong khi đó, ả vẫn sờ soạng và cắn tai Tô Hoài. Nhưng Nam Cao có một điều đặc biệt là hay xấu hổ về những thói xấu của mình, về những chỗ tầm thường phạm tục của mình. Chỗ hơn đời, hơn người của ông chính là chỗ đấy.

Tô Hoài kể cho tôi nghe một chuyện này, tôi cho là rất có ý nghĩa. Trước 1950, biên giới phía Bắc nước ta còn bị tụi Pháp chiếm giữ. Con đường số 4 từ Cao Bằng đi Lạng Sơn, Tây kiểm soát. Nó đóng nhiều đồn bắt dọc đường, thường cho xe cơ giới có vũ trang đi lại để kiểm soát và đặt lính phục kích ở những lối tắt qua đường. Vì thế cán bộ ta đi công tác qua đường số 4 rất nguy hiểm. Những đoàn cán bộ muốn qua con đường này phải tập trung ở một

khu rừng gần đó (chỗ Thất Khê), chờ một trinh sát viên đi thăm dò, nếu không có phục kích, anh ta về báo, các đoàn mới được lệnh vượt nhanh qua đường. Tô Hoài nói, khi có lệnh xuất phát, tâm lý chung của mọi người là không ai muốn đi đầu. Vì đã chắc gì không có phục kích. Trinh sát làm sao nắm chắc được tình hình một trăm phần trăm! Nếu có phục kích thì anh đi đầu hẳn là toi. Một lần Tô Hoài và Nam Cao phải đi công tác qua đường số 4. Nam Cao cũng nhất như ai. Khi có lệnh vượt đường, Tô Hoài để ý thấy Nam Cao mặt tái, người run. Nhưng ông nhất quyết đi đầu. Vừa run vừa đi đầu.

Tôi kết luận, Nam Cao bề ngoài lạnh lùng, ít nói, nhưng bên trong thì sôi sục, luôn đấu tranh tư tưởng để tự vượt lên bản thân mình. Xét ra ý nghĩa tư tưởng của truyện Nam Cao là thế: dạy cho người ta biết xấu hổ, hay nói cách khác, muốn lay tỉnh ở con người ý thức về nhân phẩm, nhân tính. Không phải chỉ nhân vật trí thức, ngay thẳng Chí Phèo cũng đấu tranh tư tưởng để trở lại làm người lương thiện. Chí Phèo chết như một người khao khát trở lại làm người.

Nguyễn Hồng, Kim Lân đều rất phục Nam Cao.

Lần đầu Kim Lân gặp Nam Cao ở nhà Nguyễn Huy Tưởng, phố Lò Đúc. Ông thấy Nam Cao rất khiêm tốn, tự thấy mình tầm thường. Lắm mặc cảm. Có vẻ lạnh nhạt. Không thích vồ vập ai.

Đến kháng chiến chống Pháp thì có thời gian họ ở với nhau. Nam Cao tỏ ra kính trọng mọi người, phục mọi người, chỉ thấy mình là xoàng. Nhưng có một lần, uống rượu với thịt chầu chết. Kim Lân bốc lên hát tuồng. Như Phong rút súng lục đưa dí vào cổ người khác. Còn Nam Cao thì lớn tiếng: “*Tao đéo phục thằng Goocki*!”. Té ra con người này cũng không hẳn chỉ có khiêm tốn đâu! Nam Cao chỉ phục Sêkhop, cho Goocki ồn ào quá.

Bản thảo của Nam Cao viết rất sạch sẽ. Nhưng không quý bản thảo của mình. Bản thảo *Sống mòn* nhờ có Nguyễn Hồng giữ mới còn, giữ trong suốt cuộc kháng chiến, đến khi hoà bình lập lại mới giao cho Hội văn nghệ. Tên truyện vốn là *Chết mòn*. Khi in, Xuân Thuý đề nghị sửa là *Sống mòn*. Nam Cao nhất. Rất sợ máy bay. Kim Lân cho biết như thế. Mỗi lần có máy bay, ông chạy vội xuống hầm, chui chui, nấp nấp, rất tội. Thế mà ông đã bị giặc bắt và đem ra bắn.

Hồi ấy Nam Cao vào Thanh hoá dự một hội nghị về văn nghệ. Hội nghị kết thúc, lẽ ra ông trở về Việt Bắc theo đường số 6. Nhưng ông lại muốn đi vào vùng địch, tạt về thăm làng mình nghe nói đã thành làng du kích. Ông có nguyện vọng viết về làng Vũ Đại đứng lên đánh giặc. Đã viết được mấy chục trang nhưng tự thấy không ra gì nên vất đi. Ông cho là vì thiếu thực tế, nên nhân dịp này về làng để tìm thực tế. Ông đi theo một đoàn cán bộ tuyên truyền thuế nông nghiệp, đóng vai một anh y tá hay cán bộ Bình dân học vụ gì đó. Họ đi bẫy cái thuyền nan, vì lúc đó vùng chiêm trũng Ninh Bình, Hà Nam nước trắng băng. Nam Cao cùng mấy cán bộ lãnh đạo ngồi chiếc thuyền đầu. Vừa ghé đến làng Vũ Đại thì sa lưới bọn Commandos. Đoàn đã được thông báo đêm ấy chúng đã rút đi rồi, hoá ra có một toán đóng ở lại. Thật không may cho Nam Cao!

Không biết lúc viết *Chí Phèo*, *Chết mòn* (tức *Sống mòn*), Nam Cao đã tới hay đã nghe nói có một cái làng thật tên là Vũ Đại hay chưa. Làng này thuộc tỉnh Ninh Bình, giáp với Hà Nam, kề ngay đường số 1 (nay thuộc xã Gia Xuân, huyện Gia Viễn). Chẳng lẽ lại có một sự trùng hợp ngẫu nhiên một cách kì lạ

thế sao giữa một cái tên làng trong truyện hư cấu với một cái tên làng có thật – cũng không xa làng Đại Hoàng của Nam Cao bao nhiêu. Một sự kì lạ nữa là Nam Cao lại bị bắt ở đúng cái làng mang cái tên ấy và bị bắn chết ở đó. Mà sao ông lại đi trên cái thuyền đầu? Các thuyền sau họ đều chạy thoát cả. Số mệnh xui nên thế, hay là lại do cái tính cách “vừa run vừa đi đầu” như cái hồi vượt đường số 4 với Tô Hoài năm nào?

Mà lẽ ra Nam Cao có thể chưa bị thủ tiêu, nếu như đêm ấy không có chuyện một người trong đoàn cán bộ bị bắt bỏ trốn mà không thoát. Bắt được mấy cán bộ Việt Minh ở làng Vũ Đại, bọn Commandos đưa tất cả qua đường số 1 sang giam ở nhà thờ Mưỡu Giáp cách làng chừng vài ba trăm mét. Do cuộc trốn chạy thất bại của anh cán bộ kia, chúng đem tất cả ra bắn ngay tại cánh đồng Mưỡu Giáp trước cửa nhà thờ.

Đó là vào một đêm tháng 11 – 1951, Nam Cao mới 36 tuổi.

Như đã nói, viết truyện, Nam Cao hay dùng nguyên mẫu. Hầu như toàn bộ nhân vật trong *Sống mòn* đều có nguyên mẫu cả, và hầu hết đều là người làng Đại Hoàng: nhân vật Oanh, nguyên mẫu là Phụng, một bà dì của Tô Hoài. Chồng của Oanh là Đích, nguyên mẫu của Đích là giáo Bao, người Đại Hoàng. San nguyên mẫu là Trần Đức Phấn, hồi Pháp thuộc từng đăng lính sang Tây, sau 1945 xung phong theo đoàn quân Nam tiến. 1954, tập kết ra Bắc, đóng lon trung tá, có thời gian phụ trách điện ảnh quân đội. Mô (anh lao công đánh trống trường), nguyên mẫu là Trần Văn Đa, sau cách mạng xung phong đi phát triển kinh tế miền núi ở Phú Thọ. Bá Kiến, nguyên mẫu là Trần Duy Bính. Liên vợ giáo Thứ, nguyên mẫu là Trần Thị Sen vợ Nam Cao. Còn giáo Thứ, nguyên mẫu là tác giả - Trần Hữu Tri, tức Nam Cao. Sách viết xong năm 1944. Nhưng mãi đến 1956 mới in được.

Trong một bài viết về Nam Cao, Nguyễn Đình Thi cho rằng do tác phẩm phê phán hiện thực như thế nào đấy nên kiểm duyệt thời Pháp không cho xuất bản. Thực ra không phải. Có hai lý do: một là khoảng năm 1940 – 1945, do chiến tranh, giấy khan hiếm. Cuốn tiểu thuyết của Nam Cao lại khá dày mà tác giả chưa phải là một tên tuổi ăn khách lắm. In ra, các nhà xuất bản sợ bán không được. Hai là tác phẩm viết quá sát sự thật về toàn những người quen biết trong làng mình. Vì thế sách in ra cũng ngại. Ông nói với Tô Hoài, đại ý là phải đợi cho các nguyên mẫu kia “tịch” hết cả đi rồi mới in được.

Năm 1956, khi sách được xuất bản, hầu hết các nguyên mẫu đều còn sống cả, chỉ duy có nguyên mẫu của nhân vật giáo Thứ, tức Nam Cao, thì không còn nữa.

Nam Cao có một tập nhật ký. Tô Hoài giao cho HMD. Trong cuốn sách HMD viết về Nam Cao, in năm 1960, 1961 gì đó (*Nam Cao, nhà văn hiện thực xuất sắc*), anh có trích vài đoạn trong cuốn nhật ký này.

Cuốn nhật ký ấy nay ở đâu? chắc vẫn trong tay

HMD. Có của quý, cứ giữ độc quyền, mà không biết dùng, thật phí. Giống như có gươm báu mà không biết dùng. Giữ làm gì!

## Cái chết của con mực

Người ta định giết Mực đã lâu rồi. Mực là con già hơn trong hai con chó của nhà. Nhưng cũng là con nhiều vết xấu. Nó tục ăn: đó là thường. Nó nhiều vết: cái ấy đủ khổ cho nó. Nó cắn cắn ấy là cái khổ của bọn ăn mày. Nhưng nó lại sủa như một con gà gáy: cái này thì không thể nào tha thứ được. Thoạt tiên người ta định ngày chết cho nó vào dịp Thanh Minh. May cho nó hôm ấy bà chủ nhà bị ốm.

Rồi thì là Tết tháng năm. Bỗng nhiên đưa con út của bà ươn mình: bà phải kiêng để lấy sữa lành cho con bú. Sau cùng người ta nhất định thịt nó vào rằm tháng bảy ai ốm mặc. Nhưng lần này Mực vẫn còn thoát nạn là vì nhờ có Du. Người con cả xa xôi ấy vừa viết thư báo chẳng bao lâu sẽ về. Bà mẹ mừng như tìm được một vật quý bị rơi và bà nhất định lùi ngày xử con Mực lại. Bấy giờ thì Du về rồi. Chiều hôm qua con người phóng đấng ấy đã khệ nệ xách cái vali rất nặng bước vào sân, miệng mỉm cười và mặt đỏ. Cái nhà tranh, mấy cây cau hình như vừa đúng thẳng hơn lên để chào chàng. Rồi đến lũ em âm ỹ đẩy mạnh chạy òa ra, và bà mẹ mừng quá cười và khóc. Nhưng kẻ lên tiếng trước nhất là con Mực. Con chó già nua ấy rít lên cái thứ tiếng gà gáy của nó và chạy lại Du. Bà mẹ thét lên và lũ em chửi những câu thô tục. Du bỡ ngỡ nhìn mọi người.

- Hình như mẹ không được khoẻ, ồ các em đã lớn cả rồi: Thanh, Tú, đứa nào đây? à, Thảo con chuột nhất, trông Thảo xinh quá nhỉ? À! vẫn con chó ngày ấy đấy à?... trông nó già đi tệ!... Con chó đã nhận ra người chủ cũ. Nó đứng lặng vẫy đuôi, đầu cúi xuống, hai mắt nhèm ươn ướt nhìn đất như tội phạm. Du thương hại: đó là người bạn lặng lẽ thui thui bên chàng những năm xưa khi đêm vắng, chàng ngồi nhìn trăng mà mơ mộng. Chàng muốn cúi xuống vuốt ve. Nhưng nó bản ghê gớm quá, lông rưng từng mảng, thịt trắng lộ ra có nơi sần mụn nữa. Dáng điệu thì già nua, có vẻ buồn và len lén như phòng bị một cách yếu ớt. Không còn những cái vẫy đuôi mạnh dạn những cái nhìn rất bạn bè và những cái hít chân vồ vập như khi một con chó đã vui và không ngờ vực. Du thấy lòng nặng nặng. Chàng đưa chân chạm khẽ vào con chó để tỏ tình thương. Con chó vẫy đuôi mạnh hơn nhưng len lén lánh ra: dáng điệu một kẻ sợ hãi cố cười với người nó sợ. Và tức khắc nó vạy vẹo mình và rít lên một tiếng ngắn và to; đứa em tưởng anh đá hụt trả thù cho anh bằng một cái đá mạnh vào sườn con vật. Nó lảm lét lảng dẩn cũng không dám chạy một cách thẳng thắn để đi trốn nữa. Du trách em:

- Sao Tú ác thế?

- Cần gì, đến mai giết thịt cho anh ăn đấy.

Du thấy cái vui đoàn tụ giảm hẳn đi một nửa. Hình ảnh con chó ghe với cái buồn mơ hồ cứ lảng vảng trong óc chàng mãi mãi. Sáng hôm sau lúc ăn cơm chàng thoáng thấy nó đi qua, đầu cúi mắt nhìn nghiêng như những người giả trá. Chàng muốn gọi nó vào kẹp nó vào giữa hai bàn chân và vừa ăn vừa vẫy cho nó miếng cơm chung một bát. Nhưng mà không thể được: điệu dàng quá là yếu tâm hồn, và ai hiểu được rằng mình lại có thể yêu thương một con chó bản ghê gớm như thế được?

Bữa ăn xong, con Hoa cầm bát cơm ra: một tay nó xách cái thúng như để rồi xếp bát. Thấy được ăn, tất cả thú tính của con Mực hoàn toàn nổi dậy. Nó nhảy tới vẫy đuôi héch mồm nhìn và đợi. Cơm vừa đổ xuống nó vội vàng chúi mồm ăn ngay. Miếng chưa qua cổ thì cái thúng đã chụp quanh trên mình. Nó rít lên, vùng mạnh; nhưng Hoa đã tì cả người lên cái thúng rồi, và con Mực bị thu gọn ở trong vừa vạy đến nỗi không còn giẫy và kêu được. Lũ trẻ con réo ào lên. Người ta lấy sẵn dao thớt và dây để trói. Phần mở thúng đã đành phải về Du: ông chủ đi vắng, cả nhà chỉ có chàng là đàn ông, mà không lẽ đi mượn hàng xóm trói giùm một con chó đã

úp gọn gàng chỉ việc hơi hé cạp thúng lên, hễ chó thò đầu ra thì một đũa em đặt gậy lên cổ nó để chân chàng dận xuống. Nhưng tay chàng thấy run run. Và khi con chó vừa thò đầu ra thì nó quấy luôn một cái mạnh, vùng ra được. Con Hoa tùm tùm cười. Lũ em ngạc nhiên theo con chó vừa ửng ửng vừa chạy ở ngoài vườn. Còn Du thì mặt đỏ như gấc chín. Chàng thấy mình yếu tay hơn cả con Hoa. Có lẽ nào chàng lại dịu lòng hơn cả một người con gái. Và tự nhiên chàng giận con Mực. Người ta còn lo con Mực sợ hãi mà đi mất. Quả nhiên suốt ngày hôm ấy nó không về. Nó vẫn vợ vườn hàng xóm, lẩn lút như một con chó trước khi hóa đại.

Người ta tưởng đã mất toi. Nhưng tối hôm ấy nó lẩn vào gầm giường rồi Du lại nghe thấy cái thứ tiếng gà gáy của nó rít lên ở phía ngõ.

Sáng hôm sau nó vẫn bỏ cơm. Trưa cũng thế. Và cứ thấy bóng người lại cúp đuôi chạy mất. Du thương hại sai người đem cơm đổ ra vườn. Một lúc sau Mực lại gần. Nó trông trước trông sau, đưa mõm rê trên những hạt cơm rồi vô có giạt mình chạy thẳng. Có lẽ cái kỷ niệm khủng khiếp vừa lóe ra và đập mạnh vào thần kinh nó như luồng điện. Du thấy bồn chồn và vẫn vợ: thương, hối hận hay là thẹn.

Sau cùng thì chàng bực mình: chàng nhận ra rằng một con chó đã làm mất sự bình tĩnh của tâm hồn chàng. Và đột nhiên chàng muốn giết con Mực lắm. Chàng muốn có đủ can đảm để giết người. Phải dám giết mà không run tay khi cần phải giết. Còn làm được trò gì nữa nếu chỉ giết một con chó mà tim cũng đập?

Sự do dự đã hết rồi. Khi có một ý định thì ý định ấy chóng thành mạnh mẽ. Du thấy lòng cứng cỏi. Đã có lúc chàng tưởng đến cái thú dìm con dao vào súc thịt giã lên đàn đạch để máu ảm phọt vào tay. Và chiều hôm ấy khi thấy con chó ở vườn thì chàng gần như mừng rỡ. Con vật khốn nạn đói và sợ đã mệt lử đi rồi. Nó hiện ngủ bên bờ giậu. Du cầm cái gậy to rón rén lại gần. Nhưng giờ gậy lên chàng bỗng thấy tim run một cái. Chàng tưởng như ngạt thở và ngừng lại một giây để nhìn con chó. Giấc ngủ của nó có lẽ đầy ác mộng vì thỉnh thoảng khắp mình nó lại giạt lên. Du thấy lòng quả quyết tiêu tán hết. Nhưng con chó bỗng giạt mình. Du hoảng hốt thẳng cánh vụt mạnh trên mình nó, bụng nó thót hẳn vào rồi lại phình ra như một khối cao su. Nó rống lên gượng dậy loạng choạng mấy vòng rồi chui bừa qua giậu trong khi Du vụt cuống cuồng theo xuống đất... Đêm đã khuya. Du lại nghe tiếng Mực rống lên. Chàng thấy toát mồ hôi và nhất định không giết con chó nữa.

Nhưng trời gần sáng chàng còn đương mơ mộng, thì đã nghe tiếng Hoa gọi cuống cuống lên. Con vật khốn nạn không biết mỗi một thể nào mà ngủ quên đi ngay ở giữa sân để đến nỗi bị Hoa úp được. Lần này thì người ta cẩn thận hơn. Hai ba người nắm vào hai đầu gậy tre ngáng sẵn bên cạnh thúng rồi Hoa mới hơi hé miệng thúng lên. Thấy sáng con Mực nhô ra ngoài cái mõm ướt phì phì. Hoa nhích lên tí nữa nhưng một cái gối đã tì sẵn trên thúng. Mực lách cả cái đầu ra. Cái gậy đè mạnh xuống. Con vật khốn nạn không còn kịp kêu.  
- Đè chặt, thật chặt, đừng buông nó ra nó cắn đấy!

Du kêu lên như thế nhưng tiếng chàng đã hơi run run. Con chó phì một cái nữa: hơi thở mới thoát ra một nửa bị tắc. Cái gậy đè sát đất, mắt nó trợn lên. Lòng đen ươn ướt cứ dờ dàn rồi ngược lên lần một nửa vào mí trên. Lòng trắng đã hơi đục. Lúc Hoa trói xong cả chân trước, chân sau và buộc mõm rồi thì con chó đã mềm ra không còn cựa quậy nữa.

Du nghẹn ngào nén khóc...



## Những biến hóa của chất nghịch dị trong truyện ngắn Nam Cao Vương Trí Nhàn

### Đặt vấn đề

Nam Cao từng có một truyện ngắn mang tên *Quái dị*. Nội dung truyện đại khái như sau: một đám người đi gặt thuê được một nhà gọi gặt với công xá khá hời! Một lúc sau, khi đã vào nhà, cả bọn mới vỡ ãnh - hoá ra nhà đó có mấy người đột ngột chết cùng một lúc. Giờ họ chỉ thuê mai táng hộ mấy thân nhân chứ không thuê gặt.

Truyện không thuộc loại thật hay, nên đã không được chọn in trong một số tuyển tập.

Song tự nó truyện có một cái ý được. Ý này nằm ngay ở tên truyện. Đó là sự quái dị.

Nam Cao đã nhìn thấy nó - sự quái dị ấy - trong hàng loạt hiện tượng đời sống.

Ở thiên truyện *Nửa đêm*, sự quái gở hiện ra qua cả nhân vật ông Thiên lôi lẫn đứa con tên là Đức. Trong mỗi quan hệ huyết thống, hai nhân vật này bổ sung cho nhau, và tạo ra ấn tượng về một sự báo ân báo oán mang màu sắc huyền bí.

Trong *Đôi móng giò*, có nhân vật Trạch Văn Đoàn mà ngay từ tên gọi đã ngang phè, trêu người người nghe, và hành động thì không ai hiểu nổi.

Hai nhân vật chính trong *Lang Rận* là ông lang và mẹ Lợi. Cả hai đều nhếch nhác bản thân, bản thân sự tồn tại của họ, cái sống cái chết của họ đều kỳ cục. Thậm chí bề ngoài của họ cũng gớm ghiếc tởm lợm - chúng ta từng biết tới phương diện này ở ngôi bút Nam Cao khi ông miêu tả Thị Nở.

Nhưng đây mới là mấy ví dụ rõ rệt nhất, những khi mà con người sự kiện được phơi bày như một quái tượng, đập ngay vào mắt người đọc.

Còn phổ biến hơn, trong truyện ngắn Nam Cao, ấy là những trường hợp cái quái dị khoác áo cái thông thường, hoà tan vào cái hàng ngày. Khi làm rõ những ca, những kiểu người, kiểu hành động và nói năng đó, tác giả dường như thầm bảo: mọi chuyện kỳ quặc quái gở vẫn đầy ra đấy, chỉ bởi chúng ta không biết nhìn nên không nhận ra, thế thôi!

Bà già trong *Một bữa nọ* đi nửa ngày đường để mò ăn. ăn xong rồi chết. Sự ăn - vốn là chuyện không có gì đáng nói - bị đẩy lên tới mức một thử thách với lương tâm, thể diện, có liên quan đến sự tồn tại của cả kiếp người.

Trong *Quên điều độ*, nhân vật chính là Hải được xác định theo lỗi lương phân. Hấn đợi chết mà không chết. "Lúc nào Hải cũng có bệnh mà cũng là khỏi.... Bệnh đã quen với cơ thể".

Nhân vật người vợ trong *Những truyện không muốn biết* day nghiến "Giời ơi là trời! Có chồng con nhà nào thế không?"

Cả trong mặt người, cử chỉ hình dáng con người lẫn trong các tình thế, các xu thế phát triển của sự việc, chúng ta luôn luôn gặp những chỗ tác giả kêu lên, hoặc cho người đọc phải kêu lên: *dơ đáng lạ, kỳ quặc lạ, không ra thể thống gì, bất cập, quái gở, không ai hiểu được v.v*

Có thể nói nhạy cảm với những cái kỳ quái, thích gọi tên chúng ra, đưa bằng được chúng vào truyện, đấy là một cảm hứng nghệ thuật không thể che giấu ở ngòi bút tác giả *Chí Phèo*, một yếu tố giống như cái hích đầu tiên, thúc đẩy hoạt động sáng tạo ở tác giả.

### **Đặc sắc của chất nghịch dị ở Nam Cao**

Nếu dùng thuật ngữ nào để chỉ hiện tượng vừa nêu trong văn xuôi của nhà văn độc đáo này?

Dùng chữ quái dị hoặc kỳ dị đều không thoả đáng. Vì sự việc ở đây không có tính chất kỳ quái hoang tưởng kiểu như Hoffman hay *Liêu trai chí dị*.

Bởi vậy, chúng tôi tạm dùng chữ nghịch dị, nghịch ở đây hàm nghĩa trái ngược với cái thông thường.

Lâu nay, một số các nhà nghiên cứu ở ta lấy *ngịch dị* để dịch chữ *grotesque*. Mà trong các từ điển mỹ học và từ điển thông dụng *grotesque* thường được giải thích đại ý là cách sáng tạo hình tượng dựa trên sự kết hợp giữa cái hư ảo và cái thực: Như vậy dùng cho Nam Cao sợ không sát nghĩa chăng? Nhưng không ngại! Theo chúng tôi, biện pháp không quan trọng, cái chính là có một dạng tồn tại của sự vật, dạng méo mó xệch xạc (khi dùng hai từ này, chúng tôi nhớ tới ý nghĩ của Chí Phèo trước cái bóng của chính hắn: *cái vật xệch xạc, một cái gì đen và méo mó trên đường trăng nhể nhạt*)

Nếu biết khai thác, cái dạng tồn tại ấy lại có khả năng lạ hoá sự vật, tức làm cho chúng không còn bị giam hãm trong cái vẻ thông thường đã quá quen mòn trong cái nhìn của chúng ta, để hiện ra đột ngột bất ngờ, gây được những cú sốc, những ngạc nhiên trong cảm nhận.

Không rõ mọi việc được Nam Cao ý thức đến đâu, song dù không chủ định đi nữa, thì sau một lần lạc bước vào đấy, ông mê mẩn không ra nổi nữa. Đến những truyện ông cho in vào năm 1944 như *Lang Rận, Nửa đêm, Một đám cưới* ông càng lui tới trong cái thế giới nghịch dị đó một cách thật tự nhiên, coi như *đời là thế* rồi, không có gì phải bàn cãi nữa.

Nhưng dù phiêu lưu một cách vô tình hay cố ý, thì một ngòi bút như Nam Cao vẫn không thể vượt ra ngoài văn mạch dân tộc. ở các nghệ sĩ Việt Nam, tư duy nghệ thuật thường có sự chừng mực phải chăng. Trong khi mãi đối diện với cái trần trần của thế sự, văn học trung đại Việt Nam đã không mấy khi cho phép ma quỷ xâm nhập, chứ đừng nói là văn học hiện đại. Nam Cao không thể đi quá xa như một Kafka, một Buzzati (Ý) hoặc một vài nhà văn Mỹ la tinh nào đó. Đọc Nam Cao, không thấy có sự biến hình - người biến thành gián, thành nhện, hoặc người có cánh - như ở các nhà văn phóng túng khác. Trong *Dì Hảo, Nhỏ nhen* hoặc trong *Cười, Cái mặt không chơi được...* các nhân vật thường khi vẫn là con người với những mong muốn tầm thường của họ, cái kỳ quái có được miêu tả thì cũng là một thứ kỳ quái còn nhiều dây dưa với những hình hài những kích thước con người hàng ngày. Chúng ta vẫn gặp vẫn thấy, về căn bản chúng là cái thông thường chẳng qua bị lỡ tay xô đẩy nên méo mó xệch xạc đi một chút mà thôi. Ngoài ra, cảm giác về sự kỳ dị nảy sinh do chỗ tác giả tạo nên một hiệu quả ngọt ngào tức tở, gợi ra cảm tưởng về một thứ lười vô tình bao quanh người ta. Lười chỉ mỏng mảnh nhẹ nhàng, nhưng ngày mỗi thít chặt thêm, không ai thoát ra nổi. Nói rộng ra, có thể bảo ở Nam Cao cái kỳ dị không phải chỉ hiện ra ở dạng *dương tính* ai cũng thấy (trong nhân vật, đó là ông Thiên Lôi, Trạch Văn Đoàn, Lang Rận) mà còn có dạng *âm tính* (Dì Hảo, Nhu, Đức... và một số biến thể của nhân vật xưng tôi). Và đấy cũng là một khía cạnh làm cho chất nghịch dị này mang sắc thái riêng của con người Việt Nam, xã hội Việt Nam.

Nhà nghiên cứu Phong Lê nhận xét “Nông thôn trong Nam Cao đang có sự rạn vỡ để đi vào sự bất thường của một quá trình băng hoại”. Nhiều người khác cũng đã từng lưu ý đến chất nghịch

dị rải rác trong một vài truyện ngắn. Nhưng gợi cảm hơn cả, có lẽ là cái hình ảnh sau đây của Lã Nguyên: “Cuộc sống được phản ánh trong thế giới nghệ thuật của Nam Cao rất âm đậm ... Bước vào đây, ta như lạc vào một vườn cây ăn quả già cỗi lúc cuối mùa ... Trên cây rặt những hoa diếc... nếu đây đó còn sót lại mấy quả lơ thơ thì chim muông sâu bọ và cái oi nồng của thời khắc lập tức làm cho hư hỏng, thối rữa”. Thứ hoa diếc ấy, những quả lơ thơ thối rữa ấy, là một cách hình dung của Nam Cao về kiếp người, về con người nói chung trong xã hội hiện đại, chứ không phải chỉ riêng cái thời ông đã sống.

### **Quan hệ giữa cái kỳ dị và cái mòn mỏi tri trệ trong Nam Cao**

Ai cũng biết: nói tới Nam Cao là nói tới mô-típ sống mòn. Đặt chân vào thế giới nghệ thuật của Nam Cao người ta phải luôn luôn đối mặt với tình thế cùng quẫn, khổn khổ, trong đó cuộc sống của con người, sự tồn tại của họ, hiện ra bi đát thâm thúy và với người có lương tâm, là cả một sự sỉ nhục.

Trong bài này, chúng tôi chỉ nhấn mạnh thêm công lao của Nam Cao trong việc nhận thức cái tri trệ mòn mỏi ấy là ở chỗ đưa nó lên bình diện quái gở, kỳ quặc.

Nhưng Nam Cao còn đi xa hơn thế nữa.

Theo lôgic thông thường, sự vật luôn luôn biến chuyển, bĩ cực thái lai, sau những ngày đen tối sẽ tới thời kỳ của tươi sáng, của hy vọng. Một thứ lãng mạn mang đậm màu sắc dân gian mà cũng phù hợp với lối suy nghĩ trung dung của đạo Khổng thường được các nhà văn ở ta tự nguyện noi theo. Họ biện bạch rằng viết thế mới là nhân bản, là tin tưởng ở con người.

Nhưng Nam Cao không hoàn toàn nghĩ thế hoặc kinh nghiệm sống của ông không cho phép ông nghĩ thế.

Trong *Tình già* (in ở tập *Những cánh hoa tàn*), người ta bắt gặp một ông lão không chịu già, muốn hưởng sung sướng một tí. Nói theo từ ngữ dân gian: già rồi mà còn muốn chơi trống bỏi. Thế là ông mắc hẻm. Trước mắt mọi người, ông mất hết cả vẻ đáng trọng, đành lại trở về với cuộc sống thâm thúy vốn có.

Trong *Đón khách*, gia đình nọ có muốn gì cao sang lắm đâu, chỉ ước kiếm cho con một tấm chồng tử tế. Song bao nhiêu sốt sắng lo lắng của cả bố mẹ anh em rút lại chỉ mua lấy một trận cười cay độc chế giễu.

Từ sự phát triển tình thế trong *Tình già*, *Đón khách*, và hàng loạt truyện ngắn khác, có thể phác ra sơ đồ gồm ba phe ba giai đoạn của hiện thực được miêu tả như sau:

- a. Cái tri trệ, sống mòn lúc đầu
- b. Sự cựa quậy, muốn thay đổi
- c. Kết cục: tình thế bi đát hơn

Và bao trùm trong tất cả là cái chất nghịch dị, nghịch dị kỳ quặc cả ở mọi trạng thái trước và sau biến chuyển lẫn trong bản thân hành động tạo biến chuyển. Tới đây, chúng ta dường như bắt gặp một Nam Cao khác. Không phải là ông không nhìn ra trong con người một niềm khao khát lớn là khao khát thay đổi. Ông vốn không chấp nhận sự yên phận. Thường trực trong ông một nỗi khắc khoải khôn nguôi - khắc khoải về ngày mai. Có điều, ông không muốn tự mình đối mình, rồi mang ảo tưởng ra để an ủi người khác. Người nghệ sĩ trung thực trong ông buộc phải trình ra trước bạn đọc một kết luận mà chính ông bác đi không nổi, nói ra mà ông chết điếng cả nỗi lòng. ấy là sự thực: con người càng quấy càng say vậy. Mặc dù đã quá chừng tri trệ rồi, nhưng những điều kiện *cần và đủ* để vượt qua cái điểm chết ấy gần như không có. Cứ liều mà

làm thì chỉ chuốc lấy thất vọng. Hoặc sự vật không sao nhúc nhích nổi, hoặc có nhúc nhích chút ít nhưng lại kèm theo những rứt da rứt thịt đau đớn tan nát. Quả xanh trên cây, có cổ bút xuống mang giấm, cũng vẫn không sao chín nổi mà chỉ vừa nhoét ra, hồng đi, theo một cách không kém phần thương tâm.

### **Một quan niệm hiện thực theo tinh thần hiện đại**

Sự phát triển của văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX thường được hình dung như một quá trình chạy nước rút, cướp đường mà đi. Trong một thời gian ngắn, nó đã trải qua mọi giai đoạn châu Âu phải qua trong mấy thế kỷ. Đọc Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, người ta dễ dàng có những liên hệ tới Balzac, Hugo thậm chí Zola, cũng như đọc thơ Xuân Diệu, Huy Cận không khỏi nhớ tới Baudelaire, Rimbaud, Verlaine ... Và đây cũng là một trong những ấn tượng chủ yếu, đến với mỗi người mỗi khi nhớ lại cái gọi là văn học tiền chiến.

Nhưng sau Zola, Maupassant châu Âu có Proust, Kafka. Bộ mặt của thơ càng thay đổi qua thơ Apollinaire, Breton, Aragon... Trong mỹ thuật, thế kỷ XX hết sức kiêu hãnh với thứ ngôn ngữ hội họa mới mẻ trong tranh Picasso, Kandinsky, Chagall, Dali, Miro. Dù rất khác nhau, các nghệ sĩ và các nhà văn nhà thơ vẫn gặp nhau ở một điểm. Họ không muốn dừng lại ở cái nhìn thông thường về sự vật. Sự bất chước hiện thực, với người này, là một trò chán ngấy, với người kia, là cả một gánh nặng. Người ta bảo nhau: đã đến lúc cần đập vỡ bề ngoài của hiện thực. Vặn vẹo nó đi, rồi từng người tìm cách lắp ráp nó lại theo kiểu của mình chỉ cốt làm rõ cái hồn của đời sống là được. Nhiều trường phái mới trông như là "lập dị", "kỳ quặc" từ ấy tha hồ nảy nở. Điều đáng lưu ý là trong thời gian này, ở khoa học tự nhiên tư duy cũng có một bước ngoặt. Một ví dụ rõ rệt là ở sinh học. Người ta vẫn làm một thí nghiệm cổ điển: đem 100 hạt thóc ngâm cho mọc mầm. 90 hạt lên bình thường, riêng có 10 hạt không lên hoặc nảy những mầm kỳ lạ không giống các mầm khác, không cho thứ mạ mà ta quen gặp. Trước kia các nhà khoa học bảo rằng 10 hạt *dị biến* này là không đáng quan tâm. Nay ngược lại, người ta cho rằng có thể tìm thấy ở chúng một số nét thuộc về bản chất hiện tượng nảy mầm khoa học cũng chứng minh rằng những dị biến này đang có xu hướng ngày thêm phổ biến, các thứ thường biến chẳng qua cũng chỉ là một dạng của dị biến. Trong tư duy thì nghịch lý ngày một phát triển và được coi như những dạng tồn tại hợp thức của thuận lý.

Những cách nghĩ cách nhìn hiện đại như thế có tới với văn học Việt Nam hay không? Theo chúng tôi là có. Thứ liên hệ tạt ngang sang thơ, chúng ta biết rằng ở Hàn Mặc Tử có những yếu tố tạm gọi là siêu thực, nó là lý do khiến đương thời Hoài Thanh cũng như Xuân Diệu nghi ngại ông và một số người trong chúng ta cũng lảng tránh ông, song nay nhìn lại, có thể nói là trong những nhà thơ đương thời, ông đã đi xa hơn cả. Một hiện tượng tương tự như vậy cũng đã xảy ra trong văn xuôi. Nếu xét văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX như một quá trình thì đại lược có thể nói giai đoạn của Nhất Linh, Khái Hưng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố... là giai đoạn phản ánh cái thường biến (đây là nói trong phạm vi ngôn ngữ nghệ thuật thuần túy chứ không bàn về xu hướng tư tưởng). Còn về sau, với *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, các bài ký mang tính cách *yêu ngôn* của Nguyễn Tuân và truyện ngắn Nam Cao, người ta bắt đầu thấy le lói dấu hiệu của cách biểu hiện nghiêng về đột biến dị biến.

Đi vào từng tác phẩm cụ thể, các nhà nghiên cứu đôi khi còn dám chêm chước mà che chở cho mấy tác phẩm chính họ cũng thích thú. Chứ trên nguyên tắc những tìm tòi kiểu ấy suốt thời gian dài bị phủ nhận và dán cho cái nhãn hiệu suy đồi. Riêng về việc phớt lờ nhu cầu giống thực (mô phỏng hiện thực) đã là cái tội không thể tha thứ! Chỉ tới khi có một quan niệm cởi mở hơn về văn học hiện thực (nhà văn có thể dùng mọi thủ pháp miễn sao nắm bắt được bản chất hiện thực), người ta mới bắt đầu nghĩ lại. Và như vậy những tìm tòi của Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng (trong *Số đỏ*) của Nguyễn Tuân (trong *Yêu ngôn*) cũng như những tìm tòi của Nam Cao trong việc chỉ ra sự phổ biến của cái nghịch dị nói ở đây chỉ chứng tỏ sự nhিপ bướt của văn học

tiền chiến ở ta so với những trào lưu hiện đại trong văn học thế giới. Thực tế cho thấy rằng chính những sa đà lạc bước như thế lại giúp cho các nhà văn, và sau hết là cho chúng ta, có một ý niệm gần đúng về thực tại, một thực tại “hàm hồ”, “chập chờn ẩn hiện” không khác gì “một bóng ma trôi”, như các nhà nghệ thuật thời nay thường nói.

### **Đoạn kết**

Lâu nay mỗi lần đã động tới sự sống mòn ở Nam Cao, các nhà nghiên cứu không quên rào đón: nhưng tác giả không hoàn toàn tuyệt vọng. Rồi họ dẫn ra đoạn cuối truyện ngắn *Điều vắng*, mấy câu tự nhủ của nhân vật giáo Thứ ở cuốn *Sống mòn*. Người ta ngần ngại phải nói rằng Nam Cao là một người hết sức quan trọng khi nhìn nhận con người và thế sự. Một cách cố ý và giả tạo, người ta chấp chắp nối một số đoạn trữ tình ngoài đề ở Nam Cao vào thành một mạch, “mạch lạc quan”, “mạch tươi sáng”, rồi xem cái phụ đó là cái chính, lấy những điều Nam Cao gắng gượng muốn nói thay chỗ cái cảm hứng toát ra từ hình tượng nhân vật, cái thần của con người và tình thế cuộc đời mà Nam Cao miêu tả. Chúng tôi cho rằng bằng cách ấy, một số công trình nghiên cứu vừa nói đã làm nghèo Nam Cao, làm giảm sự đóng góp nghệ thuật của tác giả *Chí Phèo* đi rất nhiều.

Dĩ nhiên là như người ta vẫn nói, sở dĩ tác phẩm của Nam Cao có sức sống dai dẳng vì ở đó thấm nhuần một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc. Song cũng phải nói thêm, đó không phải là một thứ chủ nghĩa nhân đạo theo nghĩa thông thường (nhân đạo chủ yếu hàm nghĩa thương mến thông cảm với con người), như chúng ta bắt gặp ở nhiều cây bút đương thời. Ở đây tác phẩm của Nam Cao đề nghị một cách hiểu ít nhiều có khác: nhân đạo trước tiên là giúp con người hiểu rõ mình, trạng thái nhân thế mà mình đang lâm vào, cũng tức là chỉ rõ cái tình cảnh biến dạng cả mảy mặt lẫn tâm linh mà sự khốn cùng đã để lại trên con người mình. Không thiên về vuốt ve an ủi - nhằm đánh vào tình thương nơi người đọc - chủ nghĩa nhân đạo ở đây tìm cách hướng vào toàn bộ đời sống tinh thần của những người đọc ấy, thức tỉnh suy nghĩ rồi để mỗi người xác định lấy thái độ tình cảm của mình. Cách hiểu về con người ở đây thường khi mang sắc thái lạnh lùng, bàng bạc một màu xám tối. Quả là có xót xa ai oán và có vẻ bi quan quá.<sup>[1]</sup> Song, đã nghĩ vậy thì nhà văn phải viết vậy. Xét trên phương diện nhận thức luận, có thể bảo đến Nam Cao cuộc đời như được nhận chân, được vạch vôi đánh dấu lại, nó quá nghịch dị nên nó không giống ở ai khác. Nhưng nếu sau khi đọc ký Nam Cao, một lúc nào đó người đọc chợt nhận ra cuộc đời chung quanh họ không bằng bằng nhạt nhạt như họ vẫn thấy mà bỗng nhiên rất giống như cuộc đời trong văn Nam Cao - tức là thấy chung quanh cũng đầy rẫy những Dì Hảo, Nhu, Đức, Trạch Văn Đoàn... và cái không khí bao quanh họ đôi khi là không khí của những *Nửa đêm*, *Lang Rận*, *Đời thừa*, *Lão Hạc* thì đấy đã là một vinh dự mà chỉ trong một ít trường hợp hiếm hoi nghệ thuật mới có cơ may đạt tới. Bởi trên đời này không chỉ có thứ nghệ thuật gắn với thời đại của mình mà còn có thứ nghệ thuật hình như viết ra cho mọi thời đại khác nhau, và các lớp người trong hậu thế vẫn luôn luôn đến soi mình vào đó để tìm thấy bóng dáng của họ và cả những niềm an ủi cho họ nữa.

1991 - Đã in Tạp chí văn học 1992, số 1

[1] Từ sau 8/1945 cho đến khi qua đời, trong một số truyện ngắn bút ký cũng như trong sổ tay ghi chép và đặc biệt trong quan hệ cư xử với anh chị em cùng làm công tác văn nghệ Nam Cao tỏ ra đặc biệt nghiêm khắc với con người của mình sáng tác của mình trước 1945 và muốn từ chối tất cả làm lại tất cả. Theo chúng tôi hiểu thì đây không phải một thứ bốc đồng hoặc một dạng cơ hội, mà thật ra lại là một dấu hiệu nữa chứng tỏ trước 1945 người nghệ sĩ trong Nam Cao đã đi tới cùng của bi quan tuyệt vọng, cái đó đã vào sâu trong tiềm thức ông, tạo thành một thứ mặc cảm, mặc cảm phạm tội - khiến ông không dễ từ bỏ.

\*\*\*

**Phụ đính :**

## Đời thừa

Từ ngẩng đầu lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xéch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lông mày quỳ (1) đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyển sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Và lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ (2) ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiện mình một cách dè dặt tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may: Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sửng sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sửng sốt qua thì Từ khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặng được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con chỉ có một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm. Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn (3). Hắn khinh những lo lắng tầm mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn bản khoán nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn

nạn! Khốn nạn thay cho hấn! Bởi vì chính hấn là một thằng khốn nạn! Hấn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hấn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gọi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hấn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hấn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hấn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hấn để mặc vợ con khổ sở ư? Hấn bỏ liêu, hấn ruồng rẫy chúng, hấn hy sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hấn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hấn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hấn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hấn có thể hy sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hấn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hấn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hấn vẫn còn được là người: hấn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hấn tự bảo: "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!". Từ khi đưa con này chưa kịp lớn lên, đưa con khác đã vội ra, mà đưa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc méu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ óm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. Hấn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hấn viết hay đọc sách. Hấn thấy mình khổ quá, bực bội quá. Hấn trở nên cau có và gắt gỏng. Hấn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hấn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vung văng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hấn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hấn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hấn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hấn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hấn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hấn thừ mặt ra như một kẻ phải đi đây, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hấn cũng nhớ nhưng một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hấn lắc đầu tự bảo: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi". Và hấn nghĩ đến cái tên hấn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới trời ra, rực rỡ hơn... Rồi hấn ra về, thờ thẩn. Những sự bực tức đã chìm đi. Lòng hấn không còn sôi nổi nữa, nhưng rữ buồn...

\*\*\*

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hấn say mèm. Thường thường hấn đã ngủ một nửa ngay từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như chết. Từ phải chờ khi con ngủ mê, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hấn, luồn một cái gối xuống gáy hấn, và cố nhắc chân, nhắc tay hấn, đặt cho hấn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hấn chưa ngủ vội. Hấn lảo đảo bước vào nhà, mắt gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hấn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hấn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn vói hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi!

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mắt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi nghe người ta quở phạt. Bởi vậy hắn trừng trợn một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hắn vắt bừa bộn xuống giường. Rồi hắn tháo giày, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hắn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hắn đã vứt lổng chổng ra đầy nhà.

Lần đầu, Từ sững sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hắn không để cho Từ phải nói. Hắn bên lên kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hắn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lờ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hy sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ. Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn. Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày, Hộ đã nhớ và lúc về thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hắn hôn hít chúng vồ vập lắm... Biết đâu hắn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ về hắn: nghĩ thế nhưng Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hắn. Mới nghĩ đến sự xa hắn, Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói lại cúi mặt xuống nhìn đứa con đang nằm trong lòng Từ.

Cao Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hắn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc, ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngấm ra trong lòng. Đôi mắt hắn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hắn mím cười, Từ cũng mím cười. Hắn bảo:

- Đây, Từ ạ... Nghĩ cho kỹ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đời lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng: những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dầu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mình tính: người ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu!... Mình có hiểu không? ... Ba câu giản dị một cách không ngờ mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn định nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ ra:

- Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

- À phải! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo:



- Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...

Hộ sầm mặt lại:

- Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mùng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần hắn bực tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử hết tiền sớm. Từ không hé môi phàn nàn nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn kham khổ, thường thường đói nữa! Quà sáng thì bỏ hẳn, có khi bữa tối cũng chịu nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mùng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí:

- Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay...

Nhưng Từ bảo:

- Mình đi phố thì đi ăn nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy thêm luôn một thề... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hắn có thể gặp ở đây một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại!... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn bảo:

- Được! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

- Đừng phiền nữa! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

- Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thề. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ăn ra hồn.

- Vẽ chuyện!

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đưa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khẽ chạm môi mình vào má Từ một cái. Từ vờ giữ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hắn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hắn sáng bừng. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con cháu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh thật to, miếng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động! Hắn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hắn cẩn thận nhìn trước, nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hắn đang cố nhét một gói thịt vào túi áo!... Không! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắn đành đợi vậy. Trong khi đợi, hai tay chấp sau lưng, hắn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình quay lại. Trung nhếch cười lạng lẽ và Mão cười âm ỉ, cùng đưa tay cho hắn bắt:

- Mãi ngắm nàng thơ nào mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng:

- À! Các anh!...

- Không theo gót sen nào đấy chứ?

- Cái ấy không quan hệ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm cũng vẫn còn trinh bạch.

- Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nổi.

- Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

- Chẳng theo nàng nào cả!

- Thế thì đi theo hai thằng này!

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi:

- Làm chi?

- Chẳng làm chi cả!

- Thế thì đệ kiếu. Đệ phải về kéo hết tàu điện.  
Trung cau mày nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ:  
- Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này!  
Hộ trở nên đứng đắn:  
- Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.  
- Ờ! Nói vậy còn dễ nghe... Thôi thế anh về nhé!... Nhưng mà... này! Anh đã biết gì chưa?  
Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...  
- "Đường về" sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé! Bản quyền (4) tác giả ba nghìn đồng.  
Hộ tròn mắt lên. Người hấn bối hối. Một lúc lâu hấn mới hỏi được Trung:  
- Có đích không?  
- Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.  
Hộ có vẻ hoài nghi:  
- Không mà lại!... Tôi biết lắm... Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vội? Chúng mình làm cốc bia...  
Hộ đã quên hấn vợ con. Hấn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyền "Đường về" của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hấn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở Bờ Hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đổ tai, giộng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn:  
- Cuốn "Đường về" chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái (5), sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel (6) và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu!  
Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mão thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì húng khởi (7). Hấn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phố bật, Trung và Mão muốn về, Hộ bảo luôn:  
- Thong thả đã! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

ooOoo

Sáng hôm sau. Hấn thức dậy trên cái giường nhà hấn. Hấn thấy mình mảy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hấn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hầy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hấn lơ mơ nhớ ra rằng: hình như đêm qua hấn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hấn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hấn đột nhiên hoảng sợ, nhồm dậy, mắt nhón nhác tìm Từ. Nhưng không! Từ vẫn còn nhà... Chắc hấn trong lúc quá say, hấn gài cửa nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hấn ngủ mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xò ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hấn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vát và lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng: một đôi lúc, nếu nhìn kỹ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kỹ xem mặt Từ lúc bây giờ ra sao? Hấn rón rén, đi chân không lại. Hấn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hấn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tím tím và chung quanh mắt có quầng, đôi má đã hơi hóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hấn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lủng củng rặt những xương! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng manh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì

éo lả, cần được hấn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hấn vỗ về an ủi... Thế mà hấn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hấn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hấn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hấn khóc... Ôi chao! Hấn khóc! Hấn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hấn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng nủi hấn vào, để hấn gác đầu lên cạnh ngực Từ. Hấn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh... anh... chỉ là... một thằng... khốn nạn!...

- Không!... Anh chỉ là một người khổ sở!... Chính vì em mà anh khổ...

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức. Từ chực ngả đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướn lệt, Từ dỗ nó:

- A! Mợ đây! Mợ đây mà! Ôi chao! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng... Từ vừa đưa vừa hát:

Ai làm cho gió lên gờn,

Cho mưa xuống đất, cho người biệt li;

Ai làm cho Nam, Bắc phân kỳ,

Cho hai hàng lệ đầm đìa tẩm thân...

## Chú giải

(1) Lưỡng quyền: hai gò má.

(2) Vô liêm sỉ: không biết xấu hổ là gì; trơ trẽn.

(3) Hoài bão: ấp ủ trong lòng ước muốn làm một điều lớn lao, tốt đẹp nào đó.

(4) Bản quyền: quyền, quyền lợi của tác giả về tác phẩm của mình được pháp luật quy định.

(5) Bác ái: lòng yêu thương rộng lớn.

(6) Giải Nobel: giải thưởng quốc tế hàng năm, được đặt ra từ năm 1901, theo di chúc của nhà hóa học và công nghệ Thụy Điển Alfred Nobel (1837-1896); ông đã dùng gia sản của mình để đặt giải thưởng cho những người có cống hiến xuất sắc đáp ứng những nhu cầu lớn của nhân loại: gồm một giải về vật lý, một giải hóa học, một giải y học, một giải hòa bình và một giải văn chương. Giải văn chương do Viện hàn lâm Thụy Điển trao tặng vào ngày 10 tháng 12 hằng năm là kỷ niệm ngày mất của A. Nobel

## Điếu văn

Thế là xong. Anh chết rồi đấy nhỉ? Không lẽ tôi lại vui khi được một cái tin như thế. Nhưng thật tôi cũng không biết có nên buồn không đấy. Có người bảo: "Sống khổ đến đâu, cũng còn hơn chết; cái tâm lý chung của người đời như vậy".

Tuy vậy, tôi đã buồn. Buồn đến nỗi suốt một đêm không ngủ được. Thật đấy, anh Phúc ạ.

Người ta thường trách tôi vô tình cảm. Nhảm. Tôi chỉ gớm ghét sự giả trá mà thôi. Mà bởi ghét giả trá quá, tôi lại thành ra giả trá. Có điều tôi giả trá theo cách khác: tôi cố ý đóng cũi sắt tình cảm tôi. Thấy người ta thương xót quá dễ dàng, tôi quá sợ lòng thương; thấy nhiều người khóc quá tài tình, tôi bỗng xấu hổ mỗi khi chực khóc. Tôi có đến đưa ma anh cũng bằng thừa. Đã có khối người thương tiếc anh. Đã có người vợ trẻ của anh quặn người lại như một chiếc vỏ bào, và khóc nỉ non như một bản âm nhạc mới. Có lẽ chỉ có hai đứa con anh là chúng không làm thảm thiết quá thôi. Chúng không gào. Chúng không lăn lộn trên đường như một con đĩa phải vôi. Chúng không chếp miệng, ngoạo đầu. Chúng ngây ngây, giương đôi mắt ngẩn ngơ. Thỉnh thoảng, nước mắt chúng mới ứa ra, thì chúng lại vội quệt ngang tay áo. Ấy thế mà chúng mới chính là những kẻ thương anh nhất. Chúng biết đời anh là đời chúng. Anh chết đi, chúng chỉ

còn một cách, là đi ăn mày.

Anh Phúc ơi! Anh đã thấy chưa? Tôi không lẫn lộn vào trong bọn người đi đưa đám ma anh, nhưng hồn tôi theo đám ma anh. Tôi giống như cô gái ngây thơ mới bắt đầu yêu. Cô vờ không để ý, khi người yêu đi ngang qua cửa nhà cô; nhưng lại len lén nhìn theo rất lâu khi chàng đi khỏi. Tôi cũng thế. Tôi cố làm thình khi người ta khóc đưa anh. Nhưng bây giờ đây, khi mọi người đã im rồi, tôi đóng kín cửa phòng, ngồi một mình trước bàn viết của tôi, bùi ngùi đưa đám ma anh trong tâm tưởng. Cái đám ma cũng đường trường lắm. Tôi theo dõi anh, từ lúc chúng ta mới quen nhau cho đến tận lỗ huyệt người ta vùi anh xuống. Như vậy họa chăng mới có thể gọi là trọn nghĩa.

Tôi gần gũi anh, hồi còn nhỏ. Chúng ta sống cạnh nhau mấy năm trời tại nhà một bà bác tôi. Anh ở thuê. Tôi nhờ vả. Chúng ta hiểu với nhau rằng: hai chúng ta cùng khổ. Không, anh Phúc ạ! Chúng ta phải công bằng mới được. Bà bác tôi không phải là người ác nghiệt đâu. Có điều bà khổ quá nhiều rồi. Khi người ta phải rỏ từng giọt máu ra để kiếm đồng tiền, thì lẽ tự nhiên là người ta phải quý tiền ngang với máu. Chồng bà mất sớm. Đã nhiều lần, bà toan bước đi bước nữa, nhưng chỉ vì tiếc cửa, lại thôi. Anh thử nghĩ xem. Đối với một thiếu phụ đương xuân, còn cái gì khổ hơn sự lẻ loi. Ấy thế mà bà cam phận lẻ loi để khư khư giữ lấy tiền ở chính tay bà, không muốn để lọt tay ai. Bà mặc lòng bà héo hắt đi. Bà đày đọa thân bà. Có phải bà cay nghiệt ngay từ với chính bà mà trở đi không? Còn trách gì cái cách bà đối đãi với chúng ta! Bà keo cú và tham việc lắm. . . Bà có mỗi một mống con thôi. Ai chả tưởng: quý hơn vàng. Có lẽ bà cũng quý con. Nhưng không phải vì thế mà bà nói tay với con đâu. Mỗi bữa ăn bà giao hẹn với con mỗi miếng đậu kho hay mỗi con tôm phải ăn hết một bát cơm. Không đủ mặc thây. Nó cứ việc ăn cơm nhạt hoặc chan với cái thứ mắm tép mặn hơn cá muối, mà cả nhà phải ăn quanh năm, suốt tháng. Con để đứt ruột ra còn thế, còn nói gì tới cháu và đứa ở! Chắc anh cực lắm đấy, anh Phúc nhỉ? Làm gì tôi chả biết. . .

Hãy nói ngay rằng: bà bác tôi coi anh không bằng con trâu anh thường dắt đi chăn. Con trâu là một món tiền to. Nó làm lợi rất nhiều. Nó chết, người ta phải bỏ ngay ngót trăm đồng bạc tậu con khác về thay nó. Bởi vậy người ta cần chăm chút nó. Còn anh, anh chỉ là một thằng hèn. Anh đi còng còng như một ông lão tám mươi. Cái cổ anh thụt vào giữa hai cái vai rúm ró và xo. Đầu anh ngoẹo về một bên để cái cằm nhọn héch lên phía bên kia. Cả một cái thân hình ọp ẹp của anh không đáng một đồng xu. Người ta có cảm tưởng như nuôi anh là một sự làm phúc đó thôi. Anh chết đi, chẳng thiếu gì đứa nhanh nhẹn, cứng cáp bằng vạn anh. Anh chỉ là đồ ăn hại. . . Ôi chao! Anh ăn hại những gì? Sáng ngày ra, anh uống nước lã cầm hơi. Bữa trưa, anh được ba lùm lùm bát cơm ngô hoặc cơm khoai. Bữa tối, người ta lại cho anh vài nắm ngô rang hoặc vài củ khoai, củ ráy. Kể ra thì bữa nào cũng thòm thềm cả. Chỉ có công việc và những lời chửi rửa thì bao giờ cũng thừa bữa bữa tát. Xoi không kịp! Anh thức dậy trước gà và ngủ có lẽ còn sau bọn tuần sương. Biết mình chậm chạp vụng về, lại yếu ớt quá không thể xốc vác như người ta, anh chỉ chăm chăm chúí chúí làm suốt ngày, không một phút nào dám nghỉ ngơi. Anh làm cả về đêm. Anh mong lấy sự cố gắng của chính anh để bù lại sự kém cỏi tự trời sinh; là cốt lấy sự chăm chỉ, sự kiên nhẫn và nhẫn nại để gọi lòng thương của chủ. Khổ thân anh quá! Tôi thương anh nhất vào những lúc trở trời hay những tháng mùa đông. Bệnh hen của anh lại dấy lên. Anh thở cũng đã là một việc khó nhọc lắm rồi. Thế mà anh vẫn dậy sớm, thức khuya, làm hết việc nhà đến việc đồng, chỉ khác ngày thường một cái là thỉnh thoảng anh ngừng lại để ho sù sù, thờ rít lên như tiếng bể, gà gà mất ra như người say thuốc lào. Trông anh những lúc ấy chẳng khác gì một con cò chết rét. Có lần tôi ái ngại quá, bảo anh:

- Ôm quá thế thì nằm nhà đắp chiếu mà nghỉ có hơn không? Mình ôm, ai nở nói?

Anh lắc đầu, nói như người chực khóc:

- Đã đành, ôm thì chắc người ta cũng phải lo cho mình nghỉ. Nhưng một lần, hai lần còn được, chứ nay ôm, mai ôm thì coi sao tiện? Người ta thuê mình cho mình làm chứ không phải là để

cho mình đắp chiếu nằm như bố già người ta. Thiệt đến người ta thì người ta phải xót. . . Vả lại mình ăn cơm, lấy công của người ta, thì mình phải nghĩ.

Tôi chỉ chép miệng, không còn biết nói sao. Ngừng lại một lát để thở, rồi anh lại thông thả tiếp:

- Ấy, tôi đã phải nghĩ thế mà cũng không xong đấy. Tôi có dám lười đâu? Thế mà lắm lúc bà ấy còn nói cho như là móc họng, đến gần phải mửa cơm ra mà trả lại!

Thoảng thấy bóng bà chủ, anh lại vội vàng làm rất khỏe ra bộ mình chẳng còn ốm đau gì cả. Mấy năm sau, tuy chẳng bàn nhau mà chúng ta bỏ nhà bà bác tôi cùng một độ. Tôi ra tỉnh học. Anh tự liệu không đủ sức để theo nghề làm ruộng, đi học nghề thợ may. Tuy chẳng còn mấy khi được gặp anh, nhưng xa xa tôi vẫn nhận được những tin tức về anh. Tôi biết đại khái tình cảnh anh cũng chẳng hơn gì trước mấy. Thôi thì cũng phải vắt mũi dứt miệng, được bữa hôm lo bữa mai, nhưng cái kiếp chúng mình thì chỉ có thế thôi, mong hơn làm sao được? Một năm kia, người ta bảo tôi rằng: anh mua lại được một cái máy khâu cũ sáu mươi đồng, nhờ chút tiền dành dụm được từ khi cầm nổi cái kim và ba, bóc chục nợ lãi hay tiền nợ non gì đấy. Cũng đáng mừng cho anh lắm! Từ đấy, hình như việc làm ăn của anh có dễ chịu hơn lớp trước. Một hôm, có chút việc phải về quê, tôi gặp anh, quần áo trắng bông, đầu chải mượt, chân kéo lê đôi guốc sà gòong lộc cộc. Nghĩa là anh "diện" lắm. Tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi tỏ sự ngạc nhiên ấy với mấy người hàng xóm. Họ mỉm cười, bảo tôi:

- Ai? Phúc ấy à? . . . Còn phải nói! Bây giờ cậu ấy tư tuốt ghê lắm nhé! Chết cái không tư tuốt, lại sợ vợ nó chê, nó phải lòng thằng khác thì hỏng cả.

Tôi sửng sốt:

- Anh ta cưới vợ rồi! Lấy ai?

- Cái Thừa, con nhà chú Thuận lùn ấy mà! . . . Con bé tình ra phét! Mà phải biết là đồng đành. Lúc nào cũng cái áo cánh cát bá, cái yếm cổ xây thật trắng, cái quần lụa bông chùng xuống tận gót chân, với chùm chìa khoá lúc la lúc lắc. . . Nội bà lý, bà phó trong làng này cũng không ăn bận sang như nó. Cô đầu cũng không ăn đứt.

- Thế mà nó chịu lấy anh ta?

- Thì còn lấy chó nào được mà chả lấy? Nó đi bỏ cha đi ấy! Hai cái mắt thì lúc nào cũng tí đi, hai cái má thì đỏ tía tía, cái mồm thì toe toét; động ai hơi nói đùa, nói bỡn một tí đã hờ hớ cười. Nó nhân tình nhân với trăm thằng, bọn lý dịch chẳng anh nào không thậm thọt ra vào nhà nó. Anh cu Phúc thì mê nó tợn, cho nó nào quần lụa, nào áo cánh xát xi, nào yếm vải phin. . . lại cả tiền nữa ấy! Có thể nó mới lấy cu cậu vậy, chứ không thì đời nào nó lấy. Trông anh chàng như con giun chết, không thương được. Cu cậu hỏi năm, sáu đám, có đứa nào nó chịu lấy đâu? Mà toàn những đứa xấu xí, vấy bờ tre bầy ngày không ai buồn nhặt. Ấy thế mà thánh nhân đãi khờ khờ, tự nhiên với ngay được một con thật đẹp! ...

Họ nói câu cuối với một vẻ gì mỉa mai. Tôi buồn rầu, hỏi:

- Thế từ ngày lấy nhau đến giờ, chị vợ có chịu . . . làm ăn đứng đắn hơn không?

- Làm? Làm gì? Nó thì chẳng bao giờ làm cả.

- Không! ... Tôi nói... Nghĩa là... chị ta có tu tỉnh lại, về cái đường kia khác, hay là vẫn chứng nào tật ấy?

- À! Kể thì cũng đỡ... bởi vì anh chồng chiều tợn nó chẳng bắt làm gì cả, chỉ nhong nhóng suốt ngày, cơm bưng nước rót đến tận mồm, lắm khi cái quần áo thay ra cũng anh chồng giặt hộ. Ôi thôi! Thế thì hỏng mất! Tôi đã gần buột miệng kêu lên thế. Bởi vì tôi vốn biết anh là một người hay gắng gượng. Anh đã gắng gượng lấy sự chăm chỉ, sự nhẫn nhục để bù lại cái sức yếu của anh để gọi lòng thương của bà chủ ngày xưa, thì bây giờ anh lại gắng gượng lấy sự nuông chiều, sự hạ mình cố bù lại sự kém cỏi về dung mạo của mình, để mong giữ được lòng yêu của cô vợ đẹp. Gọi lòng thương của một người chủ tham lam còn khó lắm thay! Còn nói gì đến sự gọi lòng yêu của một người đàn bà đẹp, lẳng lơ và nhẹ dạ? Hỡi ôi! Trời thật bất công khi dựng ra cái đẹp và cái xấu. Loài người thích đẹp, ghét xấu đã phụ họa vào sự bất công của trời! Trong lúc thương anh quá, tôi nghĩ vợ nghĩ vẫn, đến mắt cả lý trí và gần thành một thằng

dở hơi...Bằng đi một dạo rất lâu, tôi không trở lại quê nhà, để bây giờ lại về ở hẳn đây, như một người già cả. Tôi đã gần quên hẳn anh rồi. Nào có phải là tôi là người chóng nhạt tình đâu, nhưng bây giờ tôi cũng đã có vợ, có con, có cả một gia đình. Tôi có bao nhiêu cái khổ của tôi. Chúng hút tất cả ý nghĩ của tôi, khiến tôi sống như kiểu một người ích kỷ. Ốc tôi chẳng còn một phút nào được rảnh rang để nhớ đến người bạn khổ sở hồi thơ ấu...

Bỗng dưng một cái, tôi nghe tin anh chết. Mà chết như thế nào!... Anh ốm bốn tháng nay. Cái bệnh hen kinh niên lại phát ra, như thường lệ mọi năm, nhưng lần này dữ dội hơn. Anh chỉ còn làm được một việc thở mà thôi. Tiền dành dụm mòn dần, rồi hết hẳn. Rồi cái máy cũng phải bán đi. Người vợ đẹp của anh, hai con rồi mà vẫn còn trẻ mau mảu, vẫn phải ăn, phải tiêu, phải mặc áo yếm trắng bong và quần lụa chùng sát đất. Anh không thể cung cấp cho thị nữa, thì đã có một anh thợ húi đầu cung cấp. Thị bỏ anh nằm chết khô, chết nỏ đi suốt ngày đêm. Hai đứa con anh, ẻo lả như một cái lá úa và buồn như một tiếng thở dài ngòai củ rử nhìn anh bằng đôi mắt dại đi vì đói quá. Chúng ngáp luôn luôn. Gian nhà tối ảm, đầy mùi bệnh tật và bữa bộn rác rưởi, muỗi ruồi. Chỉ có những con ruồi là còn có vẻ sống, có vẻ hoạt động và khỏe mạnh giữa cái thế giới ốm yếu ấy, đã chìm một nửa vào cõi chết. Người ta nghe thấy những tiếng thở róc lên, những tiếng rên và những tiếng chép miệng liên hồi. Anh nhạt miệng hay chán nản cho số kiếp? Thỉnh thoảng đôi mắt gà gà của anh lại cố mở to ra, lần lượt đưa về phía hai đứa trẻ rồi đưa ra phía cửa. Bên ngoài trời rất đẹp. Nắng tưng bừng. Một đàn sè chí choé cãi nhau như một lũ trẻ con tập làm người lớn: chúng xỉa xối, chúng chanh chua, chúng cướp lời nhau một cách vui vẻ và âm ỹ. Chim đực, chim cái gọi nhau. Những con chim non cũng đua đòi. Một con ve lanh lảnh này trả lời con ve lanh lảnh khác. Ôi chao! Đòi vui quá! Muôn loài sống mạnh mẽ và sung sướng. Không gian là một đám hội xôn xao và rục rờ. Anh nằm trong đây, như một cái xác chết trong mả lạnh, chua chát nghĩ rằng: mình không ăn nhập gì đến cảnh đùa vui của người.... Đôi mắt anh chìm dần, chìm dần để mờ đi. Đôi mi tím nhạt đã căng lên. Chúng che cảnh hiện tại đi để một cảnh khác tỏa ra.

Anh mơ hồ nghe tiếng trống chèo ở xa vắng vắng. Ấy là anh đang nằm nhớ lại những ngày làng vào đám. Chung quanh đình tấp nập... Người vợ anh cười cợt giữa chỗ đông đảo ấy với những anh trai làng chót nhà bẻm mép... Còn anh thui thủi nằm nhà để quạt cho hai con ngủ, để khàn khàn ru mỗi khi thằng bé giẫy, và để thỉnh thoảng thở dài khi hơi thở nhẹ nhàng của nó lại trở nên đều đều.... Anh đã chịu đựng tất cả những nỗi đau đớn âm thầm ấy, không một lần hé răng oán thán. Nhưng lúc này, cái lúc anh gần chết mà vợ anh vẫn không đoái tưởng đến anh một chút, anh thấy nghẹn ngào, uất tức. Cổ anh tắc lại. Hơi thở bị nghẹn một lúc rồi lại bật được ra, róc lên hơn trước. Ngực anh như có một phiến đá nặng đè lên. Chân tay anh lạnh toát đi. Người anh bộn rộn bồi hồi. Mồ hôi lạnh dâm dấp trán. Đờm kéo lên sòng sọc trong cuống họng. Anh chết mất! Anh chết mất! Anh không còn thở được!... Đôi mắt hoang hốt của anh chực mở ra. Nhưng mí mắt nặng lắm rồi: anh phải cố mới gạt được chúng lên. Đôi mắt mất thần cuống quít tìm hai đứa trẻ. Mồm anh ú ớ... Giữa lúc ấy thì cái phen liệp động. À! Vợ anh, người vợ đẹp của anh đã về. Anh lịm người đi, chẳng biết vì sao. Đôi mắt anh nhắm lại. Anh không muốn nhìn mặt nó? Nhưng kìa nó đã lại đầu giường anh với một vẻ buồn rầu giả dối. Cái thứ tiếng ngọt như đường của nó lại gọi anh:

- Thầy em ơi!

Đôi mắt anh mờ từ từ. Chúng trợn ngược lên để nhả tất cả nỗi oán trách vào mắt nó. Trong lúc ấy nó nghĩ gì? Rồi không biết nó còn tìm đâu được mấy giọt nước mắt để vãi ra. Nó đặt bàn tay lên ngực anh và méu máo:

- Thầy em ơi! Thầy em ơi!...

Tiếng gọi thất thanh của nó làm anh thổn thức. Anh nức nở trong ngực. Anh đã lại muốn tha thứ, tha thứ hết. Nước mắt anh ứa ra đầy mắt...

- Thầy em ơi! Thầy em làm sao thế?

Anh lắc đầu... Không phải là cái lắc đầu giận dữ đâu. Đó là cái lắc đầu thất vọng. Anh biết anh

không còn sống nữa. Anh tiếc vợ. Anh tiếc đời... Nhưng chút tình thương - thành thực hay giả trá - của con vợ đẹp đã làm anh sống lại. Anh lại nói được, và anh nói:

- Tôi chết mất! Thế nào tôi cũng chết... Tôi chỉ còn thềm một bát chè đỗ đen. Nếu có thì bu em cho tôi một bát để tôi ăn cho mát ruột rồi tôi chết.

- Nhà không có đường. Mà nấu cũng không kịp. Tôi đi xem đâu có, mua cho thầy em một bát...

Vừa nói nó vừa mãi một đi lấy bát. Nó tong tả chạy ra khỏi cửa. Anh nghe tiếng vạt áo nó bay soàn soạt và chân nó chạy bình bịch. Chưa bao giờ nó tử tế với anh như vậy, nhưng anh đã quên tất cả, cứ tưởng tượng suốt đời nó toàn tử tế với anh như vậy. Anh càng thêm tiếc đời.... Chao ôi! Giá anh đã được ăn bát chè kia! Biết đâu anh đã chẳng mất lòng, mất ruột mà sống được? Nhưng vợ anh đi lâu quá. Nó đã gặp gỡ một cái gì ở trên đường làm nó lãng quên anh. Hay một kẻ nào đã ngăn cản nó làm bổn phận cuối cùng đối với một người chồng đã hết lòng với nó? Anh không còn sức đợi. Cái chết bị kìm lại trong một phút, lại bắt đầu chuyển động. Nó tiến dần, tiến dần, từ chân lên tới đùi, rồi tới bụng, rồi tới ngực... Anh lại hoảng hốt. Đôi mắt anh cố nhìn mãi... Nhưng anh đã chẳng còn nhìn rõ nữa. Ánh sáng lung linh, lung linh. Không gian bập bênh như một cái thuyền. Mắt anh loá ra. Chúng mờ đi. Mọi vật xóa nhoà. Có lẽ nào như thế được? Anh uất ức. Anh ứ nghẹn. Anh cố kêu lên một tiếng, nhưng không được. Anh u ừ ằng ặc. Đờm đã bịt chặt ống khí quản rồi. Anh ngạt thở. Anh cuống cuống, anh sợ hãi, anh bứt rứt, anh choáng váng....

Ôi thôi! Anh chết rồi!

Bây giờ thì sự im lặng bất tuyệt đã bịt chặt đôi tai anh, chán nghe những lời mai mỉa của đời rồi. Bóng tối phủ kín đôi mắt anh, mở thao láo nhiều đêm để nhìn trong bóng tối những cảnh nó làm anh nhục nhã. Anh đã có thể dừng dừng đối với những chuyện của loài người. Vậy thì anh Phúc ơi! Anh hãy nghĩ cho yên! Những chuyện đời này bây giờ chỉ còn là của chúng tôi. Chúng tôi, những kẻ đã đau khổ, đã uất ức, đã ước ao, đã khát thèm, đã thất vọng và vẫn hy vọng mãi và phải hy vọng mãi. Sự đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi. Một mặt trời mới sẽ mọc lên trên nắm mồ anh và bên trên đầu hai đứa con cô anh để lại. Một bàn tay bè bạn sẽ nắm lấy bàn tay chúng và dắt chúng cùng đi tới một cuộc đời đẹp hơn.

## Đôi mắt

Anh thanh niên làng chỉ một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- Cám ơn anh nhé. lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

Tôi vỗ vai anh bảo vậy. Tôi toan vào. Anh vội ngăn tôi lại:

- Khoan đã. Anh để em gọi cho anh trong nhà xích con chó lại. Con chó to và dữ lắm.

Tôi mở to đôi mắt, khê reo lên một tiếng thú vị. Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bấm chuông xong, bao giờ tôi cũng phải chờ anh Hoàng thân hành ra nắm chặt cái vòng da ở cổ một con chó tây to bằng con bê, dúi đầu nó vào gằm cái cầu thang, rồi mới có đủ can đảm bước vội qua đằng sau cái đuôi nó để vào phòng khách.

Tôi rất sợ con chó giống Đức hung hăng ấy. Sợ đến nỗi một lần đến chơi, không thấy anh Hoàng ra đứng tấn để giữ nó lại buồn rầu báo cho tôi biết nó chết rồi, thì mặc dầu có làm ra mặt tiếc với anh, thật tình thấy nhẹ cả người. Con chó chết vào giữa cái hồi đói khủng khiếp mà có lẽ đến năm 2000, con cháu chúng ta vẫn còn kể lại cho nhau nghe để rùng mình. Không phải vì chủ nó không tìm nổi mỗi ngày vài lạng thịt bò để nó ăn. Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng

đồng thời cũng là một tay chợ đen rất tài tình. Khi chúng tôi đến nơi chỉ còn một dúm xương và rất nhiều bản thảo chẳng biết bán cho ai, anh Hoàng vẫn phong lưu, con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập phố phường. Nó chết có lẽ vì chén phải thịt người ươn hay vì hút phải nhiều xú khí. Thảm hại thay cho nó.

Thế mà bây giờ đến thăm anh Hoàng ở chỗ gia đình anh tản cư về, cách Hà Nội hàng trăm cây số, tôi lại được nghe đến một con chó dữ. Thật là thú vị!... Tôi cười nho nhở. Chẳng biết tôi cười gì, anh thanh niên cũng nhe răng ra cười. Đáp lại tiếng anh gọi, tiếng những chiếc guốc mỏng mảnh quét trên sân gạch nổi lên, lẹc khếch và mau mắn. Một thằng bé mũ nồi đen, áo len xám, chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi...

- Bác Độ, ba ơi! Bác Độ!...

Thằng Ngừ, con anh Hoàng. Nó chẳng kịp chào tôi, ngoắt chạy trở vào, reo rối rít.

- Cái gì? Cái gì? Hừm!

Tiếng trầm trầm nhưng lại có vẻ nạt nộ của anh Hoàng hỏi nó. (Bao giờ nói với con, anh Hoàng cũng có cái giọng dậm đoạ buồn cười ấy). Thằng bé líu ríu những gì tôi nghe không rõ. Rồi thấy tiếng thanh thanh của chị Hoàng giục con:

- Ngừ xích con chó lại. Xích con chó lại cái cột tít đằng kia.

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thông thả, bởi vì người khí béo quá, vừa bước vừa bơi hai cánh tay kệnh khệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngũn như ngấn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng trong bộ áo ngũ màu xanh nhạt, phủ một cái áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được.

Anh đứng lại bên trong cổng, một bàn tay múp míp hơi chìa về phía tôi, đầu hơi ngửa về đằng sau, miệng hé mở, bộ điệu một người ngạc nhiên hay mừng rỡ quá. Tôi có thì giờ nhận rõ một sự thay đổi trên bộ mặt đầy đặn của anh: trên mép một cái vành móng ngựa ria, như một cái bàn chải nhỏ.

Sửng người ra một lúc, rồi anh mới lâm li kêu lên những tiếng ở trong cổ họng:

- Ôi giời ơi! Anh! Quý hoá quá!

Anh quay lại:

- Minh ơi! Anh Độ thật. Xa thế mà anh ấy cũng chịu khó đến thăm chúng mình.

Chị Hoàng lúc bấy giờ đã chạy ra, tay còn đang cài nốt khuy chiếc áo dài màu gạch vừa mới mặc vội vào để ra đón khách. Người đàn bà vồn vã:

- Mong bác mãi. Lúc thằng cháu mới chạy vào, nhà tôi cứ tưởng nó trông nhảm. Cứ tưởng bác ở cách hàng mười lăm hai mươi cây số...

Bắt tay tôi xong, anh Hoàng dịu dàng đẩy tôi đi trước. Chị vợ đã nhanh nhẹn chạy trước vào nhà, dọn bàn dọn ghế. Sao lại có sự sẵn đón cảm động như thế được? Tôi đâm ngờ những ý nghĩ không tốt của tôi về anh, từ hồi Tổng khởi nghĩa trở đi. Sau Tổng khởi nghĩa, anh Hoàng đối với tôi đột nhiên nhạt hẳn đi. Mấy lần tôi đến chơi với anh, định để xem anh thay đổi thế nào trong cuộc thay đổi lớn của dân tộc chúng ta, nhưng đều không gặp anh. Cửa nhà anh đóng luôn luôn. Thằng nhỏ nhà anh đứng bên trong cái cửa nhìn qua một lỗ con, bao giờ cũng hỏi cặn kẽ tên tôi, để một lúc sau ra bảo tôi rằng ông nó không có nhà.

Mấy lần đều như vậy cả nên tôi đã sinh nghi. Lần cuối cùng, trước khi bấm chuông, tôi còn nghe thấy tiếng vợ chồng anh. Nhưng thằng nhỏ vẫn quả quyết rằng ông bà nó về trại những từ tối hôm trước kia rồi. Đã đích xác là anh không muốn tiếp tôi. Chẳng hiểu vì sao. Nhưng từ đấy tôi không đến nữa. Mỗi lần gặp nhau ở ngoài đường, chúng tôi chỉ bắt tay nhau một cách rất lạnh lùng, hỏi thăm nhau một câu chiếu lệ, rồi ai đi đường nấy. Tôi đã biết Hoàng vẫn có tính tự nhiên "đá" bạn một cách đột ngột, vì những cơ mà chỉ mình anh biết. Có khi chỉ là vì một tác phẩm của người bạn ấy được cảm tình của một nhà phê bình đã chê một vài tác phẩm của anh. Có khi cũng chẳng cần đến thế. Anh có thể là một người bạn rất thân của anh Hoàng khi anh chỉ là một nhà văn ở tỉnh xa chỉ góp mặt với Hà Nội bằng những bài gửi về đăng báo, nhưng nếu anh lại về sống hẳn ở thủ đô, giao thiệp với ít nhiều nhà văn khác, anh sẽ không phải là bạn anh Hoàng nữa. Có lẽ anh Hoàng biết cái giới văn nghệ sĩ Hà Nội chửi anh nhiều



quá.

Riêng tôi, trước đây, tôi vẫn không hiểu sao người ta có thể khinh ghét anh nhiều thế. Tận đến lúc bị anh đá tôi mới hiểu. Tôi còn được hiểu rõ ràng hơn. Vào cái hồi quân đội Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở nước ta, một số gái kiếm tiền trút bộ đầm ra để mặc bộ áo Tàu. Còn anh bạn của tôi, chẳng biết bám được ông má chín nào, ra một tờ báo hằng ngày để chửi vung lên. Chửi hết cả mọi người rồi anh mới lòi đến một số bạn cũ của anh ra. Toàn là những người hiền lành, xưa nay chưa hề chạm đến một sợi tóc của anh. Nhưng tên họ trên những tờ báo của phong trào giải phóng quốc gia được hoan nghênh làm ngứa mắt anh. Anh hẳn học gì mĩa họ là những nhà văn vô sản và cho họ là một bọn khổ rách áo ôm đã đến ngày mà phát, ăn mặc và tắm bổ hết cả phần thiên hạ. Tôi cười nhạt. Không phải tôi khó chịu vì những lời vu cáo của anh. Tôi khó chịu chính vì thấy đến tận lúc ấy mà vẫn còn một số nhà văn Việt Nam dùng ngòi bút mình để làm những việc đê tiện thế. Anh Hoàng vẫn là con người cũ. Anh không chịu đổi. Tôi đã tưởng anh với tôi chẳng bao giờ còn thân mật với nhau trở lại... Nhưng sao gặp tôi lần này anh lại hân hoan đến thế? Anh đã đủ thì giờ để lột xác rồi chẳng? Hay cuộc kháng chiến mãnh liệt của dân ta đã quét sạch khỏi đầu anh những cái gì cũ còn sót lại? Thật tình, tôi rất cảm động khi nghe thấy anh kể lể:

- Chẳng ngày nào chúng tôi không nhắc đến anh. Nguyên một hôm xem tờ báo của ông hàng xóm thấy có bài của anh, tôi đoán anh làm tuyên truyền ở tỉnh này. Tiện gặp một cán bộ về làng, tôi nhờ gửi cho anh một bức thư. Cũng là gửi cầu may. Thật không dám chắc thư đến tay anh. Mà có đến, có lẽ anh nhiều việc, cũng khó lòng về chơi với chúng tôi. Thế mà lại được gặp anh. Trông anh không lầy gì làm khoẻ mà sao anh đi bộ tài thế? Mà sao anh lại tìm vào được đúng làng này? Hồi mới đến đây, tôi ra khỏi nhà độ mươi bước là đã lạc. Nhiều ngõ quá mà ngõ nào cũng giống ngõ nào. Có khi ra đồng về cũng nhầm ngõ...

Cái nhà Hoàng ở nhờ có thể gọi là rộng rãi. Ba gian nhà gạch sạch sẽ. Hàng hiên rộng ở ngoài. Sân gạch, tường hoa. Một mảnh vườn trồng rau tươi rười rượi. Xinh xắn lắm. Thích nhất là gia đình anh được ở cả nhà. Chủ nhân cũng là người buôn bán trên Hà Nội. Ông thường nhờ vốn liếng và mối hàng của vợ chồng anh. Còn gì hơn là lúc này trả nghĩa lại nhau. Ông đã dọn sang nhà ông bố ở liền bên, nhường lại nhà cho anh hoàn toàn sử dụng. Anh cho tôi biết thế và bảo tiếp:

- Giá chúng tôi chưa tìm được nhà ông thì chưa biết ra sao. Tôi thấy nhiều người tản cư khổ lắm. Anh tính có đời nào anh ruột tản cư về nhà em mà đến lúc vợ đẻ, em bắt ra một cái lều ngoài vườn để đẻ!

Tôi cho anh biết người nhà quê mình có tục kiêng...

- Thì đã đành là vậy... Anh nói giọng tức tối và bất bình - Thì đã đành là vậy, nhưng lúc này còn kiêng kị gì? Mà có những thế thôi đâu! Thấy anh bây giờ khổ sở, em đã chẳng thương, lại còn xía xối, nhắc đến những lúc hoang phí trước để mà xỉ vả. Nào "lúc có tiền thì chẳng biết ăn biết nhịn để dè, chỉ biết nay gà mai chó!", nào "lúc buôn bán phát tài, bảo gửi tiền về quê tậu ruộng vườn thì bảo không cần vườn ruộng, để tậu nhà ở tỉnh kia, bây giờ không bám lấy nhà ở tỉnh đi?..." Tệ lắm! Anh tính mấy đời mới có một phen loạn lạc thế này? Có tiền, thằng nào chẳng ăn chơi? Có mấy người cứ còm cộm làm như trâu, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, ở thì chui rúc thế nào cho xong thôi, để tiền mà tậu vườn, tậu ruộng như họ?

Chị Hoàng tiếp lời chồng:

- Họ làm chính chúng tôi cũng đâm lo. Có thể nói rằng trong một trăm người thì chín mươi người cho rằng Tây không đời nào dám đánh mình. Mãi đến lúc có lệnh tản cư tôi vẫn cho là mình tản cư để dọa nó thôi. Thế rồi dùng một cái, đánh nhau. Chúng tôi chạy được người chủ của thì chạy làm sao kịp? May mà còn vớt vát được ít tiền, một ít hàng để ở cái trại của chúng tôi, ở ngoại thành. Khéo lắm thì ăn được độ một năm. Đến lúc hết tất nhiên là phải khổ rồi. Chỉ sợ đến lúc ấy, họ lại mĩa lại. Thành thử bây giờ, lý ra thì có muốn ăn một con gà chưa đến nỗi không mua nổi mà ăn, nhưng ăn lại sợ người ta biết, sau này người ta nói cho thì nhục.

Họ tàn nhẫn lắm cơ, bác ạ!

Anh Hoàng cười:

- Mà sao họ đã bận rộn nhiều đến thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người chung quanh nhiều đến thế? Anh chỉ giết một con gà ngày mai cả làng này đã biết. Nay, anh mới đến chơi thế mà lúc này tôi đã thấy có người nấp nom rồi. Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh béo gầy thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái.

Tôi mỉm cười, cắt nghĩa cho anh hiểu: lúc này họ cần đề ý đến những người lạ mặt tới làng. Tôi chắc mấy người nấp nom tôi là mấy người có trách nhiệm trong uỷ ban mấy anh tự vệ.

- Lại còn các ông ủy ban với các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ! Họ vừa ngổ vừa nặng sị. Đàn bà chữa mà đến nỗi cho là có lựu đạn giắt trong quần! Họ đánh vắn xong một cái giấy ít nhất phải mất mười lăm phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giấy. Anh đi, hỏi. Anh về, hỏi, hỏi nữa. Anh vừa ra khỏi làng, sực nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi. Hình như họ cho cái việc hỏi giấy là thú lắm.

Anh cười gằn một tiếng, nhìn bao trùm cả người tôi, hỏi:

- Anh sống ở nhà quê nhiều, anh có hiểu tâm lý của họ không?

Anh thử cắt nghĩa hộ tôi tại làm sao họ lại nhiều khê đến thế?

Từ trước đến nay, tôi chỉ hoàn toàn ở Hà Nội, thành thử chỉ mới biết những người nhà quê qua những truyện ngắn của anh. Bây giờ gần họ, tôi quả là thấy không nhịn được. Không chịu được!

Nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh nhăn lại như người thấy mùi xác thối. Vợ chồng anh thi nhau kể tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người dãn độn, lỗ mãng, ích kỷ, tham lam, bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ lại càng lố lăng. Viết chữ quốc ngữ sai vắn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rối rít cả lên. Mở miệng ra là thấy đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ với cả dân tân chủ nữa mới khổ thiên hạ chứ! Họ mà tóm được ai thì có mà chạy lên trời! Thế nào họ cũng tuyên truyền cho hàng giờ. Có lẽ họ cho những người ở Hà Nội về như vợ chồng anh đều lạc hậu, chưa giác ngộ nên họ không bỏ lỡ một dịp nào để tuyên truyền vợ chồng anh. Mà tuyên truyền như thế nào!...

Anh trợn mắt bảo tôi:

- Tôi kể cho anh nghe chuyện này thế nào anh cũng cho là bịa. Nhưng tôi có bịa một tí nào, tôi chết. Một hôm, tôi đi chợ huyện chơi. ở nhà đã hỏi đường cẩn thận rồi, nhưng đến một ngã ba, lại quên búng mắt, không biết phải rẽ lối nào. Đành đứng lại, chờ có người đi qua thì hỏi. Chờ mãi mới thấy một ông thanh niên nghễ nghện vác một bó tre đi tới. Tôi chào rồi hỏi: "Đi chợ huyện lối nào, ông làm ơn chỉ giúp tôi!" Anh ta trở mặt nhìn tôi chẳng rằng chẳng nói, như nhìn một giống người lạ mới từ Hoả tinh rơi xuống. Tôi biết hiệu, rút giấy đưa cho anh xem rồi lại hỏi. Bây giờ anh ta mới bảo: "Ông cứ đi lối này, đến chỗ có một cây đa to thì rẽ về tay phải, đi một quãng lại rẽ về tay trái, qua một cách đồng, vào đường gạch làng Ngò, vòng qua đằng sau đình, rẽ về tay phải, đi một quãng nữa là đến chợ". Đại khái thế, chứ không hoàn toàn đúng thế. Chỉ biết là nó lồi thối rắc rối, nhiều bên phải bên trái quá, đến nỗi tôi không tài nhận nhận được. Anh ta bày cho tôi một cách: đứng đợi đấy, gặp ai gánh hàng đi chợ thì theo. Tôi cho là phải. Anh ta cười bảo: "Thôi thế chào ông. Cháu vô phép ông đi trước. Cháu vội lắm. Cháu phải vác ngay bó tre này lên Thượng để làm công tác phá hoại, cản cơ giới hoá tối tân của địch. Cuộc trường kỳ kháng chiến của ta phải chia làm ba giai đoạn: giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự, giai đoạn tổng phản công. Giai đoạn phòng ngự nghĩa là..." Anh ta cứ thế, đọc thuộc lòng cho tôi nghe cả một bài dài đến năm trang giấy.

Chị Hoàng cười rú lên. Tôi cũng cười, nhưng có lẽ cái cười chẳng được tươi cho lắm. Anh thấy cần phải thề lần nữa:

- Tôi có bịa thì tôi chết. Mà tôi lại thề với anh rằng lúc ấy tôi ngạc nhiên quá, không còn cười được, vả lại cũng không dám cười. Cười, nhớ anh ta đánh cho thì tai hại. Nhưng từ hôm ấy ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cổng suốt ngày không dám đi đâu nữa.

Tôi cười gượng. Điều muốn nói với anh, tôi đành giấu kín trong lòng không nói nữa. Tôi biết

chẳng đời nào anh nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép như tôi. Vả lại dầu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kỹ càng hơn cũng chẳng ích gì. Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn" nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngổ bề ngoài của nó mà không nhìn thấy cái nguyên cơ thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản. Tôi biết lắm. Trước mặt người đàn anh trong văn giới ấy, tôi chỉ là một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề. Bởi vậy tôi không dám nói hết những ý nghĩa của tôi ra. Tôi chỉ rụt rè và đưa ra vài điểm nhận xét:

- Có nhiều cái kỳ lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi họ rất nhiều. Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phần đông dốt nát, theo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến "sức mạnh quần chúng", tôi rất nghi ngờ. Tôi vẫn cho rằng đa số nước mình là nông dân, mà nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng chưa làm cách mạng. Cái thời Lê Lợi, Quang Trung, có lẽ đã chết hẳn rồi, chẳng bao giờ còn trở lại. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngã ngựa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng, mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nụ đạn", hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh, mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con, nhà cửa, như họ vẫn thường thế nữa. Gặp họ, anh không thể tưởng tượng được rằng chính những người ấy, chỉ trước đây dăm tháng, giá có bị anh lính lệ ghẹo vợ ngay trước mặt cũng chỉ đành im thin thít mà đi, đi một quãng thật xa rồi mới dám lẩm bẩm chửi thảm vài tiếng, còn bao nhiêu ghen tức đành là đem về nhà trút vào má vợ.

Hoàng nhếch một khoé môi lên, gay gắt:

- Nhưng anh vẫn không thể chối được rằng họ có nhiều cái ngổ không chịu được. Tôi thấy có nhiều ông tự vệ hay cả vệ quốc quân nữa táy máy nghịch súng hay lựu đạn làm chết người như bỡn. Nhiều ông cầm đến một khẩu súng kiểu lạ, không biết bắn thế nào. Nước mình như vậy, suốt đời không được mó đến khẩu súng thì làm gì biết bắn, họ đánh mãi rồi cũng biết. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi! Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm uỷ ban nọ, uỷ ban kia nữa, thế mới chết người ta chứ! Nói thí dụ ngay như cái thằng chủ tịch uỷ ban khu phố tôi ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau, nó là một anh hàng cháo lòng. Bán cháo lòng thì nó biết đánh tiết canh, chứ biết làm uỷ ban thế nào mà bắt nó làm uỷ ban? Ông chủ tịch làng này, xem giấy của nhà tôi, thấy đề Nguyễn Thục Hiền, cứ nhất định bảo là giấy mượn của đàn ông. Theo ông ấy, thì đàn bà ai cũng phải là thị này, thị nọ. Chị Hoàng cười nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra. Rút khăn tay lau nước mắt xong, chị chép miệng lắc đầu, bảo tôi:

- Giá bác ở đây thì nhiều lúc bác cũng cười đến chết. Thế mà ông chủ tịch ấy cứ nằn nì mãi hai ba lượt, yêu cầu nhà tôi dạy bình dân học vụ hay làm tuyên truyền giúp.

Anh chùng tiếp:

- Tôi chẳng có việc gì làm, lắm lúc cũng buồn. Nhưng công tác với những người như vậy thì anh bảo công tác làm sao được? Đành để các ông ấy gọi là phản động.

Muống lắng chuyện, tôi hỏi:

- Lúc này nhiều thì giờ thế, chắc anh viết được. Anh đã viết được cái gì thú chưa?

- Chưa, bởi vì ngay đến một cái bàn viết ra hồn cũng không còn nữa. Nhưng thế nào chúng mình cũng phải viết một cái gì để ghi lại cái thời này. Nếu khéo làm còn có thể hay bằng mấy cái "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng. Phụng nó còn sống đến lúc này phải biết!

Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ, Hoàng mời tôi cùng đi với vợ chồng anh đến chơi nhà mấy người ở phố cũng tản cư về. Có đâu một ông tuần phu về hưu, một ông đốc học bị thải hồi vì một vụ hiếp học trò, một cụ phán giả trước đây chuyên môn sống về nghề lo kiện, hay chạy cừu phẩm cho thiên hạ. Anh chẳng ưa gì họ bởi vì họ chẳng biết gì đến văn chương nghệ thuật, chỉ

tổ tôm là giỏi.

Nói chuyện với họ chán phè. Nhưng nếu chẳng giao thiệp với họ thì cũng chẳng biết đến chơi nhà ai được nữa... Anh vừa đi vừa tâm sự nhỏ với tôi như vậy, và thì thầm kể sạt tai tôi những cái thói nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một, trong khi chúng tôi bước chậm chậm để đợi chị Hoàng ra sau chúng tôi một chút.

Chị Hoàng rảo bước để theo kịp chúng tôi. Hai má đỏ ửng vì lửa bếp. Chị cắt nghĩa sự chậm trễ của chị:

- Tôi xem lại nồi khoai lang vui, để lát nữa về ăn. ở đây cao lương mỹ vị chẳng có gì, nhưng được cái thức ăn vặt thì sẵn. Bác ở chơi đây, mai tôi xem nhà ai có mía to mua mấy cây về ướp hoa bưởi ăn thơm lắm.

Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông.

Một thằng bé chạy ra, lễ phép chào:

- Lạy ông!

- Không dám. Cụ Phạm có nhà không cậu?

- Bẩm ông, cụ sang bên ông đốc.

- Sao thấy nói ông đốc ở đây từ sáng?

- Bẩm không ạ! Sáng nay không thấy ông đốc sang chơi bên này.

Chúng tôi quay trở lại. Qua mấy cái ngõ ngoằn ngoèo khác, đến một cái cổng gạch có dây leo khác. Một chị vú ẵm em đứng cổng:

- Lạy ông! Lạy bà!

- Không dám. Ông đốc có nhà hay đi chơi vắng?

- Bẩm ông, ông đốc con sang cụ tuần.

- Sao bên cụ tuần bảo sang đây?

- Bẩm ông, không ạ!

Anh Hoàng quay ra. Đi được mấy bước, anh quay lại khẽ bảo vợ:

- Các bố lại tổ tôm. Mụ Yên Kỳ cũng không có nhà, phải không?

Con mụ ấy cũng là đệ tử tổ tôm hạng nặng. Chắc họ tụ tập ở đây hay ở bên nhà cụ Phạm, sai người gác cổng.

Chị Hoàng không có ý kiến gì. Anh Hoàng vỗ vai bảo tôi:

- Anh nghĩ có buồn không? Tri thức thì thế đấy. Còn dân thì... như anh đã biết.

Tôi thầm rửa sự tình cờ sao lại xô đẩy anh về đây cùng với bằng ấy thứ cặn bã của giới thượng lưu trí thức. Sao anh không đi theo bộ đội, đi diễn kịch tuyên truyền nhập bọn với các đoàn văn hoá kháng chiến để được thấy những sinh viên, công chức sung vào vệ quốc quân, những bác sĩ sốt sắng làm việc trong các viện khảo cứu hay các viện quân y, những bạn văn nghệ sĩ của anh đang mê mải đi sâu vào quần chúng để học họ và dạy họ, đồng thời tìm những cảm hứng mới cho văn nghệ?

Tôi cười nhạt:

- Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hồng à?

Anh chộp lấy câu của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột:

- Ấy đấy, tôi bi lắm. Cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản có lẽ chỉ vì tôi tin vào ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cừ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kể cũng khổ cho ông Cụ lắm. Anh tính tượng trưng cho phong trào giải phóng cả một cái đệ tứ cường quốc là Đại Pháp, mà chỉ có đến thằng Đờ-Gôn. Tôi nhắc đến tên mấy nhân vật kháng chiến khác của Pháp, còn đáng tiêu biểu bằng mấy Đờ-Gôn. Anh lắc đầu:

- Bằng thế nào được Hồ Chí Minh!

Và anh tiếp:

- Ông Cụ làm những việc nó cừ quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tởm đi nữa, ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường. Nhưng cú như cú Hiệp định sơ bộ mùng 6 tháng 3 thì đến chính thằng Mỹ cũng phải lắc đầu: nó cho rằng không thể nào bịp ông già nổi. Thằng

Pháp thì nghĩa là gì? Bệt lắm rồi. Không có thằng Mỹ xúi thì làm gì Pháp dám trở mặt phản Hiệp định mồng 6 tháng 3? Minh cho nó như vậy đã là phúc đời nhà nó lắm rồi. Đáng lẽ nó phải bám chằng chằng lấy chứ?

Buổi tối ăn khoai vùi xong, uống mấy tuần trà rồi đi nằm sớm. Anh sợ tôi đã đi hàng mười cây số, lại ngồi nói chuyện suốt từ lúc đến, chắc không thể ngồi được nữa. Vả lại tuy chưa buồn ngủ nhưng nằm đắp chăn cho ấm và buông màn cho khỏi muỗi thì vẫn tốt. Hai cái giường nhỏ kê song song, cách nhau có một lối đi nhỏ. Màn tuyền trắng toát. Chỉ trông cũng đã thấy thơm tho và thoải mái.

Hoàng với tôi đi nằm trước. Một gói thuốc lá thơm và một bao diêm đặt ở bên cạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá ở đầu giường. Tôi để nguyên cả quần áo tây và chỉ ngay ngáy lo đêm nay một vài chú rận có thể rời sơ-mi tôi để du lịch ra cái chăn bông thoang thoang nước hoa. Mọi hôm tôi vẫn đắp chăn chung với anh em thợ nhà in, cái giống ký sinh trùng hay phản chủ ấy, ở người tôi, không dám cam đoan là tuyệt nhiên không có.

Chị Hoàng thu dọn đồ đạc, đóng cửa, rồi đem một cây đèn to lại chỗ cây giường chúng tôi, lấy ra một cái chai. Anh Hoàng trông thấy, hỏi:

- Minh thắp đèn to đấy à?

- Vâng, tôi đổ thêm dầu đã.

Anh Hoàng hỏi tôi:

- Anh có thích đọc Tam Quốc không?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ.

- Thế thì thật là đáng tiếc. Trong tất cả các tiểu thuyết Đông Tây, có hai quyển tôi mê nhất là Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Về cái môn tiểu thuyết thì thằng Tàu nhất. Nhưng cũng chỉ có hai bộ ấy thôi. Thủy Hử cũng hay, chẳng kém Tam Quốc và Đông Chu Liệt Quốc. Những tiểu thuyết khác hay đến đâu, anh cũng chỉ đọc một câu. Đọc đến lần thứ hai là giảm thú rồi. Nhưng Tam Quốc với Đông Chu thì đọc đi đọc lại mãi vẫn thấy thú như mới đọc.

- Anh có hai bộ ấy ở đây không?

- Bộ Đông Chu mất ở Hà Nội, không đem đi được. Thế mới sầu đời chứ! Hận quá, may mà bộ Tam Quốc lại để ở ngoại thành, đem đi được. Nếu không thì buồn đến chết.

Anh gạt tàn thuốc lá rồi bảo tiếp:

- Sở dĩ lúc này tôi hỏi anh là có thích đọc Tam Quốc không là vì mỗi tối trước khi đi ngủ, chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi Tam Quốc rồi mới ngủ. Nhưng hôm nay anh không biết có nên bỏ cái lệ ấy đi không? Nếu anh thích nói chuyện thì nghỉ một tối để chúng mình nói chuyện cũng chẳng sao.

Cố nhiên là tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh có vẻ mừng rỡ lắm:

- Vâng, nếu anh cho phép thì ta cứ đọc. Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta ngủ.

Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chăn ấm thế này thì dầu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ ngon lành lắm... Anh cười cùng cục trong cổ như một con gà trống:

- Vâng, thế thì ta cứ đọc. Minh lấy ra đi.

Chị Hoàng chạy lại bíp lấy một quyển sách bìa dày, gáy da, đem lại.

- Minh đọc hay tôi đọc?

- Minh đọc đi.

Chị để cây đèn lên trên cái đôn thấp ở đầu giường, cởi áo dài lên giường nằm cạnh thằng con đã chui vào chăn trước.

- Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như...

- Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy. Thế nào? Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không?

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện:

- Tôi thấy nói là nó giỏi.

- Giỏi lắm anh ạ! Giỏi nhất Tam Quốc. Sao nó tài đến thế.

Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đọc đến đoạn hay anh lại vỗ đùi kêu:

- Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng! Tiên sư anh Tào Tháo.

1948

## Một đám cưới

Dần thức dậy thì trong nhà còn tối om om. Đêm tháng chạp, trời lâu sáng. Thật ra thì gà gáy đã lâu. Tiếng gà gáy xôn xao. Và óc Dần còn lửng lơ một ý nhớ mơ hồ, giống như khi người ta nhớ lại những chốn mình đã qua trong một giấc chiêm bao: Dần chưa tỉnh hẳn ra, Dần đã thấy những tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẳng lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi thì Dần tỉnh hẳn. Có lẽ do một tiếng gáy cộc lốc của anh gà trụi trong chuồng gà nhà bên cạnh. Con gà đang ở thời kỳ tập gáy, tiếng gáy ngắn nhưng đã vang động lắm. ấy là một con gà có sức. Dần phác lại trong tưởng tượng cái hình dung lộc ngọc của nó, lác các và vụng dại như một anh con trai mười sáu tuổi, đôi chân cao, cái cổ trần ngất nghểu, cái mào đỏ khè hơi nhu nhú, cái đuôi cụt ngắn. Anh chàng rất hay sang nhà nó tãi gio, tãi rác, khiến nó bực mình đã mấy lần toan vụt chết.

Dần nhồm dậy. Nó sờ soạn ra khỏi cái ổ rơm rồi đi thẳng ra ngoài. Bên ngoài mịt mù sương. Khí lạnh sắc như dao. Dần rung mình và hắt hơi mấy cái luôn. Nó thấy cần phải động dậy ngay, cần phải làm ngay một việc gì cho nóng người: đã rét mà lại còn đứng co ro thì chỉ càng tổ rét. Nó mãi một vợ lấy cái chổi để quét sân, quét ngõ. Việc quét tước ấy chẳng sáng nào nó quên làm, dù sân nhà có bẩn hay không. ấy là một thói quen cũng như cái thói quen dậy từ lúc hầy còn đêm. Nét chăm chỉ ấy, nó học được mấy năm đi ở.

Dần đi ở từ năm chữa mười hai. Khi ấy, đầu nó còn để hai cái trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khê. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra, nên hay liệ, hay lo. Thị nghĩ rằng: Con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi nhà mình vườn ít, ruộng không, cửi vải cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì; nó ở nhà cũng chỉ chơi; để mặc nó lêu lổng chạy ra ngoài đường, đánh chắt, đánh ô, rồi nó hư thân; chi bằng cho nó đi ăn đi ở với người ta, để người ta bắt nó cất nhắc việc nọ, việc kia cho nó quen tay; có việc làm rồi mới biết việc mà làm, chỉ không nhông chơi quen, đến lúc phải làm tắt gờ guồng chân tay, chẳng đánh đổ cái này cũng đánh vỡ cái kia, cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết cấy thế nào, bảo ngồi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học cho quen công việc cửi vải, ruộng vườn, sau này độ cái thân: ấy là cái lợi xa xôi. Nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền: nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày vài lế gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta cũng thí bỏ cho cái quần, cái áo. Bố mẹ, nếu chẳng được nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà chánh Liễu. Nhà bà chánh dật chín mươi khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dọn vật và trông nom ống suốt: Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sòng, một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh) thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rằng giàu, nhưng nhà bà cũng cơm chia: sáng, mỗi người một lùm; trưa, ba lượt thật đầy; tối, củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con, như vậy, thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra, ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu? Mỗi ngày, chỉ bữa trưa. Mà hiếm họa lắm mới có bữa được mỗi người ba vục chặt. Thường thường là hai vục, hơn hai vục. Có khi một. Cũng có khi chẳng vục nào, phải ăn ráy, ăn khoai trừ bữa. Thế mà Dần chịu được, thì vào nhà bà chánh, cố

nhiên là Dần chịu được, Dần sung sướng là khác nữa. Con người ta, có cơm vào là có da, có thịt ngay. Chẳng lâu đâu. Người mẹ nghĩ và mừng. Thị chắc chỉ vài, ba tháng sau, nếu Dần được một ngày rồi rã về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút. Mà trắng, mà đẹp, mà lành lặn, ra phết cô con gái lắm!...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có vẻ thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà chánh nữa. Cơm nhà giàu khó nuốt. ăn của họ mà không làm lợi cho họ được thì họ làm cho đến phải mưa ra mà giả họ. Dần chân yếu tay mềm lắm. Nó thà nhịn đói mà ở cửa, ở nhà còn hơn. Mẹ Dần nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thà giết con đi. Trẻ con đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân? Đi ở cho nhà người ta, ăn cơm của người ta, lấy công của người ta, thì cố nhiên là phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói, mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy, không đánh, không chửi, sao có nên thân người được? Thị bảo Dần: "Mày có hư thì người ta mới đánh; đánh thế chớ đánh nữa tao cũng không thương chút nào; mày muốn sống, thì về nhà bà chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mày...".

Hỡi ôi! Người mẹ rất đáng thương của Dần chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào, Dần cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hắt hủi để cho Dần chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng: "Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con nhà người ta, mình đừng gả hay sao? Về nhà chồng mà thổi cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha không? Vả lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân của nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chớ có phải bắt nó đi ở để hồng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?".

Bố Dần chẳng nói sao. Ông chỉ thờ dài. Nhưng ông cũng ngờ ngẩn hàng ngày, hàng buổi như nhớ con lắm. Về sau, các em Dần lại kể với Dần như thế, nên Dần mới biết. Dần không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc lóc đòi về. Lâu dần rồi nó cũng quen đi. Cái sự khổ thì bao giờ cũng thế thôi. Nhưng khi người ta đã nhất định chịu, thì khổ thế nào mà không chịu được.

Dần ở cho nhà bà chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dần đi tả mấy cơn, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm; mưa nắng nhiễm vào người - mà sức một người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? - Thị phải lại một trận kịch liệt rồi thì chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố, là đàn ông, với hai đứa trẻ con, vất vả mũi chưa được sạch: chúng nó chưa biết làm gì cả. (Hai đứa áp với Dần, giá trời để cho chúng nên người thì bây giờ đã đứa thổi được nồi cơm, đứa quét được cái nhà; nhưng một năm xưa, hai đứa lên đậu cách nhau có vài ngày, rồi chết, cũng cách nhau có vài ngày). Bố Dần, cố đợi hết năm, đến nói với bà chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dần ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhật nhặn để cho bố đi làm. Bốn bố con lịu nhịu nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn. Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm.

Nhưng ông trời hình như không muốn cho bố con Dần góc đầu lên. Cuộc sống mỗi ngày một khó thêm. Gạo kém, thóc cao. Ngô, khoai cũng khó chuốc được mà ăn. Thậm chí đến hạt muối cũng sinh ra hiếm hoi: mua một vài xu chẳng hàng nào chịu bán. Đồng tiền thành ra rẻ quá. Công làm tuy có cao hơn, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước kia, mỗi người làm mỗi ngày hào rưỡi thì đã gần đủ cả nhà ăn; bây giờ mỗi ngày được ba hào, tiền gấp hai, nhưng nếu đem đong gạo thì chưa bằng một góc ngày xưa, thành thử một người ăn cũng hết. Ngày làm đã vậy, còn ngày nghỉ: có phải ngày nào cũng có người thuê đâu? Đã thế lại còn bão, lại còn lụt, rồi lụt

chán, đến vụ chiêm lại giờ trò đại hạn. Rồi những nhà giàu, chúng không thể chôn bạc giấy, nhất định để thóc mọc mầm trong nhà chứ không chịu bán. Gạo cứ mỗi ngày một giá. Không biết rồi làm gì ra tiền mà đong?

Một đêm, sau khi đã than thở với con hết quá một trống canh rồi, bố Dần thở dài bảo con rằng:

- Cơ cực này, nếu còn ở nhà, rồi đến chết đói cả lũ mà thôi. Bây giờ mà còn thế, đến tháng hai, tháng ba này còn khổ đến đâu? Bố con mình có thân thì phải liệu dần đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa mà đã Tết, thôi thì ta cũng cố mà chịu vậy qua giêng rồi sẽ tính.

- Thầy bảo: con tính thế nào? Nhà mình thì chỉ có cấp làm thuê. Thời vụ lại hết rồi. Qua giêng, con chắc mười ngày nghỉ, chưa chắc có một ngày có việc.

- Ấy thế mình mới lại càng cần phải tính. Nếu có việc thì còn phải lo gì nữa? Chẳng được cơm thì cũng được cháo, miễn là không chết lả... Nhưng không có việc!... Cho nên tao định lên rừng một chuyến.

- Eo ôi!

- Việc gì mà "eo ôi?". Bây giờ người ta đi như đi chợ. Nghe nói trên ấy làm ăn còn dễ. Làng ta, về cánh nhà ông trương Huấn đấy, họ đi tất cả bằng ấy anh em, mà anh nào về cũng có tiền.

- Tiền rừng, bạc bể chả dễ nuốt được đâu. Vô phúc mà ngã nước một chuyến thì lại được!...

- Thì chỉ đến chết là cùng, chứ gì? Còn hơn ngồi nhà mà chết đói. Thế mà bảo không liều thân đi như thế, thì còn xoay xấp gì để kiếm ra tiền được nữa, nào?

Ồ mà đúng như vậy thật. Dần chẳng còn biết đáp sao được nữa. Nó đành lẳng lặng. Câu chuyện ngắt ra vài phút. Trong khi ấy, cả hai đều nghĩ ngợi. Dần bỗng hỏi:

- Cả chúng con cũng đi à?

- Không. Tao hãy đi một mình trước, xem sao.

Dần vội kêu lên:

- Chịu thôi! Chúng con chả dám ở nhà đâu. Đêm hôm có ba đứa trẻ ranh!...

Nó sợ có nắm gạo hay củ ráy, củ khoai cũng không giữ được mà ăn. Nhưng thầy nó bảo:

- Tao đã liệu chỗ ấy rồi. Vườn đất với các em, tao sẽ nhờ chú Lữ trông nom. Bòn bán thế nào chả đủ cho hai đứa chúng nó ăn. Mà không đủ thì tao đến...

Còn nó? Chắc thầy nó lại định cho nó đi ở cho nhà bà chánh Liễu hay nhà nào khác đấy. "Thì cũng được!...". Dần nghĩ vậy. Cái thân nó, nào nó có cần gì? Nhưng nghĩ đến cảnh nhà tan tác mà buồn. Rồi đây bố một nơi, con một nẻo, chị em mỗi đứa nhờ vả một người... Nó đã sắp nói một lời gì để can cha, thì cha đã bảo:

- Còn mà thì tao cho người ta cưới.

Chuyện cưới xin khiến Dần thèn thẹn. Thành thử nó lại không tìm được câu gì để nói. Vẫn người bố nói:

- Thôi thì trước sau cũng một lần. Có rùi gấng cũng chẳng rùi gấng được bao nhiêu. Mắc cái người ta xin cưới mấy lần rồi. Tao khát mãi để cho hết tang bu mà đã; nhưng người ta nhất định xin lo trước. Chết cái con gái người ta cũng sắp cưới rồi: nhà người ta cũng neo người; không cưới mà về thì ngay đứa sai vật cũng không có nữa. Vả lại chỗ người ta với mình, không lẽ thế nào? Người ta ăn ở phải thì mình cũng phải ăn ở phải, thấy người ta nói mãi, tao cũng nể.

Dần tức tối:

- Nể! Nể cái gì! Thầy cứ bảo rằng: mẹ con chết đi rồi, hai em thì còn đại, chỉ có con hơi lớn một tí phải ở nhà để thổi cơm, nấu nước.

- Thì tao vẫn bảo người ta thế. Nhưng người ta không chịu.

- Không chịu là không chịu thế nào? Quyền còn ở mình...

- Thì vẫn là quyền còn ở mình? Cho nên người ta có dám bắt mình đâu? Người ta chỉ cố nài.

Người ta nói khó với mình. Tao thề với mà: hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết! Rồi bà ấy lay. Bà ấy bảo: Thế này này, ông ạ: ông cũng khổ, nhưng tôi còn khổ hơn ông, thầy cháu chết đi, tôi chỉ được có mình cháu là con trai, ông cố thương tôi...". Như thế thì tao còn biết từ chối người ta thế nào cho tiện?

Rồi thầy Dần nói nhỏ:



- Mắc cái lúc mẹ mày nằm xuống, nhà không còn một đồng xu nào, không còn vớ vớ vào đâu được, tao đã nhận của người ta hai mươi đồng bạc cưới. Ý người ta định đưa tiền trước thế, rồi xin cưới ngay cuối năm, năm ngoái. Tao phải khát. Nhưng không lẽ khát lần người ta mãi? Người ta lại tưởng mình có ý lừa lọc gì người ta chẳng. Hôm nọ người ta lại đến xin lần nữa. Họ xin đến tháng giêng... Nhưng từ giờ đến tháng giêng có là bao? Đàng nào mày cũng phải đi, mà mày đi thì tao không làm thế nào vừa trông coi các em mày vừa đi làm được. Cho nên tao nhất định mang gửi chúng nó, rồi lên rừng một chuyến. Kiếm ăn được, tao sẽ đem chúng nó đi. Định thế, nên tao bảo người ta: "Nếu bà nhất định lo, thì tôi cho lo ngay dạo trong năm". Người ta có hỏi tao: "Ông đã thương... trước nữa là thương cháu, sau nữa là thương tôi, mà rộng cho như thế, thật cũng là phúc nhà chúng tôi lắm lắm. Tình cảnh nhà tôi, chắc ông cũng chẳng còn lạ gì. Chúng ta cùng là cái chỗ nghèo hèn, thì con cái chúng ta lại làm bạn với nhau. Vậy ông định may vá cho cháu thế nào, ăn tiêu thế nào, thì ông cho chúng tôi biết để chúng tôi lo. Tao nghĩ nát ruột cũng không biết trả lời thế nào cho tiện. Vải giấy như vải giấy năm nay?... Xin ít thì không biết may gì. Chỉ một bộ quần áo cánh vải to cũng phải non ba chục. Mà xin nhiều thì mang tiếng; với lại người ta lấy gì mà đưa cho mình được? Vay công vay nợ lắm vào thì về sau lại chỉ khổ chúng mày. Tao phải bảo người ta: muốn may cho mày thế nào thì may lấy, tao không dám nhận. Bà ta bảo: "Ta với ta, chẳng nói gì ông cũng rõ: cái lúc khó khăn thế này, mười nhà họa mới có một nhà có tiền mà may mặc, còn thì chỉ quần manh, áo vá, đeo dây, quán rợ; chắc ở nhà ông thì cũng thế, mà nhà tôi thì cũng vậy. May quần chùng áo dài cho cháu, bất quá chỉ mặc một ngày cưới mà thôi, rồi cũng bằng để đấy, cảnh nhà chúng ta thì còn hội hè đình đám gì mà phải sắm quần chùng áo dài kia chứ?... Vậy ông đã dạy thế, thì tôi xin may cho cháu một bộ quần áo vải, quần áo cánh thôi, để cháu nó mặc đi làm ấy; còn hôm cưới, nếu cháu nó chưa có áo chùng, thì tôi xin đưa cái áo chùng của tôi cho nó mặc, cho nó qua cái ngày ấy, kéo cháu nó là trẻ con nó lại tủi thân chẳng. Rồi từ hôm sau mà đi lại cứ quần áo đụp, đem ra mà mặc. Cái áo dài lại cất đi. Ấy, nhà có một mẹ, một con, chỉ một cái áo dài là đủ chán! Mẹ đi đâu mẹ mặc; con đi đâu con mặc. Việc may mặc cho cháu thế cũng là tạm tạm được. Còn ý ông định ăn uống thế nào, xin cho biết". Người ta nói thế là có ý hỏi mình có cần cau rượu, tiền nong gì nữa hay không? Tao nghĩ cũng chẳng còn nên xin thêm nữa. Mình cất lấy hai chục đồng bạc của người ta, hơn một năm, có đến năm rưỡi trời rồi. Vả lại còn đang có trở bu mày, cũng nên làm vụng làm trộm, miễn là xong việc thì thôi. Vậy họ đương, anh em, tao nhất định chẳng bảo ai. Đàng nhà trai cũng vậy. Bà ấy đã thú thật rằng: phải biện năm, ba cỗ thế nào, về đàng họ nhà gái, thì xin biện; chứ đàng họ nhà bà ấy tịnh không mời người nào cả. Bởi việc phải lo thì lo, chứ thật ra một tí gì cũng vào công nợ cả. Công nợ lắm thì về sau chỉ chết chúng mày, chứ chết ai? Vì thế, nên tao bảo: Bà ạ, dẫu rằng "Vui thì vui cả triều đình, chẳng vui, vui thế một mình vui chi?". Đàng nhà trai, bà còn không muốn bảo ai, thì đàng nhà gái bây giờ đang còn tang mẹ cháu, tôi cũng chẳng bảo ai sát cả. Vậy bà định ngày nào cứ một mình bà với chồng nó đến, tôi cũng chỉ cho hai em nó đưa nó về. Thế cũng xong. Ai cười đến hạng nhà chúng ta? Còn như sự tiền nong... đáng lẽ tôi chẳng nên xin thêm đồng nào nữa mới phải (hỏi mẹ cháu mất, tôi cất lấy hai chục đồng bạc của bà, là tôi phải nghĩ), nhưng phương ngôn dạy rằng: giàu bán chó, khó bán con; tôi cũng còn đồng công, đồng nợ, tất cả độ mười đồng, kể cái sự bắt bà trả cả thì cũng không dám bắt, nhưng tôi xin thêm dăm đồng nữa để trang trải những chỗ tôi vay mượn để lo cho bu cháu, hỏi bu cháu mất. Như thế cũng như là tiền của cháu, cháu bỏ ra để trả nghĩa cho bu cháu. Tôi không dám tơ hào gì vào đấy. Ấy là tao cũng nói dối bà ấy thế, chứ công nợ tao cũng chưa trả vội; tao nắm lấy dăm đồng ấy, để ra giêng đi lên rừng...

Câu chuyện đêm hôm ấy Dần đang thảm nhắc lại, trong khi đưa đẩy cái chổi cùn trên mặt cái sân con. Bởi vì hôm nay chính là ngày bà mẹ chồng sẽ đến rước Dần đi. Đêm hôm qua, đợi hai đứa bé ngủ rồi, hai cha con lại thờ dài, thờ ngắn với nhau. Dần khóc đến quá nửa đêm, rồi thiếp đi lúc nào chẳng biết. Sáng dậy, Dần có cảm tưởng như nó mới chớp mắt đi một tý. Nó thấy người mỗi mệ. Dù vậy, nó cũng chạy ra ngoài quét thóc...

Dần quét xong thì ở đàng đông, mặt trời đã nhô lên. Những tia sáng đầu tiên chọc thủng tấm

màn sương, rồi xé toạc mãi ra. ánh sáng tràn đi. Trong khoảnh khắc, trở nên quang hần... Dần ra ao, rửa mặt. Lúc trở về nhà, nó thấy bố và hai em đã dậy rồi. Hai đứa con, mỗi đứa ôm một đùi cha.

Người cha ngồi lừ thừ, lừ thừ. Đôi mi mắt trông có vẻ hơi sưng. Dần cúi mặt, bởi nó đoán rằng đêm hôm qua, cha cũng khóc. Nó vờ tìm cái chổi, tuy nó biết nhà không còn cái chổi nào nữa, ngoài cái nó vừa quét và để ngoài đầu chái...

Thầy nó bảo:

- Hôm nay mày phải xuống chợ một tý đi, con ạ.

- Mua bán gì mà đi chợ?

- Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ?

- Chào!... Vẽ chuyện!

- Sao lại vẽ chuyện? Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tỳ một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chi:

- Lêu lêu! Lêu lêu? Có người sắp được đi lấy chồng... Lêu lêu.

Dần khoạm mặt, lườm em. Người cha sợ con gái nhìn xấu hổ, củng vào đầu con trai một cái và mắng nó:

- Im thằng này!... Để cho người ta dạy nó. Mua độ hai xu chè...

- Rầy hai xu, hàng chè nó chả bán thì sao... Dần kêu lên thế và cố cười to để cho khỏi thẹn.

Người cha cũng cười và hỏi:

- Hai xu không bán, thì mấy xu mới bán?

- Ít nhất là năm xu. Mua ít nó không có tiền trả lại.

- Thì mua cả năm xu vậy. Năm xu thì nấu được mấy ấm?

- Một ngàn ấm... Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoắn.

Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Éo! Mẹ ơi!

- Thật... Không có thế, cứ cổ con mà chặt? Muốn mua thì mua, chẳng mua thì đừng, chứ cái sự đất thì ngang ngang với nhân sâm.

- Đất thì cũng phải mua. Năm xu chè, với hai quả cau ngon ngon một tý.

- Cau ngon phải tám, chín xu một quả.

- Vị chi đi ba xu một miếng trầu?

- Đúng thế, không kém ba xu một miếng.

- Trời đất ạ!... Có đời nào như vậy? Cái thổ tả gì cũng đắt!... cho nên tao vẫn bảo: Cái lúc này chẳng nên giờ giang ra làm gì. Mọi đồng mọi tổn. Giá làm độ mười lăm cổ, chắc mất đến năm chục bạc. Miếng bùi chui qua cổ; mình ăn một bữa có no được bằng đời đâu, mà người ta phải chạy cổ cho họ đương nhà mình thì khổ. Thà bất nhọc là ta chước hết?...

- Ấy thầy thì chỉ thế... Cái gì cũng chước! Thành thử ra con mình chỉ theo không.

- Theo không cũng được. Mẹ mày ngày xưa cũng chỉ theo không tao đấy. Thế mà cũng ăn ở với nhau được mãi, sinh con đẻ cái, mà lại còn thương yêu nhau bằng tám những cặp vợ chồng cưới linh đình. Mẹ kiếp! Lắm đám cưới linh đình, mà rồi lại chả bỏ nhau ùn ùn ra đấy à? Dần lại cười tủm tỉm. Bởi nhắc đến vợ, thầy nó bỗng nhớ ra một điều...

- Tý nữa quên! Con nhớ mua mấy nén hương... Hôm nay là ngày cưới con, cỗ bàn đã chả có thì thôi, mấy nén hương cũng không có nốt thì phải tội...

Cái ý ấy - sự nhớ tưởng đến người đã khuất - khiến cả hai bố con cùng buồn bã. Mắt rơm rớm nước, thầy nó thở dài rồi bùi ngùi bảo:

- Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện một mâm để cúng bu mày. Người sống, chẳng có thì thôi, nhưng người chết...

Dần thổn thức. Nó sợ còn đứng đấy thì nó sẽ khóc òa lên mất. Nó cố bảo:

- "Thôi! Con đi chợ..." rồi chạy ra. Ra đến sân nó mới nghe thấy thầy nó bảo:

- Ừ con đi.

Xế chiều hôm ấy, bà mẹ chồng và chồng Dần mới đến. Cả hai cùng mặc quần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một ché cau, chùng một chục quả. Vào đến nhà, y lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo Dần:

- Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt Dần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó, trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu sai của mẹ chồng, để chạy tốt ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Thấy nó phải đỡ lấy ché cau ở tay bà mẹ chồng, đặt lên giường thờ mẹ nó. Rồi thầy nó nói thật to:

- Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thừa, ông phải bảo thẳng con trai lớn:

- Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

Rồi ông thân hành đi lấy chìa vôi ra để tằm trà. Bà mẹ chồng có lời ngay:

- Thừa ông, ông đã có lòng thương đến cháu, mà xét ra, như thế này thì thật ông thương quá, thương mọi nhẽ, cái gì ông cũng chăm chú đi cho cả, khiến chúng tôi cảm tạ cái bụng ông mà lại lấy làm xấu hổ về cái cách chúng tôi xử lăm. Chúng tôi xử thế này thật quả là không phải. Nhưng lạ Trời, lạ Đất!... Chúng tôi cũng muốn nghĩ thế nào kia nhưng ông trời ông ấy chỉ cho nghĩ đến thế thôi, thì cũng phải rầu lòng mà chín bỏ làm mười, chứ như ông thì thật một bỏ làm mười, mà không được một cũng bỏ làm mười. Có vậy thì công việc của cháu mới xong xuôi được. Giá phải bố vợ như bố vợ nhà khác, nhất nhất cái gì cũng bắt đủ lễ lồi, thì nhà như nhà chúng tôi lấy gì mà lo được? ít là cháu suốt đời không có vợ. Nhưng phúc làm sao, lại gặp được ông bố vợ thương con rể như ông, thì có phải ông trời ông ấy cũng còn thương nhà chúng tôi lăm lăm không?

Thôi thì bây giờ mọi sự ông đã thương cho cháu cả rồi, hôm nay tiện được ngày, tôi cũng biện coi trà đến kêu với ông để ông cho cháu được lễ các cụ - trước là lễ gia tiên, sau là lễ bác nhà ta, sau nữa ông lại cho cháu lễ sống ông, (chẳng có tiền bạc gạo lợn, hay mâm cao cỗ đầy thì cũng phải lấy đầu làm lễ gọi là chút lòng thành của con, cháu các cụ) - rồi xin phép ông để chúng tôi đưa cháu về nhà làm ăn.

Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn thon lỏn một câu:

- Vâng! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trà đã.

Rồi ông lại cất cao giọng, bảo con:

- Hể được nước thì bắc lên đây, con nhé!

Rồi ông ngồi lủ thủ. Bởi vì ông buồn lăm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngợ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mười bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... Ông chờ đấn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... A thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì có gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lăm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có để đâu? Nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỗi chân, van ông lạ bà sai hàm răng... Công việc của bà, mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tý chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả. Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ...

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vên vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nổi. Ông

đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cồng cộc xằng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phéch và cũng vá nhiều chỗ lấm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đưa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bế cồng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm. (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm, rồi buông bát đĩa, ngồi rửa răng đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kéo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị ngen mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và cồng thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

- Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nức lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa. Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngây mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

- Mẹ chúng mày!...

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nức nở:

- Thầy!... Thầy...

- Mẹ mày!... nín đi cho thầy về.

- Thầy đừng... đi... lên rùng!

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liêu:

- Ủ, thì thôi... Mẹ mày!

1942

## Bài học quét nhà

Hồng đang thẩn thơ chơi một mình ở trong vườn... Ít lâu nay, những lúc được đi chơi, Hồng chỉ chơi có một mình. Chị Thảo về rồi. (Thảo là con ở trước kia vẫn giữ em Hồng). Thằng em chữa biết đi. Còn thầy u thì bây giờ hay gát quá. Hồng cũng chẳng hiểu tại sao lại thế. Thầy, đã đành: thầy vốn nghiêm khắc lắm, nhất là khi thầy viết hay đọc sách. Thầy chiếm một mình cả một căn buồng đầu trong. Cửa ra vào đóng luôn luôn, chỉ có cửa sổ mở thôi. Thầy ngồi trong, viết hay đọc sách suốt ngày. Những lúc ấy thầy muốn được yên tĩnh hoàn toàn. Hồng hơi nói to là thầy quát mắng ngay. Có khi thầy mở cửa đánh sầm một cái, sòng sọc bước ra, chực đánh Hồng. Đã bao nhiêu lần, Hồng gần bật vía. Bởi vậy Hồng sợ lắm. Mỗi lần phải đi qua chỗ buồng thầy, Hồng nín thở, kiễng chân, cố cho không có một mảy may tiếng động. Chỉ cần có thế. Ngoài ra, thầy hiền như ông bụt đất. Mỗi chiều ở trong buồng làm việc bước ra, thế nào thầy cũng gọi Hồng. Nếu thầy mãi đi tắm, hay bận đi đâu, thì thầy chỉ vuốt tóc Hồng, hỏi vài câu, nhìn Hồng bằng đôi mắt yêu thương, rồi khẽ tát vào má Hồng một cái, bảo: "Cho con đi chơi...". Nhưng nếu thầy không còn bận việc gì, thì thầy xách hai cái ghế ra sân. Thầy ngồi một cái, Hồng ngồi một cái. Thầy gác hai chân lên cái ghế của Hồng. Hai bố con nói chuyện với nhau. Thường thường chỉ mình Hồng nói mà thôi. Hồng nói bất cứ cái gì: chuyện u, chuyện em Thiên, chuyện con chó con hay chuyện mặt trăng, cái đèn pin của ông giời. Cũng có khi Hồng nhắc đến bác Hòa, bác Kim và những bác gì, bác gì đến chơi nhà Hồng vào một hôm Hồng đau bụng. Hồng nói nói, cười cười. Đôi mắt như hai cái hạt nhãn của Hồng, cái miệng chúm chím, đôi hàm răng trắng và nhỏ như răng chuột, cái đầu Hồng, với đôi bàn tay nhỏ xíu nhưng múp míp, làm những điều bộ xinh xinh, rất đáng yêu. Thầy sung sướng nhìn, mỉm cười rất dịu dàng. Có khi đôi mắt thầy ươn ướt vì cảm động. Thầy nắm tay Hồng, nhắc Hồng sang ghế của thầy, ôm Hồng trong

lòng, vuốt ve tóc và hôn. Không! Thầy có ghét Hồng đâu? Trái lại, thầy rất yêu Hồng. Cả u cũng thế. Thường thường thầy u chỉ ăn cơm với tương mắm mà thôi. Nhưng bao giờ u cũng mua cho Hồng một thức ăn riêng: thịt, cá, trứng hay là đậu. U cũng không để Hồng phải thèm quà bánh. Hồng ao ước thức gì hôm trước, chỉ hôm sau, lúc u đi chợ về đã có thức ấy trong thúng của u rồi. U nói với Hồng rất nhẹ nhàng. Năm thì mười họa mới có một lần u quở mắng Hồng: ấy là những khi Hồng nghịch dại, làm bẩn người và quần áo.

Bây giờ thì khác hẳn, Hồng bị mắng luôn luôn. Động một tí gì u cũng mắng. Nói một mình, mắng! Vấp ngã, mắng! Đi chậm, mắng! Bữa ăn, không có thức ăn, ngả gối không ăn được: mắng!... Như vậy kể cũng còn đáng tội. Nhưng lại còn những cái không phải tội Hồng: thí dụ như nhà bẩn, nhà lấm ruồi vào, con chó bới vườn trầu, hay thằng Thiên ngã, thằng Thiên khóc... đâu có phải tại Hồng. Hồng làm sao cho không thể được? Ấy thế mà u cũng cứ Hồng mà mắng. Hồng méu méu suốt ngày vì phải mắng. Nhưng Hồng không dám khóc, Hồng chỉ có tránh thầy u, lẩn lút ra vườn, chơi một mình.

Chơi một mình, buồn lắm. Hồng ngờ ngẩn. Hồng tiếc những ngày xưa cũ quá. Những ngày xưa cũ chỉ cách đây hơn nửa tháng. Chị Thảo chưa về. Chị Thảo bé em Thiên. Hồng leo đèo theo sau. Chúng đi chơi khắp xóm. Ngày ấy, Hồng có biết bao nhiêu là bạn! Thằng Hỉ đỏ mũi, thằng Hân còi truồng, thằng Tảo đầu trọc như quả bưởi và mắt trố như hai con ốc nhồi, với cái Như, cái Mùi, cái Vót... Chúng chơi với nhau vui lắm, vui lắm! Bây giờ Hồng chỉ còn được chơi với cây soan, cây chuối, cây cam. Hồng gọi chúng là bác soan, bác chuối, bác cam. Hồng lấy bẹ chuối xúc cát làm gạo bán cho chúng nó. Hồng hỏi rồi lại tự trả lời, cùng một lúc là mình và là tất cả. Nhưng coi chừng đấy! Nếu u nghe thấy, u sẽ mắng: Hồng điên! Bởi vì theo ý u, có điên mới làm nhằm nói một mình. Và nếu u biết Hồng nghịch cát thì chết! Thế nào u cũng đánh. Nghịch cát, bẩn quần áo, bẩn cả đầu tóc, mặt mũi chân tay. Ai rồi mà tắm giặt cho Hồng được? Mà tiền đâu mà mua xà phòng? Xà phòng thì đắt như nhân sâm, vàng cốm... U sẽ gào lên thế. U sẽ bảo: Hồng làm khổ u, Hồng tưởng u còn sướng lắm nên phải làm tội, làm nợ cho bớt đi một chút. U sẽ bắt Hồng ngồi ro ró ở trong nhà, không được ra đến ngoài. Bước chân ra khỏi cửa là chặt chân! Chặt chân! Hơi một tí là chặt chân!

Hồng cũng chẳng hiểu tại sao u bỗng nhiên sinh khó tính như thế vậy. Chỉ biết: đã ít lâu nay, cả thầy lẫn u đều có vẻ không vui. Thầy lúc nào cũng cau có đăm chiêu, nhất là sau khi đọc nhật trình. Có lần bùng tờ báo xuống bàn, thầy lắc đầu một cách chán nản bảo u:

- Tình hình nguy lắm rồi, mình ạ. Tôi sợ khó mà được hết năm nay.

- Sao vậy?

- Giấy khan lắm! Việc in, việc xuất bản bị hạn chế rất gắt gao.

- Với lại cái lúc khó khăn thế này, việc gì mà chả khó.

Thầy thở dài. U thở dài. Trán thầy tối như trời lúc sắp mưa.

U cười gượng, bảo:

- Nhưng thầy kệ! Hơi đâu mà lo trước? Đến đâu hay đến đấy. Thời buổi này, khổ đến đâu mà không phải chịu? Vả lại nhà mình khổ mãi, quen đi rồi. Tìm được no, ăn no; tìm được đói, ăn đói. Chẳng tội gì mà lo mình ạ.

- Đã đành thế nhưng còn nợ?

- Thì ta ì ra đấy. Thịt người có ăn được đâu mà sợ!

Thầy cười chua chát. U cũng cười. Một lúc sau, u lại bảo:

- Nói đùa vậy, chứ nợ thì thế nào cũng phải trả. Mình không phải là hạng người lì được. Bán gì thì bán, cũng phải bán đi mà trả.

- Còn gì mà bán?

- Cái nhà! Mình công nợ cũng vì làm nhà. Nay không còn làm gì trả nợ được, thì lại bán nhà đi mà trả, có khó gì đâu?

- Đến nước ấy thì đẹp mặt!

- Ai cười thì cũng đành chịu vậy, chứ biết làm sao bây giờ?

Thầy lại lầm lì không nói. Nhưng thỉnh thoảng, mắt thầy lóe ra một tia dữ tợn. Trông mặt thầy sợ lắm. U bầm Hồng, khế bảo: “Đi chơi đi!” Rồi thì u cũng lảng ra. U dắt Hồng sang nhà hàng xóm chơi, bởi sợ thầy gây sự...

Những mẩu chuyện na ná như trên, nhắc đi nhắc lại nhiều lần lắm. Hồng chẳng hiểu gì. Nhưng Hồng cũng lờ mờ thấy một sự sụp đổ gì sắp tới. Một nỗi lo lắng lảng lảng trong nhà Hồng. Thầy làm việc nhiều hơn. Tận lúc tối không còn trông thấy chữ, thầy mới ở trong phòng làm việc đi ra. Thầy mãi suy nghĩ gì, quên cả việc gọi Hồng. Hồng quen lệ, đứng đợi thầy ở sân, chạy lại bầm lấy thầy. Nhưng thầy khế gạt ra, và hơi cau mặt bảo:

- Đi chơi! Để cho thầy nghĩ! Thầy hơi nhức đầu.

Một hôm, thầy nhận được một bức thư. Không phải thư của bác Hòa. Hồng biết vậy lúc đọc thầy không mỉm cười. Thầy sầm mặt. Rồi mặt thầy hơi tái đi một chút. U nhìn thầy, lo lắng hỏi:

- Thư của ai đấy, hở mình?

Thầy có vẻ không nghe thấy, bởi thầy không đáp lại. U sợ thầy gắt, không hỏi nữa. Một lúc sau, đột nhiên thầy bảo:

- Nay mai mình tính công cái Thảo, trả cho nó, rồi cho nó về. Cái Hồng ngót năm tuổi rồi, chẳng còn bé bỏng gì, trao cho nó giữ em. Ngày mai đi chợ, nhớ mua một củ nâu. Bao nhiêu quần áo trắng của tôi, của chúng nó nhuộm tất cả đi, cho bền và đỡ tốn xà phòng. Còn ba chục thùng thóc, mình phải liệu chia ra; làm thế nào cho đủ ăn từ nay đến tết. Ăn ít chứ! Miễn không chết người thì thôi. Quà bánh cho chúng nó thì bỏ đi.

Những huấn lệnh của thầy được đem ra thi hành đúng từng chữ một. Chị Thảo về, Hồng phải giữ em và đánh vật với nó suốt ngày vẫn không xong! Nó vẫn ngã, vẫn khóc, vẫn đập phá, khiến Hồng phải mắng. Quần áo của cả nhà đều nhuộm nâu. Nhưng khi u đi chợ về muộn, thầy làm bếp. Thầy u ăn mỗi ngày có một bữa trưa. Mỗi trưa u cất đi một bát cơm, để dành cho Hồng ăn bữa tối. Trừ hai bữa cơm. Hồng chẳng còn được ăn quà bánh gì. Mà u luôn luôn sai làm việc nọ, việc kia, mà hơi lóng ngóng là mắng ngay.

- Cái Hồng đi đâu rồi?

Hồng tái mét mặt, chạy về sân:

- Con đây ạ!

- Lại lên đi chơi đấy, phải không? Con này chơi quen rồi! Về ngay đây, tao bảo!

Giọng u gắt gỏng. Hồng lóp ngóp trèo lên cái đầu hè cao đến ngực, rồi lạch bạch chạy vào nhà. Nó mở to đôi mắt trong trẻo nhìn u...

- Mày nhìn gì tao? Thử nhìn cái nhà xem! Bần thế mà mày không quét... Hể mẹ cất lấy em một cái là chạy mất.

Hồng mãi mót chạy lại một xó nhà, lấy chổi. Cái cuống chổi to quá, bàn tay nhỏ bé của Hồng cầm rất khó. Nó lúng túng chuyển từ tay phải sang tay trái, rồi lại từ tay trái sang tay phải. Tay nào cầm cũng ngượng. Người mẹ quát:

- Mày luống cuống gì mãi thế? Cái tay trông đẹp nhỉ? Lớn đầu bằng ấy mà không biết cầm cái chổi! Chỉ ăn là nhện thôi!... Được rồi. Quét đi!

Hồng quét. Nhưng nó ấn cái chổi xuống thềm nhà quá. Cái chổi không đưa đi được. Hồng cố đẩy. Cái chổi bật lên và tuột khỏi tay Hồng. Người mẹ nghiêng chặt hai hàm răng lại, rít lên:

- Giời ơi là giời! Con với cái! Chơi quen rồi!

Hồng nghẹn cổ. Nó ngừng quét, ngược lên mẹ, đôi mắt ầng ậc nước. Mồm nó mím lại, toan méo xệch. Mẹ nó càng điên tiết. Thị vùng đứng dậy, chỉ vào mặt nó:

- Mày đứng đấy à? Mày có quét ngay, không thì chết với tao bây giờ. Quét đi!

Hồng sợ hãi, lại vội vàng vơ lấy chổi. Trong lúc lính quýnh, cái chổi lại buột tay lần nữa. Người mẹ giơ tay lên chực tát. Hồng đưa một tay đỡ, tay kia hấp tấp nhặt cái chổi. Người mẹ ngăn kịp giận, để rơi bàn tay xuống. Hồng nắm cái cuống chổi bằng hai tay. Nó lạch vằn cái chổi, như người ta vằn cái cối đá nhất. Trông thật là ngứa mắt! Người mẹ cố nén giận, cầm lấy tay nó mà dất, dạy quét như mấy ông đồ dạy viết...

- Người ta phải đưa ngang cái chổi thế này, thế này... Đó! Không cần ấn mạnh, nó chạy làm sao được? Mà cứ dịch dần đi: Một nhát chỗ này, một nhát chỗ này, rồi chỗ này, chỗ này... thế, thế!

Hồng bị mẹ kéo đi xềnh xệch. Những nhát chổi, tay mẹ đưa rộng quá, tay con bị giật theo, cả người đi. Con bé gằn chúi đầu xuống đất. Nước mắt nó tuôn ra mờ cả mắt. Nhưng nó vẫn mím chặt môi, không dám khóc...

Người mẹ hăm hờ làm một lúc, rồi buông tay ra, đứng thẳng người lên, vừa thở vừa bảo con:

- Đấy! Cứ thế... Bây giờ mày quét đi, tao xem nào!

Hồng quét. Nhưng nó vẫn lơ lơ, lúng túng. Cái chổi ngập ngừng trên mặt đất, không biết nên đi lối nào cho phải. Người mẹ thấy khắp người ngứa ngáy. Thị không còn nhìn được, nước mắt thị ứa ra một chút. Thị tức tối đập vào mình đánh đét. Hồng giật mình, đánh rơi cả chổi. Ấy thế

là đét!... thêm tiếng nữa. Lần này thì cái bàn tay dán vào một bên má cúp bê của con bé từ trước đến nay chỉ nhận được những cái tát yêu của bố. Nó chúi người đi một cái và òa lên khóc. Người mẹ sừng sốt như chợt nhận ra cái cử chỉ vô lý và tàn nhẫn quá. Thị đứng ngay người ra một chút. Rồi thị vồ lấy cái chổi, quét như điên, như dại. Mặt thị co rúm lại chực khóc. Nước mắt, nước mũi chảy ròng ròng xuống đất. Thị vừa quét vừa rên nho nhỏ.

- Giời ơi! Giời ơi!... Giời làm khổ tôi thế này!

Người bố chỉ lẳng lặng nhìn tất cả tấn bi kịch đang diễn ra trước mắt. Y thấy lòng đau quặn quặn. Có một lúc, đưa con gái ngược đôi mắt giàn giụa nước mắt, nhìn bố, như cầu cứu. Y quay mặt đi, giả tảng như không nhận thấy. Nhưng suốt buổi chiều hôm ấy, y buồn bã. Y cũng vào phòng viết, ngồi như thường lệ, nhưng y không viết được. Y nhìn qua cửa sổ. Cái nhìn của y, len lét theo dõi trong một góc vườn, đưa con gái thả thơ giữa những cây chuối, cây xoan, cây bưởi... Nó có vẻ buồn bã thêm. Ba bốn lượt, nước mắt y rỏ xuống...

\*\*\*

Tối hôm ấy, sau khi đã uể oải ăn xong bữa cơm nguội rắc vừng, Hồng uống nước rồi lẳng lặng vào giường ngủ. Một lát sau, người bố vào, nằm bên con, quạt cho con. Một bàn tay y vuốt ve những sợi tóc mềm như tơ. Con bé nhắm nghiền đôi mắt, không dấy động. Nhưng nó chưa ngủ hẳn... Bỗng nó nghe thấy mẹ khẽ bảo:

- Hôm nay, tôi tức quá, tát cái Hồng một cái, rồi thương đứt ruột. Suốt hôm, nghĩ đến lúc nào, tôi lại khóc. Không biết tôi điên hay sao ấy.

Thầy Hồng bảo:

- Đấy là mình lo lắng quá. Tôi cũng vậy: lắm lúc tôi biết mình mắng nó bất công mà cứ mắng; tại ruột mình lúc nào cũng nóng như lửa đốt; hơi một tí là mình cáu.

- Ấy tôi cũng thế...

- Nhưng chúng mình phải coi chừng! Tôi thấy nó ít lâu nay chậm chạp và ngờ ngẩn lắm, không được nhanh nhẹn, ngộ nghĩnh như trước. Đừng mắng lắm, nó mụ người đi đấy. Mà mình bắt nó làm vừa chứ! Nó còn non tuổi lắm: Đến tháng chín này mới đầy năm tuổi. Đã làm, làm sao được?

- Thì ai chả biết! Hồng nó thì làm gì được? Có mà còn phải hầu nó chán.

- Thế sao mình cứ bắt làm? Mà nó làm không được thì lại đánh?

- Thì đã bảo: điên mà lại! Con bé thật có nét. Chỉ vì mình túng cho nên nó khổ... Mẹ nó! Ấy thế mà ngủ ù ì như lợn rồi đấy!...

Thật ra thì Hồng có ngủ đâu. Nó nghe thấy tất. Tự nhiên nó thấy nước mắt giàn giụa chảy ra đầy má. Nó không dám chùi, sợ thầy nó biết. Nhưng bỗng thầy nó quay vào, ôm lấy nó, áp môi vào má nó, ngạc nhiên một thoáng rồi bùi ngùi bảo:

- Tội nghiệp con tôi! Đang khóc mê đây này...



## Những cánh hoa tàn

Hồi ấy tôi mới lên mười. Mà Uyển thì mười sáu. Nhà tôi biết nghề làm "đăng-ten", lại có tiếng là nhà nền nếp, đứng đắn, nên nhiều người làng đem con gái gửi cho học nghề và nhờ dạy dỗ. Trong số những người học việc ấy, Uyển được mẹ tôi săn sóc đến hơn hết cả. Có lẽ vì Uyển chăm chỉ, nét na, lại thêm vẻ xinh xắn, dịu dàng ít có. Uyển cũng mến mẹ tôi lắm, chẳng khác gì con yêu mẹ. Có lần mẹ tôi ốm, Uyển săn sóc thuốc thang ân cần quá, đến nỗi mẹ tôi cảm động đến chảy nước mắt và bảo rằng: "Giá trời cho mẹ một người con gái như Uyển thì quý biết bao! Nhà nào cưới được nó làm con dâu thật là nhà có phúc."

Nhưng quyển luyện Uyển nhất có lẽ là tôi. Tôi trọ học tỉnh lỵ cách làng chừng 15 cây số. Không mấy chủ nhật là mẹ tôi không ra tỉnh thăm tôi, nhân tiện để sắm đồ cần dùng, mà lần nào cũng đi với Uyển. Vì thế, tôi đếm từng ngày cho đến ngày vui về ấy, và ngay từ sáng sớm đã đứng cửa chờ mẹ tôi và Uyển. Thấy hai người từ đằng xa đi lại, tay cắp thúng không, tôi đã vội chạy đến, vui vẻ như con chim con thấy mẹ công mời về. Uyển tươi cười nắm tay tôi, và tôi thì vừa nói, vừa cười, vừa thở vì chạy mệt, tíu ta tíu tít khiến mẹ tôi và Uyển cảm động nhìn nhau mỉm cười. Tới nhà trọ, Uyển đặt thúng xuống, lật ví buồm lấy cho tôi mấy thứ quả lành Uyển đã kiếm làm quà cho tôi từ hai ba hôm trước. Tôi đứng tựa vào lòng Uyển, vừa ngòm ngoàm nhai quả, vừa hỏi chuyện từ cây cam ở đầu sân, cây hồng ở bờ ao, khóm tầm xuân leo bờ giậu, cho đến con gà tổ lấy giống từ trên ông Lý Đà Xuyên, con mèo xám mua ba hào rưỡi, con chó vện mua bằng tiền bỏ ống của tôi kỳ nghỉ hè năm ngoái. Uyển vui vẻ trả lời tôi hết, lại còn nói cho tôi nghe thêm nhiều chuyện nữa.

-- Vườn mía sau nhà tốt đáo để, bao giờ được nghỉ, Tân về mà xem; cây ôi tàu cao lắm rồi, chắc năm nay có quả; cá ở ao thì nhiều con lớn quá, giờ trời nó cứ đặc như rươi vậy...

Mỗi chuyện Uyển gợi ra tôi lại hỏi thật nhiều, hỏi để được nghe Uyển nói, để câu chuyện đầm thắm làm quên giờ về. Lần nào cũng vậy, tôi đợi mẹ tôi giục hai, ba lượt mới chịu cho hai người đứng lên. Tôi lại nắm tay Uyển theo hai người đi một quãng thật xa, nhưng bây giờ thì buồn rầu, chậm rãi chứ không vui vẻ như lúc đón. Uyển xoa đầu, an ủi tôi:

-- Thôi, Tân trở lại đi kéo mỗi chân. Lần sau chị lại ra chơi và mang làm quà cho thật nhiều mía ông voi, ăn cho đỡ khát...

Hai người đi xa rồi, tôi còn tần ngần nhìn mãi, băng khuâng như mất một vật quý, cổ nhếch mép cười mỗi khi Uyển quay lại gật đầu chào, dịu dàng như ném cho tôi một cái hôn âu yếm.

Chưa bao giờ tôi thấy một kỳ nghỉ hè vui vẻ như kỳ nghỉ hè năm ấy. Uyển đến nhà trọ đón tôi để mang hộ sách vở và quần áo của tôi về. Rồi, hơn hai tháng, chúng tôi sống bên nhau những ngày êm đềm đầy luyện ái. Tôi luôn luôn theo Uyển, xem Uyển làm "đăng-ten", đọc cho Uyển nghe những câu hát và những truyện trong quyển sách tập đọc của tôi, khoe với Uyển những bài thi tôi được nhất, và bắt Uyển đan rọ cho tôi bỏ trái thị. Còn Uyển không bỏ lỡ một dịp nào để làm tôi vừa ý. Uyển cặm cụi rọc lá dừa cuộn cho tôi những cái kèn rất đẹp, và tìm cho tôi rất nhiều hoa để ướp sách chơi, nhiều quá đến nỗi ba, bốn quyển sách in của tôi đều căng lên tất cả. Lúc rỗi, chúng tôi lại cùng nhau ngồi giờ sách, xem lại những cánh hoa cóp nhật hàng tháng, đã héo khô, mất cả màu tươi lúc trước. Tối đến, trong khi mọi người ngồi nói chuyện trong hè, chúng tôi đưa nhau ra bờ ao nghe ếch nhái kêu, bắt đom đóm dúm lá khoai treo lên cành khế làm đèn, hay kể những chuyện ma quái để hai đứa cùng sợ ôm sát nhau mà so người lại. Một lần, nhìn vòm trời dịu như nhung với muôn nghìn ngôi sao như những bông hoa mai nở trắng xóa đầy một cái rừng bao la, không giới hạn, chúng tôi cùng như bị một sức

huyền bí gì bất ngờ lặng bên nhau, không nói. Bống Uyển ôm lấy tôi ghì mạnh vào người một cái rồi lại vội buông ra mà cười khanh khách...

Một hôm, ở nhà bác tôi có giỗ họ. Mẹ tôi và cả nhà đều đến dự, để nhà cho mình Uyển coi. Lẽ tất nhiên là tôi tìm cách không đi ăn giỗ để ở nhà với Uyển. Chúng tôi dọn cơm sáng ăn với nhau rồi, Uyển bảo tôi ở sân chơi để Uyển ra vườn hái mấy lá trà về ăn. Uyển đi lâu quá, tôi vốn nhút nhát thấy nhà vắng, im phăng phắc thì đâm sợ, chạy ra vườn tìm Uyển. Tôi lạ lùng khi thấy Uyển đang ngồi nấp sau một bụi dong ở bờ ao, thần thờ nhìn mấy con kéo vó chân nhỏ tấm tấp và dài nghêu ngao lướt trên mặt nước... Khi thấy động, Uyển giật mình quay lại thì mí mắt lại long lanh vài giọt lệ. Tôi chực hỏi thì Uyển đã bò ra, trợn mắt, lè lưỡi làm ma nát tôi khiến tôi kêu thét lên mà chạy vội về sân. Một lát, Uyển cũng về, tóc xõa ra, mồm nhai trà đỏ tươi, mặt ửng hồng như say rượu. Tôi ngạc nhiên trước cái vẻ đẹp lạ của Uyển, một vẻ đẹp khác mọi ngày, nó làm tôi sửng sốt và mơ hồ như sờ sợ. Bống Uyển lè lưỡi đỏ chót, hai mắt long lanh chạy lại. Tôi thét lên và dúi người ngồi sệt xuống. Uyển vội lấy tôi ôm gọn tôi vào lòng và hôn vồ vập vào mặt, vào cổ, vào lưng tôi như muốn nuốt. Hơi thở Uyển hỗn hển, tim Uyển đập mạnh, ngực Uyển phập phồng và nóng sực. Tôi cố vùng ra và chực chạy. Nhưng Uyển cười lớn kêu tôi lại:

-- Tân nhát quá, Uyển đây mà, có phải ma đâu... Lại đây mà ăn trà.

Tôi ngờ vực đứng nhìn một lúc, chỉ sợ ma nhập vào người Uyển. Nhưng nụ cười trong trẻo, dịu dàng mọi ngày đã trở lại cặp môi tươi, trên cái mặt đã không còn bùng đỏ nữa. Tôi rụt rè mon men lại. Uyển lấy khăn tay lau những vết quết trà mà đôi môi ướt đã in lên má, lên cổ tôi lúc nãy. Tôi nũng nịu bảo:

-- Uyển làm em sợ hết hồn. Em tưởng ma nhập vào người Uyển.

Uyển khẽ tát yêu vào má tôi một cái, rồi nhìn lặng tôi bằng con mắt vô cùng êm dịu. Bống đôi mắt ấy mờ đục lại như thoáng qua một ý buồn. Uyển rầu rầu bảo tôi:

-- Chị sắp phải xa Tân rồi. Tân ạ.

-- Sao thế, chị?

-- Chị không còn được ở đây nữa.

Tôi ngạc nhiên:

-- Sao vậy?

Uyển ngập ngừng một chút:

-- Chị phải đi lấy chồng.

Mí mắt Uyển chớp nhanh mấy cái, và tôi thấy Uyển kéo vạt áo lên hỉ mũi. Tôi lẳng lẳng mân mê dải lưng nhiều Uyển, rồi bằng một giọng rất cảm động, tôi ngược mắt nhìn mặt Uyển và nói:

-- Không đâu, chị Uyển, chị đừng về nhé. Em không muốn chị đi lấy chồng.

Uyển cố chấp một nụ cười nhưng nước mắt đã giàn ra má...

Tháng mười năm ấy, Uyên đi lấy chồng. Đám cưới vào một ngày chủ nhật nên tôi cũng được về quê để đưa dâu. Tôi theo mẹ tôi vào thẳng ngay buồng Uyên. Uyên thấy tôi thì mừng rỡ lắm nhưng mắt Uyên đỏ ngầu như vừa mới khóc. Chúng tôi nắm tay nhau mà chẳng nói gì. Có lẽ bởi thẹn thò vì những tiếng cười đùa ở xung quanh vì thấy tôi luyến Uyên hơn em luyến chị. Người ta càng buồn cười khi thấy lúc đưa dâu, tôi vẫn theo rịt không rời Uyên ra. Đến tận lúc tới nhà trai, Uyên phải vào lễ tơ hồng, tôi mới chịu xa Uyên để ra ngồi cỗ. Nhưng ăn uống xong, lúc tôi chực về thì Uyên gọi giắt tôi lại. Uyên dắt tôi ra một chỗ vắng, móc túi lấy một cái rọ thị đan bằng tơ đỏ một cách tỉ mỉ, và sụt sịt bảo tôi:

-- Mùa thị đã qua rồi, nhưng em giữ cái rọ này để dành đến mùa sau. Nghỉ hè sang năm không còn ai đan rọ cho em nữa...

Rồi chúng tôi nhìn nhau, rơi nước mắt.

Từ bấy đến nay đã bao độ hoa tàn. Tôi còn qua bảy tám kỳ nghỉ hè, tôi đã đi đưa dâu thêm bốn năm đám cưới. Mỗi dịp đều nhắc cho tôi ít nhiều kỷ niệm của ngày qua. Sau cùng vì công việc của đời lồi cuốn, tôi đã hầu quên bằng người đã cùng tôi kết một mối tình trong trẻo và cảm động buổi xuân đời. Cho đến hôm nay, ngồi buồn, vô tình giờ lại những cánh hoa tàn thuở trước, và cái rọ bằng tơ đỏ năm xưa, tôi lại thấy Uyên từ dĩ vãng xa xăm trở lại. Uyên trở lại với cả một mối tình u uẩn mà nay tôi biết là nồng nàn tha thiết. Rầu rầu tôi tự hỏi: Uyên bây giờ ra sao?

*(Đăng báo Ích Hữu, số 13, 13-7-1937)*

## Nghèo

- Bu ơi con đói...

Lần này có lẽ là lần thứ mười, thằng cu bé chạy về đòi ăn, chị đĩ Chuột đang quấy một nồi gì trong bếp, cúi tiết chạy ra mắng át nó đi:

- Đã bảo hết cơm rồi, tí nữa chè chín thì ăn chè mà!...

Thấy mẹ gắt, thằng cu không dám đòi ăn nữa, nhưng mặt nhăn nhó bụ xịu như muốn khóc. Chị đĩ Chuột thương hại, dịu dàng bảo:

- Con chạy ra vườn xem chị Gái làm cỏ, lúc nào chè chín bu gọi về mà ăn... chóng ngoan rồi bu thương.

Nhưng nó không nhúc nhích, mà nó còn nhúc nhích làm sao được: một nắm cơm nhỏ ăn từ sáng đã bị cái dạ dày chăm chỉ của con nhà nghèo tiêu hết đánh phèo một cái rồi, còn chi. Nó ngồi phịch xuống đất, gục đầu vào ngưỡng cửa, ngáp...

- Sắp chín chưa, bu?

Quay ra vẫn thấy con nằm phục đấy, mắt lơ lơ như chết lả, chị Chuột chép miệng:

- Thôi đây! Chín chả chín thì đừng, bắc mẹ nó ra cho chúng mày ăn không có chúng mày làm tội cũng chết. Chốc lại nheo nheo, chốc lại nheo nheo...

Chị vừa lằm bằm, vừa đập lửa rồi bắc cái nồi ở trên bếp xuống, lấy một cái vỏ trai múc vào mấy

cái bát sành sứ mẻ tứ tung, đặt ngay trên mặt đất. Thằng cu Bé vội vàng lê xích lại gần, hai mắt lóng lánh đổ dồn cả vào mấy bát “chè” màu nâu đục, khói bốc lên nghi ngút. Mồm nó nuốt nước bọt ừng ực, mũi nó nở hân ra như để hít lấy hương vị của khói chè ngon ngọt. Chị đi Chuột phải đưa tay cản nó lại, sợ nó sà vào mà bị bỏng. Chị bảo nó:

- Còn nóng lắm, chưa ăn được. Con ra vườn gọi chị về cho chị ăn với không có phải tội chết, nó làm quần quật từ sáng tới giờ mà chưa được tí gì vào bụng.

Không đợi đến hai tiếng, chị Gái hớn hờ chạy về, lời thôi lếch thếch trong mấy mảnh giẻ rách tả tơi, vừa đến bếp nó đã reo lên:

- Sướng quá! Lại được ăn chè kia chứ! Có ngọt không bu? Bu lấy đâu được mật mà lại nấu chè thế?

Chị Chuột mắng yêu con:

- Úi chà! Tíu tíu như con mẹ đại ấy! Tha hồ ăn đến chán chè, chỉ sợ không sao nuốt được thôi, con ạ.

Rồi chị bảo thằng cu Bé:

- Bé lại đây, bu cho ăn.

Thằng cu ngồi xổm bên mẹ, há mắt lên, há hốc mồm ra như con chim non đợi mẹ mớm mồi. Một miếng vào mồm, nó đã vội nuốt thồm đi, khen “ngon quá”. Nhưng chưa kịp ăn miếng nữa, nó đã oẹ một cái, mũi đỏ lên, nước mắt ứa ra giàn giụa.

- Sao thế?

Nó chỉ hụ hị nhìn mẹ mà không nói, cũng không chịu há mồm ăn nữa. Cái Gái nhìn mẹ, xêu một miếng chè nữa ăn thử lại:

- Nhạt quá, bu ạ.

Chị Chuột mắng con:

- Làm gì có nhiều mật mà ngọt. Có mà ăn cho no bụng là phúc rồi.

Thằng cu chùng đỏi quá không chịu được, lại há mồm ra. Mẹ nó dứt cho nó một xêu nhỏ nữa. Nó nhắm mắt, duỗi cổ, cố nuốt cho trôi. Nhưng cũng như lần trước, nó lại oẹ ra, và khóc oà lên. Chị đi Chuột lấy tay áo lau nước mắt không cầm nổi đã trào ra hai má hõm xanh bùng như người ngã nước. Cái Gái lấy ngón tay di một cục “chè”. Rồi bỗng nói to lên:

- À! Con biết rồi! Không phải chè, cám mà! Cám nâu mà bu bảo chè!

Nhưng mẹ nó đưa mắt nhìn nó, lấy ngón tay chỉ ra phía nhà ngoài nói khẽ, nhưng hơi gắt:

- Khe khẽ cái mồm một tí! Réo mãi lên, thằng bố mày nó nghe thì nó chết. Nó đã ốm nằm đấy, thuốc không có, mà còn bực mình thì nó chết.

Rồi hai mẹ con lặng lẽ ăn, cố nuốt những bát cám đặc khè cho đỡ đói. Thằng cu nhất định

không chịu ăn, ngồi khóc tí tí đòi cơm. Chị đỡ Chuột đành dỗ nó:

- Thôi nín ngay, bu ăn xong bu xin thầy cho một miếng mà ăn.

Chị bế con rón rén bước vào chỗ chõng nằm. Thằng bé vẫn sụi sụi. Anh đỡ Chuột gỡ mình, hơi nghiêng mặt quay ra. Một làn ánh sáng mờ lướt qua làm cho cái mặt hốc hác và màu da đã xanh lại càng xanh thêm. Mái tóc dài quá xoà xuống tai và cổ, hai con mắt ngơ ngác và lơ đãng, những chiếc răng dài và thưa ở cái mồm hé ra để cho dễ thở khiến anh có cái vẻ dễ sợ của con ma đói. Thấy vợ con, anh cố gượng nhếch miệng cố gượng một cái cười méo xệch và vừa thở phều phào vừa hỏi bằng một thứ tiếng yếu ớt như từ thế giới bên kia đưa lại:

- Nó làm sao thế?

Chị đỡ Chuột xúc con lên một cái:

- Nó vùi đấy chứ có làm sao? Cơm gạo đỏ không chịu ăn, đòi ăn cơm trắng của thầy cơ.

- Thì lấy cho nó ăn, tôi ăn làm sao hết?

Chị đỡ Chuột lấy liền cơm chực moi cho con một ít. Nhưng anh bảo:

- Mang cả ra cho nó ăn, tôi không ăn nữa đâu. Còn bao nhiêu vét cho cái Gái với bu em ăn hết đi, để nó thiu ra đấy.

Chị đỡ Chuột cười, bảo chồng:

- Thằng cu nó dở người, chứ mẹ con tôi ăn cơm đỏ đã no rồi, ăn vào đâu được nữa?

Anh biết vợ nói dối, chực nói, nhưng lại thôi, buồn rầu buông một tiếng thở dài. Vợ lo ngại hỏi:

- Bây giờ người thế nào, để tôi kể với ông thầy lang lấy thuốc.

- Tiền đâu mà thuốc thang mãi?

- Tôi vừa bán con chó mực với hai buồng chuối non được bốn hào.

Chồng nhìn vợ, ngẫm nghĩ một chút rồi bảo:

- Đừng lấy thuốc nữa, tôi sắp khỏe rồi, chỉ ăn cho nó khỏe lên chắc bệnh phải hết. Bu em đong cho tôi cả bốn hào gạo đỏ, đừng đong gạo trắng ăn nhạt lắm.

Vợ gạt đầu:

- Cũng được, nhưng đã thật khỏi chưa? Tôi trông thầy em còn mệt lắm.

- Ôm luôn sáu tháng trời làm mà không mệt sao được? Đi đi...

- Đi ngay giờ à?

- Ừ, đi xuống nhà bà phó Cửu ấy, xa một tí nhưng được rẻ.

Vợ gặt đầu bảo thẳng cu:

- Con ngồi đây với thầy cho bu đi đong gạo nhé?

Nó không chịu, sợ sệt nhìn cha. Chị mắng:

- Con nhà vô phúc, lại sợ bố!... Khốn nạn, tại đi về không có tiền mua bánh cho nó nên nó giận đấy mà, phải tội chết, con ạ.

Nhưng anh đi Chuột bảo:

- Cho cả nó đi, kéo nó khóc. Bảo cái Gái về tôi bảo.

\*

Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thờ dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiều.

- Thầy bảo gì con ạ?

- Lúc nãy mẹ con mày ăn cám phải không?

Gái gượng cười cãi:

- Ăn chè đấy chứ.

Bố nó chép miệng:

- Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày khổ từ trong bụng mẹ...

Cái Gái cúi đầu xuống không nói. Anh đi Chuột thờ dài:

- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu, với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.

Cái Gái lấy ghế và thừng vào. Anh đi bảo:

- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.

Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng, làm một cái tròn chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khảng khiu run lấy bầy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thờ. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt giàn ra hai má lồm. Rồi anh quả quyết, đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròn, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nức lên một tiếng. Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bật, ngậy người ra nghe ngóng. Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thưa và chạy ra, tiếng người kia the thé:

- Bu mày đâu?

Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:

- Bấm bà, bu con đi vắng.

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mà về bảo con mẹ mà nội ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống chỉ biết ăn không.

Anh đi Chuột rít hai hàm răng lại. Hai chân giận dữ đạp phất cái ghế đổ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại. Cái bộ xương bọc da giầy giụa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn giật từng cái chậm dưới sợi dây thừng lủng lẳng.

Ở ngoài ngõ, mẹ con chị đi Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy. Bà kia nhất định bắt mẻ gạo mới đong để trừ sáu hào chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc.

## Một bữa no

Bà lão ấy hờ con suốt một đêm. Bao giờ cũng vậy cứ hết đường đất làm ăn là bà lại hờ con. Làm như chính tự con bà nên bây giờ bà phải đói. Mà cũng đúng thế thật. Chồng bà chết từ khi nó mới lọt lòng ra. Bà thất lưng buộc bụng, nuôi nó từ tám tám, tí tí giờ đi. Cũng mong để khi mình già, tuổi yếu mà nhờ. Thế mà chưa cho mẹ nhờ được một li, nó đã lăn cổ ra nó chết. Công bà thành công toi.

Con vợ nó không phải giống người. Nó có biết thương mẹ già đâu! Chồng chết vừa mới xong tang, nó đã phải vội vàng đi lấy chồng ngay. Nó đem đứa con gái lên năm giả lại bà. Thành thử bà đã già ngót bảy mươi, lại còn phải còm còm, làm mà nuôi đứa con gái ấy cho chúng nó. Hết xương, hết thịt vì con, vì cháu, mà nào được trông mong gì?

Nuôi cháu bảy năm trời, mãi cho đến khi nó đã mười hai, bà cho nó đi làm con nuôi người ta lấy mười đồng. Thì cái mả cho bố nó đã mất tám đồng rồi. Còn hai đồng bà dùng làm vốn đi buôn, kiếm mỗi ngày dăm, ba xu lãi nuôi thân. Có chạy xạc cả gấu váy, hết chợ gần đến chợ xa, thì mới kiếm nổi mỗi ngày mấy đồng xu. Sung sướng gì đâu! Ấy thế mà ông trời ông ấy cũng chưa chịu để yên. Năm ngoái đấy, ông ấy còn bắt bà ốm một trận thập tử nhất sinh. Có đồng nào hết sạch. Rồi chết thì không chết nhưng bà lại bị mòn thêm rất nhiều sức lực. Chân tay bà đã bắt đầu run rẩy. Người bà thỉnh thoảng tự nhiên bủn rủn. Đang ngồi mà đứng lên, hai mắt cũng hoa ra. Đêm nằm, xương cốt đau như giần. Đi đã thấy mỗi chân. Như vậy thì còn buôn bán làm sao được? Nghĩ đến nắng gió bà đã sợ.

Tuy vậy mà bà vẫn phải ăn. Chao ôi! Nếu người ta không phải ăn thì đời sẽ giản dị biết bao? Thức ăn không bao giờ tự nhiên chạy vào mồm. Có làm thì mới có. Nhưng bây giờ yếu đuối rồi, bà không còn kham được những việc nặng nề, cũng không còn chịu đựng được nắng sương. Bà phải kiếm việc nhà, việc ở trong nhà. Ở làng này, chỉ có việc bé em, như một con bé mười một, mười hai tuổi. Mới đầu còn có nhiều người muốn thuê. Ai cũng nghĩ rằng: những bà già tính cẩn thận và chẳng bao nhiêu, bữa lưng bữa vức thế nào cũng đủ no; mà đã không no các cụ cũng chỉ lặng im, không ám ức như những đồ trẻ nhãi, hơi một tí cũng đem chuyện nhà chủ đi kể với đủ mọi người hàng xóm... Nhưng thuê bà được ít lâu, tự nhiên người ta chán. Người ta nhận ra rằng: thuê một đứa trẻ con lại có phần thích hơn. Trẻ con cạo trọc đầu. Những lúc tức lên, có muốn cốc nó dăm ba cái thì cứ cốc. Chẳng ai kêu: ác! Nhưng bà lão đầu đã bạc. Người ta tức bà đến gần sặc tiết ra đằng mũi cũng không thể giúi đầu bà xuống mà cốc. Cũng không thể chửi. Mắng một câu, đã đủ mang tiếng là con người tệ. Mà bà thì lắm cảm, chậm chạp, lì lợm. Bà rờ như thể xảm rờ. Tay bà, đưa bát cơm lên miệng cũng run run. Cơm vương vãi. Tương mắm rớt ra mâm, rớt xuống yếm bà, rớt cả vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo đứa bé nằm

ở lòng bà. Rồi hơi trái gió, trở trời, bà lại đau mình. Suốt đêm bà thở dài với rên rầm kêu trời. Có khi bà lại khóc lóc, hờ con. Nghe rộn cả người. Như vậy thì chịu làm sao được? Ấy thế là người ta lại phải tìm cơ tống bà đi. Bà lại phải gạ gãm ở cho nhà khác... Không đầy một năm trời bà thay đổi đến năm, sáu chủ. Mỗi lần đổi chủ là một lần hạ giá. Thoạt tiên cơm nuôi tháng một đồng. Rồi cơm nuôi tháng năm hào. Rồi cơm nuôi, một năm bốn đồng. Rồi hai đồng. Rồi chẳng có đồng nào. Đến nước ấy mà cũng chẳng ma nào chịu được. Một hôm, người chủ cuối cùng sai bà xách hai cái lọ đi kín nước. Bà bảo: bà chỉ có thể mang một lọ. Y đã lấy sự ấy làm khó chịu, nhưng cố nhịn. Nhưng một lọ cũng không xong. Bà xách một lọ nước đầy, ở dưới cầu ao bước lên bờ, chẳng biết bầy rầy thế nào mà ngã khuyu xuống, vỡ tan cái lọ và què một bên tay. Nghe tiếng bà kêu, chủ nhà phải chạy ra đỡ bà về. Không ai có thừa cơm nuôi báo cô bà. Y bèn đãi bà năm hào cho bà về hưu trí. Từ ngày ấy đến nay tính ra đã hơn ba tháng rồi.

Hơn ba tháng, bà lão chỉ ăn toàn bánh đúc. Mới đầu, còn được ngày ba tấm. Sau cùng thì một tấm cũng không có nữa. Tiền hết cả. Mỗi sáng, bà ra chợ xin người này một miếng, người kia một miếng. Ai lấy đâu mà ngày nào cũng cho như vậy? Lòng thương cũng có hạn. Mấy hôm nay bà nhịn đói. Bởi thế bà lại đem con ra hờ. Bà hờ thê thảm lắm. Bà hờ suốt đêm. Bà khóc đến gần mòn hết ra thành nước mắt. Đến gần sáng, bà không còn sức mà khóc nữa. Bà nằm ẹp bụng xuống chiếu, nghĩ ngợi. Có người nói: những lúc đói, trí người ta sáng suốt. Có lẽ đúng như thế thật. Bởi vì bà lão bỗng tìm ra một kế. Bà ra đi.

Cứ đi được một quãng ngắn, bà lại phải ngồi xuống nghỉ. Nghỉ một lúc lâu, trống ngực bà mới hết đánh, tai bà bớt lũng bùng, mắt bà bớt tối tăm, người tạm tạm thôi quay quắt. Bà nghỉ tất cả năm sáu quãng. Thành thử đến tận non trưa, bà mới tới nhà mình định tới: ấy là nhà bà phó Thụ, nuôi cái đi. Bà quen gọi như vậy, ngay từ khi nó còn nhỏ; cái đi tức là đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất, yên thân mà mặc tất cả những gì còn lại. Anh con trai chẳng còn phải khổ sở như bà ngày nay.

Bà nghĩ đến con, để mà ghen với nó thêm lần nữa, trong khi ngồi nghỉ ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ. Ngoài đầu ngõ nhà bà phó Thụ, có một cây sung lớn. Bà tựa lưng vào gốc. Từ đầu ngõ vào đến nhà, còn những hai lần cổng. Có gọi thật to, ở trong nhà mới nghe tiếng. Mà bà thì còn hơi sức đâu mà gọi? Tiếng bà bãi hải. Hơi nói to một chút, nó đã ra đằng lỗ tai. Vả lại, chớ nhà giàu dữ lắm. Nhà bà phó Thụ có những hai con chó đẫy đà, lực lưỡng. Lúc thiến, người ta rắc mảnh chai tán nhỏ vào. Vết thiến lành dùm mảnh chai ở bên trong gây cho con vật một nỗi đau ngứa ngứa, suốt đời không khỏi. Nỗi đau làm tội nó. Nó bứt rứt, khổ sở, cáu kỉnh, nên bạ thấy người nào lại nào cũng lấn xá vào chân, hoặch một miếng, ray thịt người ta cho hả giận. Trời ơi! Những con chó nhà bà phó Thụ, chúng dữ ghê gớm lắm. Bà lão nghĩ đến chúng còn chết khiếp. Cái lần bà đưa cái đi vào, một người nhà phải cầm một cái gậy to tướng ra đe. Ấy thế mà cả ba con cũng hồng hộc chạy ra. Chúng vây lấy bà già rách rưới. Con nào cũng uốn cong cái lưng xuống, héch cái mõm đen thui lên, nhe ra những chiếc răng trắng hơn hớn và nhọn sắc. Bị cái gậy của người nhà cản lại, chúng càng tức tối. Chúng lộng lộn chung quanh. Chúng nhảy chồm lên. Chúng ngoạm những cái cột giậu, kêu sồn sột. Chúng lay thật mạnh, hục hặc như muốn bẻ gãy cái cột, để lao vào đầu người ta... Bà lão với đứa cháu cứ rúm cả tay chân lại. Cháu nép vào bà, bà nép vào người bà phó Thụ. Chị người nhà thì luôn tay vục cái gậy bên này, bên nọ, đằng sau, đằng trước, và quất mắng. Ấy thế mà một con chó còn xông vào được, và chỉ một tí nữa nó xơi chân bà một miếng. Nhưng chị người nhà đánh kịp. Nó mới dám dẫm vào cái bắp chân gầy đét của bà lão thôi. Hừ hừ!... Bây giờ dám gọi sao? Chó thính tai mà lại rất mau chân. Chúng xộc cả ra thì khốn. Ấy thế là bà lão đành ngồi đợi dịp. Cái đi bé em ra ngõ chơi chẳng hạn... Hay là có người nào trong nhà đi đâu... Hay là có người đàn ông khoẻ mạnh nào đến nhà bà phó Thụ, để cho bà đi ghe... Bà ngồi rỗi, tưởng tượng ra đủ mọi cái may mắn tương tự thế. Chỉ còn mỗi một cái bà chưa nghĩ đến: ấy là lúc chính bà phó



Thụ ra, hoặc đi đâu về. Thì chính bà phó Thụ đi chợ về. Mới thoát trông thấy bà lão, bà tưởng là một con mẹ ăn mày. Bà hơi cau mặt:

- Ai kia? Ai ngồi làm gì kia? Chó nó ra, nó lòi mớ ra cho đấy. Sao mà bạo thế?

Bà lão quay lại mỉm cười móm mém:

- Bẩm bà đi chợ về!...

Bà phó Thụ mở to đôi mắt đỏ ngầu, nhìn kĩ hơn một chút. Bà nhận ra bà cái dĩ ở. Tức thì mặt bà nguỷ xuống. Bà lão này còn muốn quấy quả gì nữa đây? Để vùi tiền thêm chẳng? Bà lão rên một tiếng và chống tay lên đầu gối, bầy rầy đứng lên. Bà phó hỏi:

- Bà đi đâu thế?

Bà lão lại rên tiếng nữa để mở đầu câu nói (bà rên cũng như một vài người khác bạ lúc nào cũng thờ dài. Cái ấy thành thói quen).

- Bẩm bà, con lên chơi với cháu. Lâu lắm, cháu không được về, con nhớ cháu quá!

- Úi dào ôi! Vẽ cái con chuột chết! Nó phải làm chú có rồi đâu mà bà chơi với nó? Nhà tôi không có cơm cho nó ăn để nó cứ nòng nống nó chơi. Bà muốn chơi với nó thì đem ngay nó về nhà, tìm cơm cho nó ăn, bà cháu chơi với nhau vài ba tháng cho thật chán đi, rồi hãy bảo nó lên. Tôi không giữ. Bà tưởng nó đã làm giàu làm có cho tôi rồi đấy, hử?

Bà cần phải nói ráo riết ngay để chặn họng, không cho bà lão mở mồm vùi vĩnh. Bà lão bị những lời tàn nhẫn ấy hắt vào mặt quả nhiên không còn nói sao được nữa. Bà cúi đầu, như một con mẹ ăn cắp lúa, bị tuần sương tóm được. Bà phó chiếp chiếp mồm luôn mấy cái, rồi vác mặt lên trời mà bảo:

- Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gở mũi còn chưa sạch thì không thấy chơi với bời. Người ta nuôi mãi, bây giờ mới trợn lông đỏ da một tí, đã phải đến mà giờ quê. Tưởng báu ngọc lắm đấy! Tưởng người ta đã phải giữ khư khư lấy đấy!... Úi chào! Có phải mà tổ nhà người ta đâu mà người ta giữ? Muốn bắt nó về, cho nhà nào nó nuôi làm bà cô tổ nhà nó thì cứ bắt. Ai người ta thiết? Cứ trả lại tiền người ta!...

Bà lão rưng rưng nước mắt. Khốn nạn, bà có ý quát quéo thế đâu? Bà lão mếu máo:

- Bẩm bà, bà dạy thế thật oan cho con quá. Trời để con sống bằng này tuổi đầu, con còn dám lừa lọc hay sao? Thật có trời trên kia làm chứng, nếu con quả định đến đây để dỗ dành cháu về để đem cho người khác thì trời cứ vật chết con đi! Con chỉ xin bà cho được trông thấy cháu, bà cháu chơi với nhau một lúc. Cũng chẳng còn mấy chốc nữa mà con chết, con cũng tưởng đi chơi đối già một bận...

- Nó không được rồi mà chơi với bà. Chẳng chơi bời gì cả! Bà đã trót lên thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bận sau thì đừng vẽ con khỉ nữa. Nhà tôi không có thói phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, để tôi cũng phải nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở mà còn không biết phận... Chơi với bời!...

Môi bà lại chiếp chiếp và xìa ra...

Cái dĩ vừa trông thấy bà, mừng rồi rít. Nó cười rồi nó khóc chẳng biết vì sao cả. Nhưng đôi mắt

khoằm khoằm của bà phó Thụ dội nước vào lòng nó. Nó tự nhiên ngưng nghịu. Nó không dám xoắn xuýt bà nó nữa. Nó cúi đầu, khẽ hỏi:

- Bà đi đâu đấy?

- Bà đến xin bà phó một bữa cơm ăn đây! Bà đói lắm.

Câu nói rất thật thà ấy, bà lão dùng giọng đùa mà nói. Như thế người ta gọi là nửa đùa nửa thật. Một cách lấp liếm cái ý định của mình bằng cách nói toạc nó ra. Cái dĩ bề em, dất bà ra đầu chái, để không bị ai nhìn nữa...

- Da bà xấu quá! Sao bà gầy thế?

- Chỉ đói đấy thôi, cháu ạ. Chẳng sao hết.

- Lớp này bà ở cho nhà ai?

- Chẳng ở với nhà ai.

- Thế lại đi buôn à?

- Vốn đâu mà đi buôn? Với lại có vốn cũng không đi được. Người nhọc lắm.

- Thế thì lấy gì làm ăn?

- Chỉ nhịn thôi chứ lấy gì mà ăn!

Bà cháu mới kịp trao đổi với nhau từng ấy câu thì bà phó đã the the hỏi:

- Nó bề em đi đâu rồi?

Ấy là dấu hiệu bà sắp gọi. Cái dĩ vội đặt em xuống đất, bảo:

- Bà giữ nó hộ con một tí.

Nó cời dải yếm lấy ra một cái túi rút con con. Trong túi xóc xách mấy đồng trinh. Nó rút ra, đếm lấy hai xu, gửi cho bà...

- Con biếu bà để bà ăn bánh đúc. Bà về đi!

Tiếng bà phó giục:

- Cái dĩ đi đâu rồi? Đem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm.

- Vâng!

Nó tắt tườì bề em chạy về. Bà lão hãi chó, lẽo đẽo đi theo cháu. Bà phó trông thấy mà lộn ruột. Bà xa xả:

- Bà đừng theo đit nó thế. Bà cứ ngồi một chỗ rồi mà ăn cơm, Khiếp thật thôi!

- Vợ ông!...

Bà lão “vâng” thành một tiếng rên. Bà vào nhà, ngồi xón vén vào một xó ngay xuống đất. Bà phó cất lấy con. Cái đĩa lứt cụt chạy xuống nhà dưới. Một lát sau, tiếng đĩa bát bắt đầu lạch cạch... Bà phó bảo:

- Bà xuống dưới này mà ăn cơm.

Bà bế con ra. Bà lão theo sau. Tiếng khung cửi đã ngừng. Mấy cô dệt cửi đều là con gái hoặc con nuôi bà phó Thụy, đang tới tấp, cô xới cơm, cô bỏ rau, cô sẻ mắm, chung quanh cái mâm gỗ đặt ngay trên mặt đất. Cả nhà quây quần vào, chỉ ngồi có một mâm. Bà lão chẳng đợi ai phải bảo, ngồi ngay xuống cạnh cháu, tay run run so đĩa. Trông bà so đĩa mà ngứa mắt! Bà phó muốn giật xoét lấy làm thật nhanh cho đỡ bực. Nhưng bà nhịn được. Bà chỉ chép miệng và lừ lừ đôi mắt, tỏ ý khó chịu. Cái đĩa hiểu nên chỉ nhìn xuống đất. Nó giận bà nó lắm. Nó đã bảo bà nó về đi mà bà nó không chịu về...

Bà phó chẳng nói nửa lời, bê lấy bát cơm ăn. Mặt bà vẫn hầm hầm. Lũ con gái, con nuôi, con ở, biết hiệu, vội vàng cũng làm theo. Chậm một tí, bà chửi cho phải biết! Có khi bà hất cả bát cơm vào mặt. Bà lão nhìn vòng quanh một lượt, rồi cũng cất bát cơm lên:

- Mời bà phó...

Nhưng bà vừa mới há mồm ra thì bà phó đã cau mặt quát:

- Thôi, bà ăn đi! Đừng mời!

Bà lão vội vàng ăn ngay. Nhưng họ ăn nhanh quá. Mọi người đều lặng lẽ, cắm cúi, mãi một. Đĩa đĩa này lên lại có đôi khác xuống. Liên tiếp luôn như vậy. Cứ tằm tấp tằm tấp. Tay bà lão lờ rờ, không biết lợi dụng lúc nào để gắp rau vào bát mắm. Lập cập quá, bà đánh rơi cả mắm ra ngoài bát. Bà phó lại cau mặt, gắt:

- Sẻ riêng cho bà ấy một bát mắm, để ra cạnh mâm cho bà ấy!

Một cô vội làm ngay. Từ đấy, bà lão dễ xoay xở hơn một chút. Nhưng bà mới ăn chưa hết hai lượt cơm thì bà phó đã quăng bát đĩa xuống đất. Chỉ một thoáng sau, mọi người khác cũng thôi. Họ thôi gần đều một lượt. In như bà mẹ ra hiệu cho họ vậy. Thật ra thì lẽ mỗi người chỉ được ăn có ba vục cơm thôi. Mà phải ăn nhanh để còn làm. Nhưng bà lão nhà nghèo, đã quen sống vô tổ chức, làm gì hiểu trong những nhà thừa thóc, thừa tiền, lại có sự hạn chế miệng ăn như vậy? Bà đoán rằng họ khảnh ăn. No dồn, đói góp. Người đói mãi, vớ được một bữa, tất bằng nào cũng chưa thấm tháp. Nhưng người no mãi, người ta có cần ăn nhiều lắm đâu. Vậy thì bà cứ ăn. Ăn đến kì no. Đã ăn rình thì ăn ít cũng là ăn. Đàng nào cũng mang tiếng rồi thì dại gì mà chịu đói? Bà ăn nữa thật. Cái đĩa ngược quá, duỗi cổ ra, trợn mắt, nuốt vội mấy miếng cơm còn lại như một con gà con nuốt nhái. Rồi nó buông bát đĩa. Bà bảo cháu:

- Ăn nữa đi, con ạ. Nồi còn cơm đấy. Đưa bát bà xới cho.

Nó chưa kịp trả lời thì bà phó đã mắng át đi:

- Mặc nó! Nó không ăn nữa! Bà ăn bằng nào cho đủ thì cứ ăn!

À! Bây giờ thì bà lão hiểu. Người ta đứng lên tất cả rồi. Chỉ còn mình bà lão ngồi ăn với bà phó

Thụ ngồi lại để lờm vớ nguyệt. Nhưng bà lão còn thấy đói. Còn cơm mà thôi ăn thì khí tiếc. Và đã đi ăn chục thì còn danh giá gì mà làm khách. Bà cứ ăn như không biết gì. Đến khi bà đã tạm no, thì cơm vừa hết. Chỉ còn một ít bám dưới đáy và chung quanh nôi. Bà vẫn tiếc. Bà kéo cái nôi vào lòng, nhìn, và bảo con bé cháu:

- Còn có mấy hột để nó khô đi mất. Tao vét cho mày ăn nốt đi kẻo hoài, dĩ nhé?

- Khô mặc kệ nó! Bà có ăn được hết thì ăn đi, đừng bảo nó. Nó không ăn vào đâu được nữa. Ăn cho nó nứt bụng ra thì ăn làm gì?

Bà phó vội gắt gồng bảo thế. Ủ, thì bà ăn nốt vậy! Bà cạo cái nôi sồn sột. Bà trộn mắm. Bà rầm nốt. Ài chà! Bây giờ thì bà no. Bà bỗng nhận ra rằng bà no quá. Bụng bà từng tức. Bà nói thất lưng ra một chút cho dễ thở. Bà tựa lưng vào vách để thở cho thoải thích. Mồ hôi bà toát ra đầm đìa. Bà nhọc lắm. Ruột gan bà xộn xạo. Bà muốn lăn kên ra nghỉ, nhưng sợ người ta cười, cố gượng. Ôi chao! Già yếu thì khổ thật. Đói cũng khổ mà no cũng khổ. Chưa ăn thì người rời rã. Ăn rồi thì có phần còn nhọc hơn chưa ăn. Ôi chao!...

Xế chiều hôm ấy, bà lão mới ra về được. Bà bảo: về muộn cho đỡ nắng. Thật ra thì bà tức bụng, không đi nổi. Mà bà uống nhiều nước quá. Uống bằng nào cũng không đỡ khát. Bà chỉ càng thêm tức bụng. Đêm hôm ấy, bà lăn lóc rất lâu không ngủ được. Bà vằn cái bụng, bà quay vào lại quay ra. Bụng bà kêu ong óc như một cái lọ nước. Nó thẳng căng. Bà thờ ỉ ạch. Vào khoảng nửa đêm, bà thấy hơi đau bụng. Cơn đau cứ rõ thêm, cứ tăng dần. Chỉ một lúc sau, bà đã thấy đau quặn quéo, đau cuống cuồng. Rồi bà thổ. Rồi bà tả. Ôi chao! Ăn thật thì không bỏ mửa. Bà tối tăm mặt mũi. Đến khi bệnh tả dứt thì bà lại sinh chứng đi lị. Ruột bà đau quặn quặn. Ăn một tí gì cũng đau không chịu được. Luôn nửa tháng trời như vậy. Rồi bà chết. Bà phó Thụ, nghe tin ấy, bảo: "Bà chết no". Và bà dùng ngay cái chết ấy làm một bài học dạy lũ con gái, con nuôi:

- Chúng mày xem đấy. Người ta đói đến đâu cũng không thể chết nhưng no một bữa là đủ chết. Chúng mày cứ liệu mà ăn tộ vào!...

\*\*\*

## Người tìm được mộ nhà văn Nam Cao

- Ngày 7/6/2010, tôi gọi điện thoại hẹn ông Doãn Phú cho bài viết của mình, ông Phú nói: Chiều nay không gặp được bởi trời mưa to. Tôi cười, tưởng ông nói đùa ấy thế mà khoảng 3 giờ chiều hôm đó, thời tiết chuyển nhanh đến chóng mặt, từ nắng sang giông và mưa to ập tới...

Nhớ như in hành trình tìm mộ

Ông Phú mở đầu cho cuộc hành trình tìm mộ của nhà văn Nam Cao bằng câu chuyện về báo cáo tổng kết tại huyện Lý Nhân (Hà Nam) có nói nhà văn Nam Cao và 1 đồng chí trong ban liên lạc, 1 đồng chí tổ trưởng hy sinh, được người dân chôn cất tại đường Quốc lộ 1 (Ninh Bình).

Sau 10 năm, huyện Gia Viễn xây dựng nghĩa trang đã mang 3 ngôi mộ về, lúc bấy giờ những ngôi mộ đều có tên. Dù học sinh cấp 2 được cử đi chuyển mộ đã đánh dấu từng bục hài cốt bằng bút mực và phấn, nhưng do tự lái đò, rồi gặp cơn mưa to, những dòng chữ đó phai, thuyền lật làm đổ và xáo trộn hài cốt của 3 đồng chí. Vì chuyện hy hữu này mà 3 đồng chí không còn tên và chỉ được đánh số thứ tự.

\*\*\*